

diễn đàn

Số 103/ 1.2001

ISSN 1164-2378

F O R U M

Chào Thế kỉ...



Jean-Claude LABBE, *Sửa soạn di dự hội (dân tộc Thái đen)*

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|-------------------|----------------|
| 1 | Chào Thế kỉ | Diễn Đàn |
| 5 | Tin / Thời sự | |
| 12 | Phở tổng thống... | Đỗ Tuyết Khanh |
| 15 | Thư chất vấn | Trần Độ |
| 16 | Thư Hà Nội | N. S. P. |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|-----------------------------------|----------------|
| 17 | Đọc truyện ngắn của Mai Ninh | Thường Quán |
| 19 | Toà lâu đài cổ đã bán... | Minh Tú Huber |
| 20 | Kinh thánh của một con người | Cao Hành Kiệt |
| 23 | Đọc hồi ký Bùi Trọng Liễu | Đặng Tiến |
| 25 | Một chuyến thăm quê | Bùi Trọng Liễu |
| 28 | Ngón ngang (<i>truyện ngắn</i>) | Nguyễn Ngọc Tư |
| 30 | Từ kiểm hiệp đến Kim Dung | Văn Ngọc |

Sau khi gọi thế kỉ XIX là *Thế kỉ dài* (1780-1914), nhà sử học Eric J. Hobsbawm đã gọi thế kỉ XX là *Thế kỉ ngắn*, là *Thời đại của những Thái cực* (1914-1991).

Đối với riêng Lịch sử Việt Nam, theo cách phân kì ấy, thế kỉ XX vừa là *Thế kỉ dài* vừa là *Thời đại của những thái cực*. Dài, vì nó bắt đầu từ năm 1858 với trái đại bác đầu tiên bắn vào Đà Nẵng, hay ít nhất từ năm 1884, khi chủ nghĩa thực dân đã chiếm lĩnh toàn bộ nước ta. Và như mọi người đều biết, nó đã không chấm dứt năm 1954 ở Điện Biên Phủ, hay năm 1975 khi thành phố Sài Gòn *tìm lại* tên gọi Hồ Chí Minh mà mùa thu 1945 cả một thế hệ lên đường kháng chiến đã thề ước. Năm 1991 khi Liên Xô sụp đổ (EJH đã chọn để kết thúc *Thế kỉ ngắn*) thì Thế kỉ XX vẫn còn kéo dài ở Việt Nam, nếu ta chấp nhận mục tiêu mà Đảng cộng sản Việt Nam đặt ra cách đây 70 năm : tiến hành *cách mạng dân tộc dân chủ*. Độc lập và thống nhất đã thực hiện sau một thế kỉ đấu tranh chống bốn cuộc ngoại xâm tàn khốc. Cái giá phải trả là : sự tiêu hao nội lực của dân tộc, thế lưỡng cực của chiến tranh lạnh đã tác động sâu sắc vào tình nghĩa đồng bào. Hai thái cực anh hùng và bi tráng ấy dẫn tới hậu quả : thế giới bước sang thế kỉ XXI, nhưng Việt Nam không chỉ tụt hậu về kinh tế mà còn thua kém một cuộc cách mạng dân chủ.

Những tiến bộ do công nghệ tin học và sinh học đã và sẽ mang lại có thể cho phép nước ta (và những nước thế giới thứ ba) “ đi tắt ” trong một số lãnh vực để bắt kịp thế giới. Nhưng “ nền kinh tế tri thức ” mà người ta đang hô hào với ít nhiều tin tưởng đòi hỏi những điều kiện tiên quyết, mà hàng đầu là : dân trí. Dân trí, vấn đề mà Phan Châu Trinh nêu lên cách đây một thế kỉ, ngày nay đặt ra rất cụ thể và rành mạch : trình độ học vấn, óc khoa học, tinh thần dân chủ, ý thức công dân.

Ý thức công dân, đầu năm 2001 này, hiểu theo nghĩa toàn diện của nó : công dân của một quốc gia, và công dân thế giới. Điều ấy đã hiển nhiên trong những lĩnh vực như môi trường, văn hoá, khoa học..., lại càng đúng về kinh tế, xã hội. Chủ nghĩa kinh tế liberal cực đoan đang muốn dẫn nhân loại tới mô hình trong đó 80 % người ở hai ba chục nước giàu, và 10-20 % người ở ta và các nước nghèo sinh sống thoải mái hoặc quá phung phí, đa số còn lại sống lay lắt, vô vọng.

Chào năm mới, thế kỉ mới, chúc bạn đọc những điều tốt đẹp nhất, chúng tôi cũng mong chia sẻ một tâm nguyện : dân tộc ta, loài người chúng ta đáng sống một cuộc sống khác.

Diễn Đàn

Sau 8 tuần lễ liên tiếp trình chiếu ở Paris và vùng phụ cận, trước khi chiếu ở một số địa phương khác,

Những người thợ xé

phim của Vương Đức
(78 phút, nói tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp)
sẽ chiếu 3 xuất đặc biệt

ngày **14, 21 và 28.1.2001** (14g15)
tại **Cité des Sciences et de l'Industrie**
La Villette, 30 av. Corentin-Cariou, PARIS 19
www.cite-sciences.fr

Lịch lưu diễn tại châu Âu của NGUYỄN LÊ trong quý 1 năm 2001

Tháng 1 :

Ngày 8, tại Paris (phòng New Morning) với Hương Thanh, « Moon & Wind », từ 29 đến 31, tại Chambéry : « rehearsals/ workshop »

Tháng 2 :

Ngày 1 tại Chambéry : concert of the workshop ; 24/26 tại Paris (Duc des Lombards) : Paolo Fresu Angel 4tet ; 27 tại Cergy Pontoise : Paolo Fresu Angel 4tet ; 28 tại Metz : Paolo Fresu Angel 4tet

Tháng 3 :

Ngày 10, tại Le Creusot : guest w/ CNSM bigband ; 12-18 tại Italia : Nguyễn Lê trio (khả năng) ; 22 tại Vaux en Velin : Michel Benita 4tet (khả năng) ; 25 tại Paris (Auditorium St-Germain) : Nguyễn Lê trio (Renaud Garcia Fons, Karim Ziad)

Vở múa mới

REQUIEM / NGUYỄN CẦU **của đoàn Ea Sola**

(do Ea Sola sáng tác, biên đạo, dựa trên bộ gõ và hồ Huế)
sau khi ra mắt lần đầu tiên tại triển lãm Quốc tế
HANNOVER 2000

sẽ lưu diễn mùa **Xuân 2001** tại châu Âu :

STRASBOURG (Le Maillon, 6-7 avril)

BRUXELLES (Palais des Beaux-Arts, 21 avril, có thể)

ROTTERDAM (Rotterdamse Schouwburg, 2-3 mai)

AMSTERDAM (Stadsschouwburg, 2-3 mai, có thể)

PARIS (Théâtre de la Ville, 9-10-11-12 mai)

AMIENS (Maison de la Culture, 15 mai)

BERLIN (F. der Kontinente, Hebbel Theater, 8-9-10 juin)

Cũng trong mùa xuân 2001, vở múa **Voilà Voilà**
còn được trình diễn tại Pháp : LE CREUSOT (31 mars)
và FOIX (18 mai)

Bạn đọc và Diễn Đàn

Xuân Hương, Phạm Lãi, Trường Thành

1/ Trong bài **Spring Essence** (Diễn Đàn, số 102, tr.23), chữ Nôm viết đẹp. Nhưng vì lí do gì lại viết từ trái sang phải từ trên xuống dưới theo kiểu quốc ngữ, chứ không viết từ trên xuống dưới từ phải sang trái như tổ tiên ta (và có lẽ Hồ Xuân Hương) viết trước đây ?

2/ Trong bài **Một chuyến du lịch Trung Quốc từ Việt Nam** (Diễn Đàn, số 101, tr.25), tác giả viết “ *Như chúng ta đã biết, Vạn Lí Trường Thành là một trong 7 kỳ quan trên thế giới..* ”. Nếu theo sách, thì 7 kỳ quan (*les sept Merveilles du Monde*) của thời Cổ đại phương Tây là Kim tự tháp Ai Cập, vườn treo Semiramis ở Babylone, tượng thần Zeus Olympien, đền Artemis ở Ephèse, lăng Halicarnasse, tượng khổng lồ ở Rhodes, đền pha Alexandrie (trừ Kim tự tháp, 6 kỳ quan kia nay không còn nữa). Trong tiếng Pháp còn dùng cụm từ “ kỳ quan thứ 8 (*huitième merveille du monde*) ” theo nghĩa “ *chose remarquable en son genre* ”. Xin cho biết việc xếp Vạn Lí Trường Thành là một trong 7 kỳ quan trên thế giới xuất phát từ đâu ?

3/ Trong truyện ngắn **Người chơi đàn nguyệt ở Hàng Châu** (Diễn Đàn, số 90, tr.30), nhân vật lịch sử Phạm Lãi (thời cổ Trung Quốc), được xưng hô là “ tướng quân ”. Hình như Phạm Lãi chưa từng cầm quân, trong trường hợp đó cách xưng hô phải là “ tướng công ”. Xưng hô là “ tướng quân ”, có nghĩa là khẳng định là Phạm Lãi đã từng cầm quân ? Có tài liệu nghiên cứu mới nào chứng minh điều này không ?

Diễn Đàn đăng bài, chắc có thể giải thích cho biết. Xin cảm ơn.

N.V. (Paris, Pháp)

1. *Lối xếp chữ truyền thống (theo cột, từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, và xếp trang từ “ sau ” ra “ trước ”), từ khoảng nửa thế kỉ nay ở nước ta, chỉ còn duy trì khi in lại (chủ yếu là in chụp) các văn bản cổ. Còn trong các bản song ngữ (hán-việt) hay song tự (nôm - quốc ngữ), đã xếp theo trình tự chữ Latinh (theo hàng, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) : bản khắc gỗ thơ Hồ Xuân Hương năm 1909 cũng đã làm như vậy rồi. Ở Trung Quốc, Triều Tiên (nam cũng như bắc), người ta cũng xếp chữ theo lối mới. Cách xếp truyền thống chỉ còn duy trì ở Đài Loan và Nhật Bản (riêng ở Nhật, người ta cũng xếp theo lối mới trong các văn bản song ngữ hoặc những văn bản nhằm đối tượng quốc tế). Theo một cộng tác viên của chúng tôi ở Đài Bắc, thì ngày nay ở Đài Loan, lối mới cũng đã trở thành phổ biến. Một trong những nguyên nhân dẫn tới thay đổi này có lẽ là cuộc cách mạng tin học,*

Tin buồn

Chúng tôi được tin

cụ **Nguyễn Văn Bình**

đã từ trần ngày 24 tháng 12 năm 2000 tại Pháp, thọ 95 tuổi.
Tang lễ đã cử hành ngày 30.12 tại Bagneux.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Nguyễn Văn Khoa, Xuân Hương và toàn thể tang quyến.

mặc dầu các phương pháp xử lí của Unicode và ISO 10646 đều cho phép chọn hướng (theo hàng, theo cột) kể cả theo hàng, từ phải sang trái (kí tự Arab).

2. Như ông đã liệt kê, theo đúng sách vở thì “ 7 kì quan thế giới ” chỉ gồm có 7 công trình nằm trong khu vực tương đối nhỏ, từ phía đông Địa Trung Hải đến vùng Lương Hà, trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến lịch sử cổ đại phương Tây. Trong tâm lí đương đại, thì đối với nhiều người, Vạn lí Trường thành hay những Kim tự tháp Inca ở châu Mỹ Latinh mặc nhiên được xếp vào “ 7 kì quan ” (nhất là khi 6 trên 7 kì quan trong danh sách kia không còn nữa) – đầu tháng 12.2000, người viết mấy dòng này được chứng kiến tận mắt : đa số học viên một lớp Hán ngữ ở Trường đại học Paris 7 đều nghĩ rằng Trường thành là một trong 7 kì quan. Tóm lại, chúng tôi cho rằng trong ngôn ngữ thông thường “ 7 kì quan ” không còn là một danh sách bất di bất dịch, có giá trị khoa học được mọi người thừa nhận như bảng Mendeleiev, mà trở nên một thành ngữ mà nội dung gắn liền với quy ước tâm lý và niềm tin huyền thoại. Nói đến Trường thành, còn có một huyền thoại khác : ai đó đã khẳng định rằng Trường thành là công trình duy nhất có thể nhìn thấy từ mặt trăng, từ đó nhiều người chặc mồm như vậy. Theo chúng tôi biết, các ảnh chụp mặt đất từ Trăng đã chứng tỏ đó chỉ là một huyền thoại.

3. Chúng tôi nghĩ đây chỉ là một trường hợp dùng từ không chính xác. Có lẽ nhân vật “ tôi ” gọi Phạm Lãi là tướng quân vì cho rằng nhân vật này làm quân sư, thì cũng là một thứ chính uỷ, sĩ quan chính trị, mặc nhiên có thể đeo quân hàm chăng. Dầu sao, đây là một hư cấu văn học. Kể viết mấy dòng này trộm nghĩ, việc xưng hô giữa người thực ngày nay mà “ loạn ” thì nguy hại hơn nhiều. Thí dụ như bệnh lạm phát chữ “ ngài ” trong các bài diễn văn quan phương và trên báo chí Việt Nam từ vài năm nay. Xin các quan, mỗi lần muốn xỏ chữ “ ngài ” trong các bài đit của, hãy đọc nhảm câu Kiều :

Bên thì mấy ả mày ngài

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.

May ra tiếng Việt sẽ đỡ bị ô nhiễm.

Diễn Đàn đón đón khiêu dâm ?

Tôi là một độc giả trung thành của quý báo. Thật vậy, cách đây mấy năm, tôi đến chơi nhà một người bạn, tình cờ đọc được truyện ngắn *Tiếng hú của rừng già* đăng trên quý báo. Lời văn trong sáng, dễ hiểu, cốt truyện thật hay, thật cảm động. Từ đó, tôi đăng kí mua báo dài hạn và tôi đã thật sự hài lòng khi tìm được cho mình một món ăn tinh thần hợp ý.

Nhưng vừa rồi, trong số báo tháng 10 có hai truyện ngắn *Thập niên ngũ tuần* và *Một độ khóc cười*. Không biết những

DIỄN ĐÀN FORUM

—
Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý,
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức

là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ;

Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro) .

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawa, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum) *đồng thời* gửi photocopy phiếu chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

độc giả khác, họ đã cảm nghĩ thế nào khi đọc hai bài này. Riêng tôi, tôi đã thật sự choáng váng, ngỡ ngàng khi đọc những đoạn văn tục tĩu và khiêu dâm trắng trợn (trang 53 dòng 18 và trang 59 đoạn 3) của hai tác giả này. Phải chăng đó là lối văn chương mới của đầu thế kỷ 21 hay là *Diễn Đàn* đang chuyển hướng? Nếu quả thật thế thì tiếc quá!

Riêng về trang thơ của quý báo thì hình như hơi hiếm. Và thỉnh thoảng

*Có những bài thơ đọc hoài chẳng hiểu
Cả đêm nằm suy nghĩ vẫn không ra.
Chắc tại thi nhân, lời lẽ cao xa,
Ta ngu muội đọc hoài không hiểu nổi.
Mang hỏi bạn, bạn lắc đầu chịu bí,
Thêm dăm người cũng thế, chẳng ai thông.
Thi nhân ơi, gieo rắc tiếng tơ lòng,
Sao chẳng để mọi người cùng thưởng thức?*

Một độc giả ở Paris 13 (Pháp).

☞☝ *Lệ thường, chúng tôi không đăng những lá thư không mang tên và địa chỉ người gửi – còn đăng tên thật hay bút hiệu là tùy theo ý muốn của tác giả. Song rõ ràng thư của bà/ông toát ra thiện ý, nên chúng tôi xin phá lệ và cảm ơn bà/ông đã thành thực góp ý kiến. Sau khi được chất vấn về xu hướng kì thị chủng tộc, chê trách là khiêu dâm tục tĩu tương đối là nhẹ, vì độc giả *Diễn Đàn* đều quá tuổi trưởng thành và đã tiêm chủng phòng bệnh nhiều lần rồi. Nói nghiêm chỉnh hơn: chúng tôi không nghĩ rằng những đoạn văn đã làm bà/ông choáng váng là tục tĩu và khiêu dâm trắng trợn. Dùng chữ tục (tục mà không tĩu) và đề cập tới cuộc sống tính dục là một xu hướng không mới mẻ gì trong văn học, tuy còn ít phổ biến trong văn học Việt Nam, có lẽ vì vậy mà bà/ông, và có thể có những bạn đọc khác, đã phản ứng như vậy. Chúng tôi tôn trọng ý kiến và tình cảm của bạn đọc đồng thời kiên trì chủ trương tự do sáng tác trong sự tôn trọng các giá trị nhân bản.*

Về trang thơ, chúng tôi nhận khuyết điểm là chỗ dành cho thơ quá nhỏ trên mặt báo. Lời phê bình này của bà/ông cũng là ý kiến của những nhà thơ mà bà/ông “đọc hoài chẳng hiểu”. Còn đánh giá thơ, cảm nhận, hiểu hay thích thơ... thuộc về chủ quan của mỗi người và thuộc về lãnh vực phê bình văn học, nghĩa là ngoài thẩm quyền của người trả lời thư bạn đọc.

☞☝ **Mừng ĐĐ tròn 10 tuổi**

Cầm số báo 100, lòng cô thấy vui mừng không nói được, sống xứ người nhờ báo trong bao nhiêu năm dài, đỡ nhớ quê hương, báo đến sớm hơn, đẹp hơn, nhiều trang hơn, nhứt là có nhiều truyện cô thích, tin tức bên nhà, giới thiệu sách mới, văn học miền Nam, thơ và đến 3 truyện ngắn, kỳ này có bài của cháu Mai Ninh, nhà văn nữ mà cô rất mến mộ. Cảm ơn các cháu thật nhiều. Xin có mấy dòng dưới đây

Mừng *Diễn Đàn* được 10 tuổi

Chúc báo càng tăng bài viết hay
Mừng khi cầm được báo trên tay
Diễn văn chọn lọc dung hoà bút
Đàn phổ nhạc đời đẹp lắm thay
Đúng đắn lập trường đi bước vững
Mười năm viễn xứ đỡ ai hoài
Tuổi thiêng ánh nguyệt luôn tròn khuyết
Thọ tựa hoa đào đón nắng mai.

Cô Phương Đoàn năm Canh Thìn tròn 75 tuổi
(Créteil, Pháp)

UNIVERSITY OF MASSACHUSETTS BOSTON

WILLIAM JOINER CENTER

Announces :

Rockefeller Fellowship Program “ (Re)Constructing Identity and Place in the Vietnamese Diaspora ”

See Web site: <http://omega.cc.umb.edu/~diaspora/>

This four-year Resident Fellowship Program in the Humanities is funded by a grant from the Rockefeller Foundation. Scholars from the U.S. and other countries, including Vietnam, will study various aspects of the theme “ (Re)Constructing Identity and Place in the Vietnamese Diaspora.”

We believe that this is an historic moment in both the Vietnamese diaspora and in Vietnam when writers and artists are going beyond past assumptions to reach a deeper understanding of the issues, to grope for a more integrative vision. The burdens of the past cannot be erased from history, but neither can the responsibility to the future. Our fellowship program focusses on (re)constructions of identity and place in the Vietnamese diaspora after 1975, and asks scholars to explore how diverse constructions of Vietnamese identity and community as well as Vietnamese history, literature, and culture are being shaped and reshaped in the contemporary post-war and post-refugee era across generations. While supporting the specific directions of individual scholar we are equally interested in catalyzing a network of scholars with collective commitment to innovative, interdisciplinary research relevant to the Vietnamese diaspora. We are looking for substantial contributions that will break new grounds in this project.

During the residency period, fellows working in either English or Vietnamese will conduct research and interact with faculty, staff, visiting scholars and writers, students, and local Vietnamese community members affiliated with our five collaborative institutions.

This project is a close collaboration of several academic and research/outreach units of the University of Massachusetts-Boston : The William Joiner Center for the Study of War and Social Consequences (which will have principal administrative responsibility over the project), the Asian American Studies Program, the East Asian Studies Program, the Institute for Asian American Studies, the Coalition for Asian Pacific American Youth, and the Graduate College of Education.

Please note that to allow as wide a level of participation as possible, writers/scholars in and outside Vietnam could do their works entirely in Vietnamese.

DEADLINE FOR ACADEMIC YEAR 2000-2001 APPLICATIONS :
January 31st 2000

CONTACT :

Nguyen Ba Chung, Director
Rockefeller Fellowship Program

Phone: 617-287-5850

Fax: 617-287-5855

Email: chung.nguyen@umb.edu

(thông báo trả tiền)

TIN TỨC

Việt Nam - Trung Quốc : thỏa thuận biên giới biển trên Vịnh Bắc bộ

Chủ tịch nhà nước VN Trần Đức Lương đã sang thăm chính thức Trung Quốc từ ngày 25 đến 29.12. Chuyến đi là một thể hiện mới của sự xấp lại gần nhau của hai nước trong mấy năm qua, với nhiều cuộc gặp cấp cao - mới đây nhất là giữa hai thủ tướng Chu Dung Cơ và Phan Văn Khải hồi tháng 11 vừa qua tại Singapore - và nhất là, với sự giải quyết vấn đề nổi cộm nhất trong bang giao giữa hai nước, vấn đề biên giới.

Ngày 30.12.1999, hai nước đã ký kết hiệp định về đường biên giới trên đất liền, và hứa hẹn sẽ giải quyết xong đường biên giới trên biển trước cuối năm nay. Hiệp định đất liền đã được quốc hội VN phê chuẩn trong kỳ họp tháng 6.2000 (không hiểu đã được công bố ở đâu chưa, người soạn tin này không tìm thấy nó trên trang *Tim hiểu pháp luật* của báo Nhân Dân điện tử?). Thương lượng về việc phân định biên giới trên Vịnh Bắc bộ đã được đẩy mạnh trong tháng qua, với cuộc họp của Ủy ban hỗn hợp VN-TQ về đường biên giới (từ 19.11 đến 1.12 tại Bắc Kinh) và cuộc gặp tại HN ngày 12 tới 14.12 giữa hai trưởng đoàn đàm phán của hai nước. Kết quả là *Hiệp định về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa* đã được ký kết ngay trong ngày 25.12, dưới sự chứng kiến của hai chủ tịch.

Các hiệp định biên giới được ký kết đã mở đường cho hai ngoại trưởng Đường Gia Triền và Nguyễn Dy Niên ký một *Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa Việt Nam và Trung Hoa*, bao gồm 10 điểm đi từ hợp tác về chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao sang tới văn hoá, thể thao, khoa học, tư pháp...

Đồng thời, hai bên cũng đã ký Hiệp định về hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ ; Hiệp định sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và Hiệp định hợp tác tin tức giữa Thông tấn xã Việt Nam và Tân Hoa xã Trung Quốc.

Mặt khác, tại một cuộc họp của Tổ chức quốc tế về hàng không dân dụng (ICAO) tại Montreal, Canada, VN và TQ đã đạt thỏa thuận về cơ cấu các đường bay và quản lý vùng trời trên biển Nam Trung Hoa. Cuộc thương lượng giữa hai bên về vấn đề này, với sự hỗ trợ của ICAO, đã kéo dài từ 25 năm nay. (Japan Economic Newswire 8.12, Reuters 20.12, Tân Hoa xã 11 và 25.12, Nhân Dân 25.12.2000)

Hội nghị các nhà tài trợ

Tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho VN (CG), tổ chức tại Hà Nội trong hai ngày 14-15.12, các nước tài trợ và

các tổ chức tài chính quốc tế đã cam kết tài trợ khoảng 2,4 tỉ USD cho chương trình xoá đói giảm nghèo và phát triển của VN. Đây là hội nghị CG lần thứ 8 kể từ năm 1993, khi VN nối lại quan hệ với cộng đồng tài trợ, và là lần thứ 3 được tổ chức tại HN. Tại 7 hội nghị trước, tổng vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) được hứa cho VN lên tới 15,1 tỉ USD. Trong số này, tổng mức giải ngân trong giai đoạn 1993 - 1999 lên tới gần 6 tỉ USD và gần 7,6 tỉ nếu tính cả con số ước tính năm 2000, tập trung hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, y tế, giáo dục đào tạo... Năm 1999 giải ngân ODA đạt 1,3 tỉ USD, năm 2000 ước tính 1,6 tỉ (trên 2,1 tỉ được cam kết).

Tại lễ khai mạc hội nghị, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh rằng sản xuất của VN đã lên trở lại sau 3 năm đi xuống, tuy nhiên nền kinh tế VN vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém, trước hết là chất lượng và độ bền vững của sự phát triển. Thay mặt Chính phủ VN, bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Xuân Giá đã trình bày báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996- 2000, định hướng kế hoạch 5 năm 2001-2005 và chiến lược 10 năm 2001- 2010. Theo ông Giá, nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân năm 2000 đạt gần 7%/năm, là mức trung bình của 10 năm qua. Năm 1999, năm yếu nhất trong thập kỷ, con số này chỉ là 4,8 %. Trình độ kỹ thuật thấp, sự chậm trễ trong các điều chỉnh cơ cấu kinh tế, khả năng cạnh tranh kém, giá thành cao... là những lý do cản trở nhịp độ tăng trưởng chưa cao hơn được. Trong kế hoạch 5 năm 2001-2005, VN dự kiến đạt tốc độ tăng trưởng từ 7% tới 7,5%/năm, GDP tăng gấp 2 lần trong 10 năm 1996-2005. Để đạt mục tiêu này, VN dự kiến đầu tư khoảng 56-60 tỉ USD, trong đó huy động các nguồn vốn bên ngoài 20 tỉ (bao gồm cả viện trợ phát triển và đầu tư trực tiếp), gần 65% số còn lại sẽ huy động từ các nguồn trong nước, cả từ ngân sách, doanh nghiệp nhà nước và ngoài quốc doanh.

Theo ông Andrew Steer, giám đốc Ngân hàng Thế giới (WB) tại VN, đồng chủ tịch hội nghị, con số 2,4 tỉ USD cam kết năm nay chứng tỏ “ các nhà tài trợ tin tưởng là VN sẽ thực hiện lịch trình cải tổ ”. Tuy nhiên, ông cho rằng các thành quả rất đáng kể của VN “ không thể che mắt chúng ta rằng công việc còn phải làm là hết sức lớn ”. Để thực hiện mục tiêu tăng gấp đôi GDP trong 10 năm, các chuyên gia kinh tế của các định chế quốc tế tham gia hội nghị đã nhấn mạnh tính chất cấp bách của sự cải tổ khu vực doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng và tự do hoá thương mại. Khi chính phủ nói rằng việc cải tổ nhanh chóng hơn khu vực nhà nước sẽ làm cho mỗi năm từ 80 tới 100 ngàn người mất việc, một chuyên gia của WB, ông Kazi Matin đáp lại rằng con số đó thấp hơn nhiều con số từ 1,1 tới 1,3 triệu thanh niên hàng năm tới tuổi lao động sẽ không thể tìm được việc làm nếu cải tổ không được thúc đẩy mau hơn. Các định chế tài trợ quốc tế cũng chỉ rõ, mức đầu tư thấp của khu vực ngoài quốc doanh nội địa là một thách thức lớn đối với kế hoạch của chính phủ. Ngoài ra, tiết kiệm nội địa chỉ đạt trung bình 21,5 % trong năm năm qua, giới hạn khả năng đầu tư từ các nguồn trong nước.

Hôm trước hội nghị CG, một Diễn đàn doanh nghiệp cũng đã được Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng Thế giới (WB) tổ chức tại Hà Nội, quy tụ 27 hiệp hội doanh nghiệp (DN) nước ngoài và 29 đại diện DN

trong nước với chủ đề chính là tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp VN, đặc biệt là các DN vừa và nhỏ. Phát biểu trong Diễn đàn, ông Andrew Steer cho rằng: “*Để VN có thể đạt được mục tiêu đầy tham vọng về xóa đói giảm nghèo và phát triển trong thập kỷ tới, ước tính đầu tư tư nhân cả trong và ngoài nước phải tăng từ 12% GDP trong những năm 1990 lên khoảng 18% trong thập kỷ tới*”.

Mặt khác, một báo cáo chung của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và WB, được công bố cuối tháng 11, cũng nhấn mạnh rằng “*khu vực kinh tế tư nhân cần những tín hiệu rõ ràng của chính phủ*” để có thể tích cực tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế. Theo ADB, việc các nhà lãnh đạo đảng CSVN tiếp tục nhấn mạnh “*vai trò lãnh đạo*” của kinh tế quốc doanh (không kèm theo những luật chơi rõ ràng), là một trở ngại lớn cho sự phát triển. (Tổng hợp tin báo chí trong nước và tin AFP, Reuters 30.11-16.12.2000)

65,6 triệu USD đầu tư “*phát triển con người*”

Năm 2001, Liên hợp quốc sẽ hỗ trợ cho Việt Nam 65,6 triệu USD để đầu tư vào lĩnh vực phát triển con người với mục tiêu quan trọng nhất là xóa đói giảm nghèo bền vững và tiếp tục cải thiện cuộc sống cho người dân. Số tiền này là một phần trong khoảng 2,4 tỷ USD tài trợ cho Việt Nam năm 2001 mà các nhà tài trợ vừa thông qua (xem tin trên đây). Khoản tiền này sẽ được các văn phòng chuyên trách của Liên hợp quốc tại Việt Nam thực hiện. Các tổ chức của Liên hợp quốc hiện có văn phòng tại VN bao gồm : Chương trình phát triển Liên hợp quốc (Undp), Quỹ nhi đồng quốc tế (Unicef), Quỹ dân số Liên hợp quốc (Unfpa), Tổ chức y tế thế giới (Who), Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực (Fao), Tổ chức Phát triển công nghiệp (Unido), Chương trình kiểm soát ma túy của Liên hợp quốc (Undcp), Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (Unesco), Tổ chức Lao động quốc tế (Ilo), Chương trình phối hợp phòng chống Hiv/aids của Liên hợp quốc (Unaids)...

Lũ lụt : khi Mặt trận Tổ quốc ăn chặn tiền cứu trợ...

Tiền cứu trợ đồng bào bị bão lụt do người dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đóng góp từ nhiều năm nay đã bị quan chức của Mặt trận Tổ quốc từ cấp phường lên đến cấp thành phố ăn chặn một phần đáng kể : đó là kết luận đầu tiên của công an thành phố Vinh cho biết vào đầu tháng 11 sau một tháng điều tra lập án.

Ở cấp thành phố, Mặt trận Tổ quốc đã nhận trong các năm từ 1996 đến 2000 hơn 2169 triệu đồng tiền cứu trợ, trong đó có tiền đóng góp giúp đỡ nhân dân Cuba. Theo lời khai của kế toán Nguyễn Thị Xuân, Mặt trận chỉ nộp cho kho bạc có 1286 triệu và đã giữ lại 882 triệu. Trên số này, ban lãnh đạo Mặt trận đã chi sai nguyên tắc 356 triệu, rồi rút 200 triệu chia đều cho năm người : chủ tịch và thành ủy viên Nguyễn Xuân Anh, phó chủ tịch Trương Xuân Mai, ủy viên thường trực Võ Như Tịch, thủ quỹ Trần Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Xuân. Số tiền còn lại được đưa vào quỹ đen và cho vay để chia nhau tiền lãi. Sau khi bà Xuân bị bắt, bà Hồng khai rằng mới đây cả năm người được chia đều thêm một khoản 450 triệu đồng và, như vậy, mỗi người đã ăn chặn chỉ ít 130 triệu đồng.

Ở cấp phường thì kết quả điều tra cho thấy các ban lãnh đạo Mặt trận tại 13 trên 18 phường, xã của thành phố Vinh đã để ngoài sổ sách và tham ô hàng trăm triệu đồng tiền ủng hộ đồng bào các tỉnh bị lụt và nhân dân Cuba : phường Hưng Bình 59,1 triệu đồng ; Trường Thi 17,8 triệu ; Trung Đô 28,9 triệu ; Lê Lợi 22 triệu ; Lê Mao 3,4 triệu ; Quang Trung 3 triệu ; Bến Thủy 2,2 triệu ; xã Hưng Lộc 1 triệu ; Nghi Phú 3,5 triệu ; Hưng Đông 1 triệu ; Đông Vinh 1,1 triệu... Trước thực tế được



Không sống chung với tham nhũng
Tranh của Choe, Lao Động 24.11.2000

phơi bày ra, ông Nguyễn Hữu Ban, bí thư thành phố Vinh đã phải họp báo để thông báo quyết định cách chức bí thư đảng ủy các phường Hưng Bình, Trường Thi và một số chủ tịch Mặt trận các phường liên quan tới vụ án. Ông Ban cũng lên truyền hình xin lỗi dân đã để cho “*biến thủ một số tiền cứu trợ lớn như vậy*”.

tiếp theo đó, tại một cuộc họp vào cuối tháng 11 của Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nghệ An, người ta lại được nghe chủ tịch Mặt trận huyện Nghĩa Đàn cho biết còn giữ lại 17 triệu đồng “*vì không kịp nộp vào kho bạc*”. Tình tiết này cho thấy có nhiều khả năng cả 19 tổ chức huyện, thị của Mặt trận Tổ quốc Nghệ An đã xâm phạm vào tiền cứu trợ.

Còn ở tỉnh Quảng Ngãi, người ta được biết Mặt trận Tổ quốc tỉnh mới vừa chuyển vào tài khoản ủy ban nhân dân tỉnh 5,8 tỷ đồng tiền cứu trợ do dân đóng góp và bị quan chức Mặt trận ôm giữ trong suốt 11 tháng. Trong khi đó, bản thân ủy ban nhân dân tỉnh thì ghìm giữ lại gần 3 tỷ đồng do chính phủ cấp để khắc phục những hậu quả lũ lụt năm 1999. Như vậy, sau hơn một năm, còn chỉ ít 9 tỷ đồng tiền cứu trợ chưa đến tay người dân Quảng Ngãi, nạn nhân của thiên tai và đồng thời của của quan quyền. [Tuổi Trẻ 30.11 ; Lao Động 1.12 2000]

Vụ hành hung người lao động VN tại Samoa

Ngày 28.11.2000, một số công nhân người địa phương trong nhà máy may Daewoosa ở đảo Samoa (một đảo nhỏ thuộc quần đảo Hawaii, Mỹ) đã dùng gậy gộc, dao kéo tấn công công nhân VN lao động tại nhà máy, khiến cho 2 công nhân VN bị chấn thương, đặc biệt là chị Trương Lệ Quyên (Hà Nội) bị hỏng mắt trái. Nhà máy Daewoosa (thuộc công ty Hàn Quốc Daewoo) có 243 lao động là người VN, đa số là nữ, sang đây theo hợp đồng với hai công ty cung ứng lao động VN là Cty du lịch 12 và Cty hợp tác lao động và chuyên gia (IMS). Họ làm việc trong các ngành nghề thợ may, cắt và thợ hoàn thiện sản phẩm và ăn lương 408 USD /tháng - là mức lương tối thiểu ở đảo. Theo các nguồn tin của báo Lao Động (5.12) thì

cuộc xô xát xuất phát từ những mâu thuẫn giữa người lao động Việt Nam với Cty Daewoosa và một số công nhân, đốc công người Samoa. Mâu thuẫn chính do công ty không trả lương công nhân sòng phẳng và đúng kỳ hạn. Tổng số tiền lương nợ công nhân lên đến 325 nghìn USD (từ tháng 5 tới 10.2000).

Theo AFP ngày 4.12, vụ bạo động này đã gióng lên hồi chuông báo động về việc xâm phạm quyền lợi lao động đối với công nhân Châu Á đang làm việc tại nhà máy Daewoosa. Các công nhân Việt Nam phần nộ cho biết, chính ông Kim Soong Lee - giám đốc Công ty Daewoosa đã tiếp tay cho các hành

Khi Ngân hàng thế giới “ góp ý ” với đại hội đảng...

Cuối tháng 11.2000, Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) đã công bố tại Hà Nội bản báo cáo “ *Việt Nam 2010 : tiến vào thế kỷ 21* ” nhằm đánh giá và góp ý với dự thảo của đại hội 9 đảng cộng sản Việt Nam về chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam 2001-2010. Trong cuộc họp báo giới thiệu tài liệu này, ông Andrew Steer, đại diện WB tại Việt Nam, đánh giá dự thảo chiến lược phát triển thập kỷ sắp tới của Việt Nam là đưa ra “ *những mục tiêu đầy tham vọng nhưng hợp lý* ”. Hơn thế, trong khi đảng cộng sản Việt Nam đề nghị chỉ tiêu tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2001-2010 là 7 - 8%, WB đưa ra một dự đoán cao hơn là 7 - 9%. Ông Steer cho rằng Việt Nam hoàn toàn có thể đạt được mức tăng trưởng cao hơn này “ *nếu như thúc đẩy cải cách nhanh hơn và có những chính sách thích hợp* ”. Cho nên WB “ *góp ý trên cơ sở ủng hộ công cuộc cải cách mà Việt Nam đang tiến hành* ”, và “ *kiến nghị một số vấn đề bổ sung chứ không có ý định vạch ra một dự thảo mới* ” (!). Đại diện của WB nói rõ hơn : “ *Hầu như là chúng tôi nhất trí với chính phủ Việt Nam, tuy nhiên cũng còn một số vấn đề chưa thống nhất* ”.

Phân tích mục tiêu nhân đôi GDP trong mười năm sắp tới mà bản dự thảo Việt Nam đề xuất, WB nhấn mạnh rằng nền kinh tế Việt Nam phải nâng mức đầu tư từ 23% GDP (tổng sản phẩm trong nước) hiện nay lên đến mức tối thiểu là 30%, trong khi tình hình nói chung không mấy thuận lợi. Trước hết, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã giảm xuống chỉ còn 722 triệu USD trong chín tháng đầu năm nay, và Việt Nam khó có thể trông chờ vào những nước Đông Nam Á để thu hút 2 tỉ USD mỗi năm như bản dự thảo đề ra (WB đề nghị giảm chỉ tiêu FDI xuống 1 tỉ USD/năm). Mặt khác, viện trợ phát triển chính thức (ODA) mà Việt Nam nhận được từ năm 1993 đến nay lên tới 15,1 tỉ USD, nhưng mới chỉ giải ngân được 6,3 tỉ USD (40%), và có dấu hiệu Nhật Bản, là nước tài trợ nhiều nhất, sẽ giảm đóng góp trong tương lai. Trong điều kiện FDI và ODA không đáp ứng đủ yêu cầu thì Việt Nam phải tăng cường nguồn đầu tư trong nước. Nguồn ngân sách nhà nước lại khó có thể tăng khi thu ngân sách có chiều hướng suy giảm. Trong khi đó thì, như chính phủ thừa nhận, 60% các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ. Việt Nam, vì vậy, phải dựa vào khu vực tư doanh và nâng cao mức đầu tư của tư nhân từ 7% GDP hiện nay lên 15%, tức phân nửa tổng đầu tư.

Điều này hoàn toàn khả thi và WB dẫn chứng trường hợp Trung Quốc năm 1990 chỉ có 100 000 doanh nghiệp tư nhân, nay con số đã là 1,4 triệu doanh nghiệp : “ *điều này cũng có thể xảy ra ở Việt Nam* ”. Ngoài ra Việt Nam còn có thế mạnh của các doanh nghiệp ‘ siêu nhỏ ’ tức chỉ có 4, 5 nhân công dạng hộ gia đình : “ *chính họ sẽ là nguồn đầu tư*

mới đáng kể trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ”. Muốn như vậy, nhà nước Việt Nam cần tạo ra ‘ sân chơi ’ bình đẳng thật sự giữa các thành phần kinh tế (trước hết là trong chính sách về tín dụng), thay vì đặt vấn đề xây dựng một số ngành độc quyền (“ *củng cố doanh nghiệp nhà nước để nắm quyền kiểm soát các tập đoàn kinh tế trong các lĩnh vực dầu khí, điện, than, hàng không, đường sắt, vận tải đường biển, viễn thông, cơ khí, vật liệu xây dựng, ngân hàng, bảo hiểm và kiểm toán...* ” - theo văn kiện của đại hội đảng). Song vấn đề không chỉ dừng lại ở chính sách mà liên quan đến thái độ của xã hội đối với tư nhân : “ *cần có một thái độ phù hợp ở các cấp chính quyền để bảo đảm cho các doanh nghiệp tư nhân được tự do làm ăn* ”. Nói chung hơn, giữa báo cáo của WB và văn kiện đại hội của đảng cộng sản Việt Nam chưa có sự thống nhất trên “ *vấn đề xây dựng khuôn khổ điều hành quốc gia hiện đại, mặc dù chính phủ Việt Nam đã đưa ra một số cam kết về cải cách hành chính và thực hiện dân chủ cấp cơ sở* ”.

WB còn vạch ra một sự khác biệt về quan điểm liên quan đến nền ‘ kinh tế tri thức ’ mà đảng cộng sản chủ trương tiến đến nhưng lại đồng hoá nó với việc xây dựng một nền kinh tế công nghệ cao (“ *tập trung vào một số ngành công nghiệp nặng sử dụng công nghệ cao, như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghiệp tự động...* ” - theo văn kiện đại hội đảng). Theo bản báo cáo của WB, một nền kinh tế dựa trên cơ sở tri thức không nhất thiết là một nền kinh tế công nghệ cao : nó là “ *khả năng tiếp cận và sử dụng một cách phổ quát các kỹ thuật thông tin và truyền thông* ” trong mọi hoạt động. “ *Một chương trình giảng dạy ở tiểu học khiến học sinh hấp thụ được kiến thức, chứ không phải học vẹt* ” hay là “ *người nông dân truy cập được những thông tin về thị trường* ”, đó chính là biểu hiện của nền kinh tế tri thức...

Để không ai nghi ngờ ‘ sức nặng ’ của những ý kiến góp với đại hội đảng cộng sản Việt Nam, ba tổ chức WB, ADB và UNDP đã đưa bản báo cáo của họ vào làm tài liệu cơ sở của Hội nghị những nhà tài trợ Việt Nam họp tại Hà Nội vào trung tuần tháng 12.

Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô (tốc độ tăng hàng năm - %)

	2001-2010 (mục tiêu)	1990-2000
GDP	7-8	7,6
GDP/người	5,8	6
Nông nghiệp	4	4,2
Công nghiệp	10	11,2
Dịch vụ	7	7,2
Xuất khẩu	14	20,5
Xuất khẩu hàng chế tạo	18,5	28,2

[Thời báo Kinh tế Sài Gòn 7 và 14.12 ; Tuổi Trẻ 30.11 và 10.12 2000]

động bạo lực trên khi cho phép những giám sát viên người Samoa được quyền đánh đập các công nhân Châu Á nếu như họ sai sót trong công việc.

Toà án Samoa đã buộc công ty Daewoosa phải trả lương đầy đủ cho công nhân, trả tiền cho chị Quyên đi chữa mắt ở Honolulu, và tiền máy bay về VN cho những công nhân không còn muốn ở lại làm việc trong nhà máy.

Điều đáng nhấn mạnh là trách nhiệm đem con bỏ chợ của các công ty Du lịch 12 và IMS. Theo báo Sài Gòn giải phóng (ngày 18 và 19.12.2000), mặc dầu công nhân VN đã nhiều lần kiện lên toà án Samoa về việc Daewoosa không trả lương đàng hoàng và phân biệt đối xử giữa công nhân VN và công nhân bản xứ hay Trung Quốc (và toà án đã ba lần trong năm nay buộc Daewoosa phải bồi thường), nhưng hai công ty VN chịu trách nhiệm về người lao động mình đưa sang làm thuê cho Daewoosa thì vẫn làm ngơ không can thiệp gì, thậm chí vẫn tiếp tục đưa người sang làm. Khi vụ xô xát xảy ra, 216 công nhân VN đã viết ‘đơn kêu cứu’ gửi các cơ quan hữu trách và báo chí, và đòi bồi thường, thì lãnh đạo các công ty này một mặt nói với nhà báo là họ không hay biết, một mặt làm áp lực để các gia đình không nhận tiếp xúc với báo chí, đồng thời ‘khuyên’ thân nhân tiếp tục ở lại lao động. Theo các gia đình, không những mỗi người muốn đi lao động đã phải trả cho các công ty xuất khẩu lao động 4000 đôla (và không nhận được hoá đơn rõ ràng, sòng phẳng), mà nếu vì bất cứ lý do nào (kể cả khi bị đe dọa đến an ninh cá nhân), họ muốn về nước trước thời hạn thì phải trả thêm 5000 đôla vì ‘tự ý phá vỡ hợp đồng’.

Những con số về xuất khẩu lao động

Theo lời ông Trần Văn Hàng, Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài thuộc Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, mỗi năm lao động xuất khẩu VN chuyển về nước 1,25 tỷ USD, trong đó có 1 tỷ của lao động cũ (những người ở lại nước ngoài sinh sống) và 250 triệu của lao động mới.

Đến đầu tháng 11-2000, Việt Nam đã đưa 26 300 lao động đi làm việc ở 15 nước và khu vực, dự kiến trong năm 2000 sẽ đưa đi làm việc ở nước ngoài khoảng 30 000 người. Năm 2001, chỉ tiêu của nhà nước là cố gắng đưa 50 000 lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó có 15 000 lao động đến thị trường mới (Singapore, Malaysia, Brunei), 10 000 lao động sang Đài Loan, 6 000 lao động sang Hàn Quốc, 1.200 tu nghiệp sinh sang Nhật Bản, 7 000 lao động sang Trung Đông và châu Phi. Trong các con số trên, chưa kể 3 000 thuyền viên làm việc trên tàu đánh cá nước ngoài và 5 000 lao động làm việc ở các nước Liên Hiệp Âu Châu, Hoa Kỳ và các lãnh thổ uỷ trị.

Cũng theo lời ông Hàng, hiện cả nước có 153 doanh nghiệp được cấp phép chuyên doanh xuất khẩu lao động, nhưng một nửa trong số đó chưa ký được hợp đồng để đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Qua vụ Samoa, người ta thấy ‘chuyên doanh xuất khẩu lao động’ chắc hẳn bao gồm nhiều phi vụ béo bở mà báo chí trong nước mới lướt sơ qua...

Bán trộm sóng điện thoại quốc gia

Theo báo Lao Động các số ra ngày 21 và 22.12.2000, Cơ quan an ninh điều tra Bộ Công an kết hợp với Công an

TPHCM đã phát hiện một vụ trộm cắp sóng bu điện, do một viên chức cao cấp của Bu điện thành phố cầm đầu.

Tờ báo cho biết, trước đó từ tháng 3.1999 lưu lượng các cuộc gọi từ quốc tế về Việt Nam bỗng giảm nghiêm trọng và không bình thường...

Ngày 22.9.1999, Cơ quan an ninh điều tra đã bắt quả tang tại Văn phòng đại diện Công ty Dawu Breaker đang có "cùng một lúc" hơn 50 cuộc điện thoại từ Mỹ gọi về Việt Nam... Kết quả điều tra đã xác định được bọn "trộm cắp" đã thuê đường điện thoại của bu điện, sau đó đấu nối với các thiết bị đặc chủng để chuyển thành những cuộc đàm thoại không thông qua hệ thống bu điện quốc gia. Một công ty khác, Việt T & P, đã thuê một biệt thự tại tỉnh Bình Dương, đấu nối với hơn 80 đường điện thoại có lưu lượng gần 2 triệu phút một tháng... Ước tính, chỉ trong 8 tháng (từ tháng 1 đến tháng 9.1999), bốn công ty "có đầu nối" đã chuyển trộm về Việt Nam gần 11 triệu phút điện đàm gây thiệt hại trên 8 triệu USD.

Ngày 13.12.2000, nhân vật được coi là chủ chốt vụ trộm, ông Phan Minh Hoàng, phó giám đốc Trung tâm Vô tuyến di động Sài Gòn, đã bị bắt. Từ tháng 4.2000, Phan Minh Hoàng đã thuê một căn nhà ở đường Lam Sơn với giá 6 triệu đồng/tháng. Sau đó Hoàng đưa 3 chuyên gia (quốc tịch Mỹ, nhưng tờ báo không đưa tên) đến để lắp đặt thiết bị thu phát các cuộc điện thoại từ nước ngoài về Việt Nam thông qua vệ tinh. Hai bức tường cách âm được xây lên để che giấu chảo ăngten parabol có đường kính gần 3 mét. Sau đó, Hoàng nhờ một số người quen đăng ký xin thuê bao điện thoại, rồi gom các máy này lại để đấu nối với các thiết bị "trộm cắp đặc chủng" và bán cước cho các đối tượng có nhu cầu gọi điện thoại về Việt Nam...

Giới luật sư chống lại dự án của bộ tư pháp sửa đổi quy chế hành nghề

Sau hơn sáu năm bàn luận và sửa chữa, dự thảo pháp lệnh luật sư do bộ tư pháp soạn thảo đã được trình uỷ ban thường vụ quốc hội để xem xét và thông qua thay thế cho pháp lệnh tổ chức luật sư ban hành năm 1987. Cả hai đoàn luật sư của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nơi tập trung số lượng luật sư đông nhất nước, đã lên tiếng kiến nghị uỷ ban thường vụ quốc hội không thông qua bản dự thảo này. Hội luật gia cũng lên tiếng với bộ tư pháp để bày tỏ quan điểm đồng tình với kiến nghị của giới luật sư.

Trong những điểm của dự thảo pháp lệnh gây phản ứng nhiều nhất có điều 23 qui định những luật sư làm trong các công ty hợp doanh không được phép tham gia tố tụng. Chủ nhiệm đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Đăng Trường, cho rằng qui định này tước bỏ quyền tham gia tố tụng của một số luật sư là “*trái với hiến pháp*”. Mặt khác, điều 14 lại cấm luật sư kinh doanh các ngành nghề khác, kể cả góp vốn vào doanh nghiệp. Theo luật sư Trần Ngọc Hải, giám đốc công ty Luật Hà Nội, điều này vi phạm quyền tự do kinh doanh của mọi công dân đã được hiến pháp, bộ luật dân sự và luật doanh nghiệp công nhận. Giới luật sư cũng phản ứng đối với qui định hạn chế giá trị chứng chỉ hành nghề trong một thời gian 5 năm, làm cho các thân chủ người nước ngoài không yên tâm khi nhờ đến luật sư trong nước giúp đỡ pháp lý

lâu dài trong hoạt động đầu tư ở Việt Nam. Các luật sư còn phản đối qui định về thu hồi giấy phép hành nghề khi họ từ chối thanh tra, kiểm tra, vì đây là một điều tối kỵ đối với thân chủ trong dịch vụ luật sư, có thể bị hiểu là nhà nước muốn can thiệp vào việc tư (còn nếu luật sư có hành vi phạm pháp thì có luật pháp và toà án để xử lý họ như đối với mọi công dân khác).

Trong bản kiến nghị của đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, chủ nhiệm Nguyễn Đăng Trường gọi thẳng dự thảo pháp

lệnh của bộ tư pháp là “*bước thụt lùi lớn*” so với qui chế hiện hành : “*Dự thảo đã vừa hạ thấp vai trò của các đoàn luật sư, vừa hạ thấp vị trí luật sư, lại biến luật sư thành công chức nhà nước*”. Bản dự thảo đưa ra 11 điều cấm, 7 nghĩa vụ của nghề luật sư – nhiều hơn cả điều cấm và nghĩa vụ của cán bộ, công chức – và chỉ qui định 3 quyền của luật sư, trong đó có hai quyền ghi rất chung chung : ‘theo qui định của pháp luật’.

Hiện nay, việc hành nghề luật sư gặp khá nhiều khó khăn đến từ phía các cơ quan nhà nước. Mặc dù quyền luật sư được

Hội thảo Linux ở Việt Nam

Một cuộc hội thảo về hệ điều hành nguồn mở (open source operating system) Linux đã được Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức vào hai ngày 7 và 8 tháng 12 năm 2000 tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế, Hà Nội.

Đây là cuộc hội thảo qui mô về Linux đầu tiên ở Việt Nam, để những đơn vị và cá nhân lâu nay quan tâm, nghiên cứu, triển khai ứng dụng trên Linux có dịp gặp gỡ, thông báo thành quả công việc của mình. Hội thảo cũng là dịp để các nhà lãnh đạo và quản lý công nghệ trong nước, khu vực tư cũng như công, có cơ hội tiếp cận và đánh giá sơ khởi mức độ quan tâm và thâm nhập của Linux và phần mềm nguồn mở (PMNM - Open Source Software) trong giới làm CNTT ở Việt Nam. Rộng rãi hơn nữa, đây là cơ hội để giới thiệu và quảng bá các thông tin về một phong trào PMNM ngày càng được lưu tâm trên thế giới, trong đó Linux có vai trò không nhỏ.

Hai nhà buôn sản phẩm công nghệ thông tin lớn IBM và Intel đã tích cực tham dự với vai trò tài trợ, và cũng đã tham dự báo cáo tại Hội Thảo. Các công ty CNTT Việt Nam như Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, FPT, CMC, và Tinh Vân cũng đã tham dự và tài trợ cho Hội Thảo. Tại đây giới thiệu sản phẩm của mình, IBM đã biểu cho người tham dự một CD-Rom chứa nhiều phần mềm và tài liệu quan trọng để phát triển ứng dụng trên cơ sở Linux và World Wide Web. Công ty CMC tặng cho mỗi người đăng ký tham dự hội thảo một ấn bản Red Hat Linux 6.2 được bản địa hoá (localized) tiếng Việt.

Giáo sư Tôn Ngọc Phương (Sun Yufang), Chủ tịch Công ty phần mềm Hồng Kỳ, Bắc Kinh, là khách mời đặc biệt của hội thảo. Ông chia sẻ các suy nghĩ và kinh nghiệm về việc chọn lựa và đưa Linux, bản địa hoá cho Trung Quốc với tên gọi Red Flag Linux.

Hội thảo khai mạc với độ 300 người tham dự, con số vượt quá xa mong đợi của ban tổ chức. Tuy vậy, nhờ phương tiện phòng ốc khá tốt, hội thảo đã không gặp khó khăn về chỗ ngồi. Thành phần tham dự gồm nhiều lứa tuổi, đến từ các cơ quan nhà nước, các công ty tư nhân, các đại học và viện nghiên cứu. Đa phần người tham dự đến từ Hà Nội. Một số nhỏ từ Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng ra. Các chuyên gia công nghệ thông tin người Việt ở nước ngoài cũng có gửi báo cáo tham dự, nhưng chỉ có ba người báo cáo trước hội thảo.

Bạn đọc quan tâm có thể tìm đọc toàn văn các báo cáo lưu trữ qua trang Web sau đây:

<http://www.linuxvn.com/ht712/index.html>.

Ngoài các báo cáo giới thiệu tổng quát về Linux và phong trào nguồn mở, các suy nghĩ và đề nghị một số cách nhìn dài hạn về PMNM và Linux cho nền CNTT Việt Nam, đa số các báo cáo khác (trong và ngoài nước) xoay quanh các vấn đề và kinh nghiệm thực tiễn đưa Linux vào môi trường Việt Nam. Vì thế, các vấn đề liên quan đến việc Việt hoá Linux và các PMNM liên hệ chiếm một phần quan trọng trong công việc từ trước đến nay của những đơn vị và cá nhân tham dự. Một số thành quả ứng dụng bước đầu dựa trên Linux và PMNM cũng được nhiều người quan tâm.

Qua các báo cáo ta cũng thấy rõ được sự trùng lặp những nỗ lực. Thí dụ, nhiều người nhiều nhóm cùng quan tâm giải quyết vấn đề cấp bách và bức xúc: nhập, xử lý và trình bày chữ Việt trong môi trường Linux, nhưng lại thiếu một sự kết hợp và trao đổi để công việc hữu hiệu hơn, nhất quán hơn.

Mặt còn yếu, không chỉ riêng trường hợp Linux và PMNM, là mối quan tâm và cơ hội tương xứng để vận dụng vốn liếng tri thức và công nghệ lớn lao này vào các ứng dụng phục vụ xã hội. Đây có lẽ là một vấn đề lớn cần được quan tâm và giải quyết trong giai đoạn sắp tới của CNTT Việt Nam.

Thứ trưởng bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Chu Hảo, có mặt trong gần suốt các buổi họp, đã có dịp được nghe và giải đáp một số thắc mắc, quan tâm và bức xúc của những người làm CNTT và phần nào của khách hàng CNTT. Một trong những bức xúc lớn ông hứa hẹn sẽ sớm có giải pháp là giá thuê bao dùng Internet còn quá cao. Nhìn rộng hơn, vai trò còn quá giới hạn của Internet ở các đại học và trung tâm nghiên cứu, qua nhiều phát biểu ở hội thảo, là chỗ nghẹn cần được sớm giải quyết, nếu Việt Nam muốn tham dự và vận dụng thành quả của phong trào PMNM của thế giới. Hội thảo cũng mong muốn có những biện pháp thoả đáng cho vấn đề này.

Sự kiện cho đến buổi họp cuối ngày 8.12.2000, phòng họp vẫn còn đông người, không khí trao đổi vẫn còn hào hứng, bám sát lấy chủ đề đã được đặt ra, và đặc biệt là những người tham dự không nhận được “phong bì”, đã cho phép nhiều người hy vọng đây là một bắt đầu tốt. Một trong những mong đợi chủ yếu của những người quan tâm là sự hình thành những cơ hội và định hướng lớn nhằm giúp cho việc vận dụng Linux và PMNM vào môi trường Việt Nam có thể phát huy mạnh mẽ hơn. Vai trò nhà nước, như người tạo môi trường và hoàn cảnh, cũng như ở vai trò người khách hàng CNTT quan trọng bậc nhất hiện nay, sẽ là vai trò quyết định.

(Tin riêng của Diễn Đàn)

các văn bản pháp luật tố tụng qui định, nhưng trong thực tế nó thường xuyên bị vi phạm. Luật sư Trần Vũ Hải nêu ví dụ bộ luật tố tụng hình sự cho luật sư các quyền tham gia từ khi khởi tố bị can, tham dự các buổi hỏi cung bị can, gặp gỡ bị can tạm giam : “ *nhưng khi luật sư yêu cầu cơ quan điều tra thì thường bị từ chối các quyền đó, và pháp luật không qui định khi điều tra viên vi phạm các quyền đó thì xử lý thế nào* ”. Còn trước tòa án, khi luật sư trình bày quan điểm của mình thì phần lớn các tòa đều không xem xét thấu đáo, cho nên “ *có luật sư cũng như không* ”. Theo lời luật sư Hải : “ *Tình hình không tôn trọng luật sư ngày càng phổ biến là nguyên nhân quan trọng khiến nhiều người tìm đến tòa án để ‘chạy’ một cách trái pháp luật. Đây là bức xúc lớn nhất của các luật sư, nhưng các cơ quan bảo vệ pháp luật vẫn chưa quan tâm giải quyết. Bộ tư pháp cũng chưa đưa ra biện pháp hữu hiệu nào để hạn chế tình trạng đó* ”.

Dự thảo pháp lệnh luật sư của bộ tư pháp, thay vì đảm bảo cho luật sư những điều kiện hành nghề đúng với lợi ích hợp pháp của công dân, lại đưa ra những qui định khắt khe nhằm ‘quản lý chặt hơn nghề luật sư’, vốn dĩ là một nghề tự do. Theo thống kê chính thức, Việt Nam hiện mới có khoảng 1500 luật sư để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân và tổ chức khi có vấn đề liên quan đến pháp luật, cho nên – như báo Lao Động nhấn mạnh – dự thảo pháp lệnh luật sư không chỉ tác động đến những người trong giới, mà nó còn là “ *mối quan tâm sâu sắc của nhiều người dân* ” trong xã hội.

[Lao Động 14.12 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 30.11 2000]

Xuất khẩu 2000 : 14 tỷ USD

Kim ngạch xuất khẩu năm 2000 của Việt Nam sẽ đạt 14 tỷ USD, con số chưa bao giờ đạt được, với mức tăng trưởng trên 20%, cao gấp 3,5 lần tốc độ tăng trưởng GDP. Bình quân xuất khẩu đầu người đạt khoảng 180 USD.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu chiếm tới 48% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước và là khu vực có đóng góp chính vào sự tăng trưởng xuất khẩu.

Dầu thô vẫn là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất đạt tới hơn 3,6 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, do giá dầu tăng vọt trên thị trường thế giới. Nếu không có yếu tố này thì kim ngạch xuất khẩu trong năm nay chỉ đạt mức tăng trưởng 12%. Cùng với dầu thô, còn có 3 mặt hàng khác đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD là dệt may, giày dép và thủy sản (xem thêm mục **Tin ngắn**). Trong khi đó, giá một số mặt hàng nông sản như gạo và cà phê, chè, hạt tiêu... giảm mạnh (riêng giá cà phê trên thị trường sụt trầm trọng, từ 1200 đô la hồi đầu năm xuống còn 565 đô la cuối năm). Điều này không những làm giảm kim ngạch xuất khẩu chung mà còn tác động tiêu cực đến sản xuất và tiêu dùng trong nước, đặc biệt là làm giảm thu nhập của gần 80% dân số sống bằng nghề nông trong cả nước.

Năm 2001 mục tiêu của ngành ngoại thương Việt Nam là đạt mức tăng trưởng xuất khẩu từ 15 -16%, xuất khẩu bình quân đầu người đạt 200 USD. (TTXVN 19.12.2000)

Hiểm họa Sida

Theo những con số được bộ Y tế VN công bố nhân ngày sida toàn thế giới (1.12), nếu không có gì ngăn cản, số người bị nhiễm vi khuẩn HIV của bệnh sida ước tính sẽ lên đến

khoảng 200 000 vào năm 2005, trong đó khoảng 46 000 người sẽ chết vì bệnh. Đây là những con số nháy vọt so với các con số nạn nhân hiện được biết đến : 2 371 người chết và 27 290 người bị dương tính HIV. Theo ước tính của chương trình Liên hiệp quốc chống sida (Unaid), hiện có khoảng 107 000 người VN bị dương tính, trong đó 85 % là nam giới, và 65 % đã bị nhiễm vì dùng ống tiêm ma túy. Unaid coi VN, cùng với Cam Bốt, Miến Điện và vùng Nam Trung Quốc, là những điểm đen về hiểm họa sida, và cho rằng ưu tiên số một đối với VN trong lĩnh vực này là cổ động rộng rãi việc dùng bao cao su và ngăn chặn sự truyền nhiễm HIV trong giới nghiện ma túy.

Theo một báo cáo của bộ xã hội, do báo Tuổi Trẻ đưa ra, một con số khác đáng quan ngại là tỷ lệ những người hành nghề mại dâm ở HN bị nhiễm HIV đã tăng vọt từ 2,8 % năm 1998 lên 21,6 % năm nay. Tuy nhiên, báo cáo không cho biết những con số này dựa trên các mẫu thống kê nào. (Reuters 29.11 và 7.12.2000)

Hợp đồng khai thác khí đốt : 1,5 tỷ đôla

Một hợp đồng khai thác khí đốt ngoài khơi biển Đông, vùng nam Côn Sơn, trị giá 1,5 tỷ đôla, đã được thỏa thuận giữa công ty PetroVietnam và một tổ hợp các công ty nước ngoài gồm công ty BP Amoco (Anh - Mỹ, 30 %), Statoil (Na Uy, 15 %) và ONGC (Ấn Độ, 55 %).

Theo hợp đồng, tổ hợp các công ty nước ngoài sẽ xây dựng một ống dẫn khí dưới biển dài 400 km, trị giá 582 triệu đôla (500 triệu theo PetroVietnam - sự khác biệt về đánh giá này đã làm chậm trễ việc ký kết hợp đồng trong nhiều tháng qua). PetroVietnam sẽ mua lại đường ống này, và sẽ cung cấp cho tổ hợp 2,1 tỷ mét khối khí trong năm khai thác đầu tiên (2001) và 2,6 tỷ mét khối hàng năm trong 3 năm sau đó. PetroVietnam sẽ dùng khí này vào việc sản xuất điện và phân bón tại nam bộ. Trữ lượng khí mỏ ở Nam Côn Sơn được ước lượng vào khoảng 58 tỷ mét khối.

Dự án xây dựng đường ống dẫn khí là một trong ba dự án đầu tư nước ngoài vừa được bộ kế hoạch và đầu tư chuẩn y trong tháng 12, trị giá tổng cộng hơn 850 triệu đô la, cao hơn tổng trị giá của 275 dự án khác được thông qua trong 11 tháng đầu năm. Hai dự án kia là một hợp đồng phát triển mạng điện thoại di động giữa Bưu điện TP HCM và một công ty Hàn Quốc (230 triệu đôla), và một dự án về chế biến thực phẩm trị giá 120 triệu đôla. (Reuters 8.12, Financial Review 13.12.2000)

2,6 triệu em bé suy dinh dưỡng

Theo báo cáo hàng năm của UNICEF về tình hình trẻ em trên thế giới, 36 % trẻ em dưới 5 tuổi ở VN, tức khoảng 2,6 triệu em, sẽ lớn lên còi cọc vì ăn uống không đầy đủ, và 2,4 triệu em không đủ cân lượng. Theo báo cáo, rất đông trẻ em VN không có điều kiện uống nước sạch, và những điều kiện vệ sinh bình thường khác. Phần lớn trẻ sơ sinh không được nuôi bằng sữa mẹ trong 4 tháng đầu đời. Theo ông Morton Giersing, đại diện của UNICEF tại VN, mặc dù trong 10 năm qua chính phủ VN đã đi những bước lớn trong công cuộc bảo vệ trẻ em như việc phòng bệnh, phổ cập tiểu học, “ *cần nhiều nỗ lực hơn nữa để bảo vệ trẻ em trong những năm mới lớn, khi*

chúng đang trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu cả về thể chất và tinh thần, khi chúng dễ bị tổn thương nhất". (Reuters 13.12.2000)

Lập được bản đồ môi trường Việt Nam

Trong hai ngày 14 và 15-12, tại Hà Nội đã diễn ra Hội nghị khoa học "Tài nguyên và môi trường". Khác với các kỳ trước, trong chương trình nghiên cứu này, mối quan hệ giữa các vấn đề kinh tế xã hội và môi trường đã được quan tâm nhiều hơn. Phương pháp viễn thám và hệ thống thông tin địa lý cũng đã được sử dụng trong nghiên cứu. Trên cơ sở đó các nhà khoa học đã thiết lập được bản đồ môi trường Việt Nam và cơ sở dữ liệu số hóa của chương trình. Một số đề tài tập trung nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp dự báo về tài nguyên và môi trường theo những quy hoạch phát triển từ nay đến năm 2010 và 2020. Từ đó các nhà khoa học đã đề xuất những giải pháp cần thiết để phòng ngừa và giảm thiểu những tác động tiêu cực tới môi trường, kể cả việc đề ra dự án di dời nhà máy, cải tiến công nghệ sản xuất, cải thiện môi trường cụm công nghiệp. (Báo Sài Gòn giải phóng)

Khủng hoảng của bóng đá Việt Nam

Thất bại của đội tuyển Việt Nam tại Tiger Cup 2000 (thua Indonesia 2-3 ở trận bán kết, thua đậm Malaysia 0-3 trong trận tranh hạng ba) và những hậu quả trực tiếp của nó : một số người trách nhiệm đã phải từ chức, hoặc bị từ chức, không chỉ cho thấy những sai lầm về mặt quản lý, chỉ đạo, cũng như những thiếu sót về mặt chuẩn bị, sự yếu kém về trình độ kỹ thuật, cũng như về thể lực của các cầu thủ, mà còn cho thấy một tình trạng khủng hoảng triền miên của bóng đá Việt Nam từ nhiều năm nay, với tất cả những hiện tượng " tiêu cực " (xin điểm, giả thua, v.v...) tồn tại ngay trong các đội bóng trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, đó chỉ là những hiện tượng bên ngoài, còn cái nguyên nhân bên trong ?

Một nhà lãnh đạo Liên Đoàn Bóng Đá Việt Nam (LĐBĐVN) đã từng tuyên bố : " *Bóng đá VN chỉ thay máu khi nào tất cả đều chống tiêu cực...*". Và ông đã nói rõ thêm về sự tiêu cực đó : "... *Một đội bóng đâu chỉ có huấn luyện viên, cầu thủ, trưởng đoàn ? Một đội bóng là bộ mặt của một tỉnh, thành, ngành. Do đó, nhiều khi sự lên xuống của một đội bóng có thể có ảnh hưởng đến chiếc ghế của những người lãnh đạo đội bóng. Từ đây mới nảy sinh ra tiêu cực. Những người không đá nhưng có chức quyền thì bắt tay nhau dàn xếp. HLV, cầu thủ, tuân thủ mệnh lệnh, đá theo chỉ thị, đồng thời khi biết được trước kết quả trận đấu, họ đã tung tin ra thị trường cá cược. Cái vòng luẩn quẩn đó đã tạo ra một môi trường mà ở đó nếu đội bóng nào không có nhiều đồng minh thì sẽ bị thua thiệt... Trong một môi trường vẫn đục như thế, trách nhiệm chống tiêu cực rõ ràng không của riêng ai. Và mọi trách nhiệm không vì thế trút tất cả lên LĐBĐVN "*. (trích từ bài phỏng vấn ông Trần Thu Đông, Phó chủ tịch LĐBĐVN, do báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật thực hiện - TTCN, ngày 30-4-2000).

Phim Đồi cát đoạt 3 giải thưởng

Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 45 đã được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 7 tới 10.12.2000. Đây là lần đầu tiên Liên hoan phim này được tổ chức tại VN.

Phim *Đồi cát* của đạo diễn Nguyễn Thanh Vân đã đoạt 3 giải thưởng: Phim xuất sắc nhất, Nữ diễn viên chính xuất sắc nhất và Nữ diễn viên phụ xuất sắc nhất. Cách đây hơn 1 tháng, phim cũng được hai giải thưởng ở Liên hoan phim Amiens (Pháp).

Sau đây là danh sách giải thưởng Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương :

Phim ngắn hay nhất : *Chị Năm khùng* (Hà Nội) của đạo diễn Lại Văn Sinh ; Phim hoạt hình : *Cậu bé nhìn thấy gió* (Tokyo) ; Biên kịch : *Hosansun* - phim Trinh nữ (Seoul) ; Quay phim : *Christophe Doyle Li Ting Pin* - phim Tâm trạng đang yêu (Hong Kông) ; Thiết kế mỹ thuật : *Yoshinobu Nishioka* - phim Nagasaki Mura Mura (Tokyo) ; Âm thanh : *Azman Abu Hassan* - phim Trung ụy Apman (Kuala Lumpur) ; Âm nhạc : *Ong Chin Hy* - phim Lời than vãn của dòng sông cát (Đài Bắc) ; Dựng phim : *William Chang Suping* - phim Tâm trạng đang yêu (Hong Kông) ; Nữ diễn viên phụ : *Hồng Ánh* - phim Đồi cát (Hà Nội) ; Nam diễn viên phụ : *Wangrachan* - phim Satang (Bangkok) ; Đạo diễn : *Chang Chin Young* - phim Lời than vãn của dòng sông cát (Đài Bắc) ; Nam diễn viên chính: *Chai Min Sick* - phim Kết thúc có hậu (Seoul) ; Nữ diễn viên chính : *Mai Hoa* - phim Đồi cát (Hà Nội) ; Phim hay nhất : *Đồi cát* - đạo diễn Nguyễn Thanh Vân. Ngoài ra còn có 4 giải đặc biệt dành cho các đạo diễn của Seoul, Đài Bắc, Kuala Lumpur và Jakarta.

Tin ngắn

* Hơn 600 giáo sư, bác sĩ thuộc các chuyên ngành tim - mạch từ các nước Pháp, Rumania, Trung Quốc, Úc, Đức, Ý, Singapore, Lào, Cam Bốt và VN, đã tham gia một hội nghị tim-mạch quốc tế tổ chức tại HN trong 3 ngày 30.11-2.12. Hội nghị nằm trong chương trình hợp tác Pháp - Việt về điều trị các bệnh tim, bao gồm nghiên cứu và đào tạo cũng như chuyển giao kỹ thuật.

* VN đã khởi công xây dựng một công viên thể thao rộng 247 hecta ở huyện Mỹ Trì, ngoại thành HN, nhằm tiếp đón Á vận hội năm 2003. Công viên bao gồm một sân vận động 40 000 chỗ ngồi , một nhà thể dục, một bể bơi olympic..., tất cả là 28 trang thiết bị phù hợp với những tiêu chuẩn quốc tế. Đường đi từ Mỹ Trì vào trung tâm thủ đô cũng sẽ được hiện đại hoá.

* Với sự đồng ý của nhà vua Norodom Sihanouk, chuyến đi thăm chính thức Cam Bốt của chủ tịch Trần Đức Lương, dự trù vào cuối tháng 11, đã được hoãn lại. Thông báo ngày 26.11 của bộ ngoại giao HN không nói rõ thêm, song người ta biết là trước đó 2 ngày, thủ đô Phnom Penh đã bị một cuộc ném bom khủng bố lớn nhất từ mấy năm nay, làm cho 8 người chết và ít nhất 14 người bị thương.

* Việt Nam hiện có 22 dự án đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực điện tử đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký 615 triệu USD, chiếm 1,8% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Theo bộ kế hoạch và đầu tư, tính đến nay, tổng vốn thực hiện của các dự án đầu tư trong ngành công nghiệp điện tử đạt 60,5% tổng số vốn đăng ký, cao hơn mức thực hiện chung của các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Nguồn vốn đầu tư

chủ yếu từ Nhật Bản, các nước ASEAN, với tỷ trọng 93,76% vốn đầu tư nước ngoài vào ngành này.

* Năm 2000, Việt Nam xuất khẩu khoảng 1,4 tỷ USD thủy sản sang hơn 60 nước và lãnh thổ, đứng đầu là Nhật. Tổng sản lượng thủy sản thu hoạch cả năm lên tới 2 triệu tấn, trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 800.000 tấn. Về chế biến, toàn ngành có khoảng 60 xí nghiệp áp dụng tiêu chuẩn vệ sinh chất lượng quốc tế (Haccp), trong đó 40 doanh nghiệp được EU sắp vào danh sách 1, đủ tiêu chuẩn xuất hàng qua thị trường này.

* Việt Nam đã đoạt giải nhất toàn đoàn với 9 huy chương vàng, 5 bạc và 2 đồng tại giải Taekwondo Đông Nam Á lần thứ 5, tổ chức tại thành phố HCM từ ngày 15 đến 17.12.2000. Tham dự giải này có hơn 70 vận động viên thuộc 7 quốc gia Thái Lan, Lào, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Philippin và Việt Nam. Sắp tới, đoàn vận động viên Taekwondo Việt Nam sẽ tham gia Cup Taekwondo thế giới, được tổ chức tại TP HCM vào tháng 5.2001.

* Hãng Honeywell của Mỹ sẽ cung cấp toàn bộ hệ thống điều khiển tự động cho nhà máy lọc dầu Dung Quất. Thỏa thuận đã được ký tại Hà Nội ngày 18.12 giữa Công ty liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt-Nga và Công ty Honeywell Industrial Control, thuộc đại công ty Honeywell. Đây là hợp đồng lớn nhất của Honeywell tại VN. Hợp đồng bao gồm việc huấn luyện nhân viên và chuyển giao những kỹ thuật liên quan tới điều khiển tự động, kế hoạch hoá và tự động hoá sản xuất, xử lý thông tin trong quản lý...

* Sau khi được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới bởi giá trị ngoại hạng về cảnh quan và giá trị thẩm mỹ (năm 1994), Vịnh Hạ Long lại vừa được UNESCO công nhận là Di sản thế giới về địa chất, địa mạo. Quyết định đã được thông qua tại hội nghị lần thứ 24 của ủy ban Di sản thế giới, ngày 29-11-2000, với sự tham dự của 29 nước thành viên của ủy ban, các tổ chức chuyên ngành thẩm định, khảo sát và gần 300 đại biểu của 70 quốc gia.

* Theo những con số được công bố tại hội nghị về công tác du học tự túc tổ chức ở Hà Nội ngày 22-12, hiện có khoảng 15.000 học sinh, sinh viên Việt Nam đi du học nước ngoài thông qua con đường tự túc (bằng khoảng 1,2% tổng số sinh viên trong nước). Trong đó số đi du học ở Úc nhiều nhất với khoảng 7.000 người. Theo đánh giá của Bộ GD-ĐT, hiện có nhiều cơ sở không chuyên về lĩnh vực GD-ĐT và không được sự đồng ý của bộ nhưng vẫn tham gia làm dịch vụ tư vấn DHTT.

* Chương trình Lương thực thế giới của Liên hiệp quốc (WFP) đã chấm dứt các hoạt động cứu trợ tại Việt Nam vào ngày 31.12.2000, sau 25 năm hoạt động. Từ 1974 đến 2000, WFP đã viện trợ cho VN khoảng 500 triệu đôla, cả về lương thực và kỹ thuật như việc giúp VN xây dựng những đê điều chống bão lụt. Theo WFP, nay VN đã đạt được mức an toàn lương thực cho phép tổ chức này rút ra để giúp đỡ những nước cần được giúp đỡ hơn.

* Thành phố HCM đã đi bước đầu trong việc chuẩn bị đại hội ĐCSVN. Đại hội đảng bộ thành phố đã họp từ ngày 19 đến 23.12, và đã bầu một ban lãnh đạo mới. Ông Nguyễn Minh Triết được bầu lại làm bí thư thành uỷ 2001-05.

Tôi về lại Thành phố Hồ Chí Minh lần này là sau 6 năm và trở lại Hà Nội sau... 21 năm. Ngày tôi đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, 1.12.2000, cũng là đúng 30 năm sau khi tôi khăn gói lên đường đi du học, ngày 1.12.1970. Nếu không sợ “ phạm húy ” thì chắc tôi đã ngêu ngao thảm hát : “ *Từ thành phố này mình đã ra đi. Bao nhiêu tháng năm xa cách lại về* ”. Ba mươi năm ấy, đất nước thăng trầm, trải qua bao nhiêu đổi thay nhưng dường như lại quay đủ một vòng, cho tôi thấy lại nhiều cái quen thuộc, có khác chỉ ở mức độ, tầm vóc. Sài Gòn vẫn hồi hã đông nghịt người, xe, vẫn ồn ào hỗn độn, toát ra một sức sống mãnh liệt, là cái thường đập vào mắt tôi đầu tiên mỗi khi về. Vẫn những con đường chật ních những người và người, những cửa hàng thi nhau đổ hàng hoá ra tới tận vỉa hè. Có khác chăng chỉ là đông đúc hơn nữa, bon chen hơn nữa.

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm

Làm sao tôi không khỏi có cảm tưởng ấy khi từ xứ Thụy Sĩ nhỏ bé và yên tĩnh về lại đây. Đã từ lâu rồi tôi nghe nói TP HCM có khoảng 5 triệu dân, có lẽ bây giờ còn hơn thế nữa và nếu chưa thì cũng chả bao lâu nữa sẽ bằng cả dân số toàn nước Thụy Sĩ, chỉ có hơn 7 triệu dân. Lúc máy bay sắp hạ cánh, tôi nhìn xuống một diện tích mênh mông chỉ toàn là nhà và nhà san sát nhau, thấp lè tè nhưng trải dài đến tận chân trời. Sài Gòn đấy, nối liền với Thủ Đức, Nhà bè, Gò Vấp, Thủ Thiêm, v.v. thành cả một vùng đô thị hoá khổng lồ. Từ nhiều năm, báo chí thường xuyên lên tiếng về sự ô nhiễm “ đã đạt mức độ báo động ”, càng ngày càng có nhiều người đeo mặt nạ, khẩu trang khi đi ra ngoài, nhưng dường như không có gì có thể cản được sức sống và đà phát triển của thành phố này. Giống như không có gì cản trở được sinh hoạt của người Sài Gòn. Người xe túa ra không ngừng và từ mọi phía, coi rất kinh, nhưng xe hơi vẫn luôn lách nhích lên được, bà lão gánh hàng vẫn chậm rãi qua tới lề đường bên kia và chiếc xe ba gác vẫn chờ nể cái tủ kèn càng đến nơi đến chốn. Và chỉ sau một hôm, tôi cũng phải học cách qua đường thản nhiên như người ở đây. Nhưng không sao quen nổi với tiếng còi bóp không ngắt, từ tiếng pin-pin chua lét của xe honda đến tiếng còi trích thượng điếc tai của xe hàng. Người đi bộ yếu thế nhất về đủ mọi mặt kể cả vì chỉ có cái miệng không cạnh tranh nổi với tiếng còi. Nếu ai chế ra cái còi tay cho người đi bộ chắc cũng bán chạy, biết đâu phát tài.

Từ Ilioutchine đến Boeing 737

Sau ba ngày ở Sài Gòn, tôi ra Hà Nội. Vừa qua các chuyến bay của Air Viet Nam hay trễ có khi cả 5, 6 tiếng hoặc bị huỷ, nên người trong nước lo xa đã giữ chỗ cho chúng tôi chuyến sớm nhất, 7 giờ sáng. Rốt cuộc chuyến bay đi đúng giờ, thủ tục lệ làng, các cô chiêu đãi viên xinh như mộng trong chiếc áo dài đỏ đậm may khéo, cả cái tạp dề khoác lên khi các cô cho ăn uống cũng rất đẹp, vừa tân thời vừa mang nét dân tộc. Ăn sáng cũng được chọn giữa hai món hủn hoi (xôi chả hay miến xào). Phục vụ tươi tắn, thật khác hẳn với thái độ lạnh lùng của các cô đáng khác khổ trong bộ đồ kaki trên chiếc Ilioutchine tôi đi năm 1979. Nhưng cái vô kỷ luật của hành khách thì vẫn còn. Năm 1979, tôi giạt mình khi thấy một mùi khét lẹt trong khi máy bay đang cất cánh, hoá ra là một ông đang thoải mái ngả ghế hút thuốc rê, mà không ai phản đối, kể cả phi hành đoàn. Năm 2000, cô chiêu đãi cau cặp mày xinh xắn và ôn tồn trách một ông đang thoải mái gọi điện thoại di động. Cái cũ trong cái mới, nhưng cũng đánh dấu một sự tiến bộ nhất định.

PHỞ TỔNG THỐNG

và

SIÊU KHUYẾN MÃI

Đỗ Tuyết Khanh

Đất vẫn vật từ khi mở cửa

Sân bay Nội Bài vẫn nhỏ hơn Tân Sơn Nhất, không hiện đại bằng (tại vì là khu dành cho đường nội địa ?) nhưng cũng khang trang hơn trước nhiều lắm. Thửa ruộng có con trâu tôi thấy bên kia đường năm 1979 bây giờ là nhà cửa, văn phòng. Và đường về Hà Nội không còn qua cầu Long Biên mà qua cây cầu mới. Tuy thế vẫn còn nguyên những hình ảnh muôn thuở của miền Bắc : hai cô tát nước bằng gầu bên mảnh ruộng nhỏ, những cái lưng cúi gập cắm mạ hay mò cua, những ngôi nhà nhỏ xưa cũ.

Đến Hà Nội, sau khu cầu Giấy, xe đưa chúng tôi qua phố cổ, những phố Hàng Bông, Hàng Gai, đến khách sạn ở Hai Bà Trưng, gần hồ Hoàn Kiếm. Khách sạn của Xunhasaba, ngay bên cạnh hiệu sách, đơn sơ nhưng cũng tạm được. Hai hôm sau, chúng tôi quyết định đổi sang nơi khác sau một đêm bị ồn ào vì phòng bên cạnh trở thành nơi tranh chấp giữa các “chị em ta” và khách (làng) chơi xấu. Chuyển đến nhà khách của ban Việt Kiều, ở phố Bà Triệu, chúng tôi thấy dễ chịu hẳn. Phòng rộng rãi, sạch sẽ và tiện nghi hơn, yên tĩnh, và không khí cũng “nghiêm chỉnh” hơn. Đầu đó cái gốc “phong trào” làm chúng tôi cảm thấy như “về nhà”. Khách ở đây gặp nhau như muốn chào mà không dám, nhìn nhau cười cười, và trong ánh mắt hai bên như có câu hỏi “Việt Kiều nước nào đấy?”, thay cho câu ngày xưa “Anh ở Hội nào?”. Cả khách ngoại quốc cũng như mang dáng dấp “phong trào”: họ đeo ba-lô, thuê xe đạp đi chơi và có một cặp chị đội mũ tai bèo, anh diện cả áo T-shirt màu đỏ sao vàng.

Ở Hà Nội, ông nhà tôi và hai người bạn họp hành liên miên với hội thảo Linux, còn tôi rảnh rang đi chơi, thăm gia đình. Tối đến thì tôi được ăn theo, đi dự vài buổi chiêu đãi, nghe các nhà tin học bàn cãi về tương lai, đường đi nước bước của nền công nghệ thông tin Việt Nam. Công nghệ thông tin, đề tài nóng hiện nay, dịp may lớn nhất và có lẽ cuối cùng để Việt Nam vươn lên, thoát khỏi lạc hậu. Báo chí phân tích, nhà nước ra hàng loạt quyết định, người nào cũng muốn cho con em học “vi tính”, và sách về tin học cùng với tự điển các thứ tiếng nhưng nhiều nhất là tiếng Anh chiếm cả một khu trong các nhà sách. Hà Nội cũng như Sài Gòn có rất nhiều hiệu sách, lúc nào cũng đông người, và cơ man là sách, đủ loại, in đẹp để. Một biểu hiện rất đáng mừng của sự ham học vốn có của người Việt và sự cởi mở trong chính sách với rất nhiều sách dịch của các tác giả Âu-Mỹ. Thế giới gần hẳn lại không phải chỉ với sự có mặt của rất đông người ngoại quốc mà còn qua sự giao lưu văn hoá này. Ở Hà Nội còn tương đối ít nhưng ở Sài Gòn, các quán Internet nhan nhản là một trong những cánh cửa bắt đầu mở rộng của Việt Nam ra bên ngoài.

Mở cửa, hai tiếng thân chú tôi nghe ở rất nhiều người. Từ bà bác kể lại những ngày cơ cực lúc trước rồi kết luận “từ khi mở cửa, đỡ khổ lắm cháu ơi” đến ông đạp xích-lô già, còn gọi đường theo các tên thời Tây, thủng thỉnh nói “may mà có ông

Linh đấy, nhờ ông mở cửa nhiều người mới sống nổi tới ngày nay”. Ở trong nước hơn hai tuần, chỉ tiếp xúc với vài người trong con số gần 80 triệu dân, tôi không dám nói là ai ai cũng đều hoan hô mở cửa và không ai nghĩ ngược lại, nhưng tôi chắc rằng đấy là ý kiến của đại đa số. Tôi chỉ có một băn khoăn là làm sao các thay đổi lớn lao của Việt Nam sẽ không đào thêm khoảng cách giữa thành thị và nông thôn như tôi có dịp thoáng thấy khi về thăm quê.

Về làng

Tôi gốc ở Hà Nội, gia đình bên nội ở phố Hàng Đồng, quê ngoại ở làng Bần, tỉnh Hưng Yên. Ông bà ngoại tôi thời xưa khi ở Hà Nội, khi ở Hải Phòng, có lúc ở tận Tourane (Đà Nẵng ngày nay) tùy theo công việc của ông tôi nhưng vẫn hay về làng. Sau này, trong Nam, những lúc giỗ Tết, tôi vẫn thấy có người đến biếu xén, trông lam lũ và cung kính nhưng được bà tôi tiếp đãi ân cần và sau đó mở tủ cho quà. Hỏi thì mẹ tôi bảo đấy là người làng, không cùng họ nhưng cùng làng. Lũ trẻ chúng tôi lờ mờ hiểu rằng người làng là một mối quan hệ đặc biệt, không bằng gia đình, không hẳn là bạn bè nhưng hơn người dưng nước lã. Ngoài việc chia sẻ một niềm hoài vọng cố hương (“làng ta”), người làng còn duy trì cả một quá khứ đầy kỷ niệm và liên hệ xã hội. Sau khi vào Nam, ông tôi về hưu, gia đình sống đầy đủ nhưng giản dị như trăm ngàn gia đình di cư khác. Nhưng người làng vẫn gọi ông bà tôi là cụ tham, nhắc nhở đến những ân nghĩa ngày xưa. Gia đình tôi cũng quý họ, và khi tôi hát nghịch “làng Bần có ông Bần ở bần túng bần...” thì bị mẹ mắng là vô duyên. Không được đùa với chuyện làng.

Kỳ này tôi được một ông cậu, em họ của mẹ tôi, đưa về làng. Gọi là cậu nhưng ông chỉ bằng tuổi tôi là cùng. Làng Bần cách Hà Nội chỉ 25 cây số nên cậu chở tôi bằng xe Honda, đi khoảng 40 phút là đến nơi. Đi ra ngoại thành tôi để ý nhìn các khu nhà mới xây, quả là rất nhiều nhà có chóp. Em ơi Hà Nội chóp, đúng quá. Chỗ nào cũng chóp, thậm chí bên cạnh một căn nhà mới xây cao to, đóm đáng, tua tua năm, sáu cái chóp, một căn nhà nhỏ xưa cũng cắm một cái chóp bé tí lẻ loi như chặc lưỡi bảo: “Ừ thì đấy, làm một cái cho khỏi khác người”.

Làng Bần nằm trên đường đi Hải Phòng. Qua một số địa danh ngợ nghĩnh như Trâu Quỳ, Chợ Đường Cái, cậu tôi chỉ về phía trước bảo “Đấy là quê rồi. Làng kia kia”. Rẽ vào con đường phụ, qua một vài dãy nhà là vào đến làng. Một làng như tôi vẫn thấy trong tranh ảnh, trong sự miêu tả của sách vở. Cái ao vuông thả bèo, những ngõ lát gạch đỏ men theo hàng giậu dẫn đến từng khu xóm, ngôi đình nhỏ bên cây cổ thụ. Chiếc xe Honda có lúc phải đi thật chậm vì theo sau một bà vác cây đất trâu, đi đứng định xuống ao như đất tôi ngược thời gian về một thế kỷ trước. Ở làng tôi phải đến thăm một người bác anh ruột mẹ tôi và một ông là em ruột bà ngoại rồi ra nghĩa trang “thăm các cụ”. Ông tôi tuổi gần 80 nhưng khoẻ mạnh cao lớn, giọng sang sảng và nói rất vui. Cậu và ông dắt tôi đi từng nơi, giới thiệu từng cụ, tôi chẳng rõ ai với ai nhưng vẫn gật đầu vâng dạ. Bảo vái đầu tôi vái đó, cậu thắp hương đưa cho tôi vái rồi cắm vào từng mộ trong khi ông chỉ đạo nghi lễ. Có nơi cụ ông nằm giữa hai cụ bà, tôi nhớ loáng thoáng ai là vợ cả ai là vợ hai nên cũng cẩn thận tôn ti trật tự vái cụ lớn trước cụ bé. Ông bà ngoại tôi cũng được đưa về đây “xum họp với cả nhà”, nhìn những giòng tên quen thuộc trên hai cái mộ cạnh nhau, lòng tôi dấy lên niềm cảm xúc, thấy như ông bà tôi thật sự ở quanh đây. Từ nơi chốn này đã phát xuất cả gia đình tôi, tất cả những người

hiện nay sống rất xa nhau, từ Sài Gòn đến Mỹ, Úc, và Âu Châu nhưng đều nói quê mình là làng Bần. Ở đây người sống gần gũi với người chết, và những người mất đã từ lâu lắm vẫn được nhắc nhở đến thường xuyên. Về làng tôi mới thấy khái niệm tổ tiên, gia tộc, gốc gác cụ thể thế nào.

Ăn nhanh xong bữa cơm gia đình cho bác tôi vui, cậu chở tôi về lại Hà Nội. Chỉ hơn nửa giờ sau tôi lại đi qua cái ngã tư gần khách sạn chẳng ngang tám biển ngữ quảng cáo với hàng tit lớn “ Cùng Heineken nối mạng với thế kỷ 21 ”. Giữa con trâu làng Bần buổi sáng và dãy máy vi tính trưng bày các sản phẩm ở Hội thảo Linux buổi chiều hôm ấy, chỉ có 25 cây số nhưng cả một vài thế kỷ.

Hăm hở bước vào thế kỷ 21

Quá khứ chung sống hoà bình với tương lai. Cậu tôi là chuyên gia bảo tồn di tích lịch sử, đi khai quật các nơi, nghiên cứu sâu về văn hoá cổ nhưng làm việc trên máy vi tính ở nhà và sắp sửa nối vào Internet để tiện liên lạc với gia đình ở nước ngoài qua email. Ở Hà Nội vẫn có nhiều người già, trẻ tập thể dục bên bờ hồ, vẫn thấy các bà già cô gái chiều chiều ra giặt giũ ngoài đường vì nước không vào tới nhà trong, vẫn còn nhiều người răng đen chít khăn vuông mỏ quạ, nhưng cạnh đó là Hanoi Hilton trắng lẹ, cao vòi vọi, là những siêu thị đầy đủ những mặt hàng mà năm 1979 không thể tưởng tượng thấy ở đây : chảo Teflon, rượu Bordeaux, Maggi Thái Lan (!) v.v... Và giá tiền cũng được in bằng code barre hẳn hoi. Ở Sài Gòn, tôi thấy sự buôn bán phát triển thêm nhiều sau 6 năm nhưng ở Hà Nội thì so với 21 năm trước quả là một sự bùng nổ, sự thay đổi gần như về bản chất chứ không còn ở mức độ. Hàng hoá cái gì cũng có, chất lượng khá, chỉ buồn một điều là hàng Trung quốc thống trị thị trường, hàng Việt Nam biết có sống nổi không. Nhưng trước mắt tất cả đều đua nhau bán buôn, hăm hở làm ăn, hối hả học Anh văn, tính toán cho tương lai. Đường như ai cũng hi vọng thế kỷ sắp đến là thời cơ của Việt Nam, phải mau mau bắt kịp để thoát khỏi cái nghèo dai dẳng cho đến nay, vất những đống khổ lại sau lưng cùng những vướng mắc còn tồn tại để nhìn về phía trước. Bàn đạp cho thời cơ ấy là kinh tế thị trường với hàng loạt danh từ mới như “ đi tiếp thị ” (marketing), “ khuyến mãi ” (promotion) và “ siêu khuyến mãi ” (super promotion). Đây chỉ là câu chữ hiện đại, để hợp với thế giới toàn cầu hoá, cho những cách dụ khách hàng có từ ngàn xưa. Ngày trước các ông lang mãi võ làm xiệc thu hút đám đông rồi hứa mua một tặng một, và các bà bán hàng hay mời ăn thử miếng bưởi ngọt để thuyết phục khách mua cả chục quả thì ngày nay các cô trẻ và xinh mặc váy ngắn đội mũ in Heineken đi tới đi lui trong các tiệm ăn để quảng cáo, gọi là đi tiếp thị, và chỗ nào bu đông người làm đường sá càng kẹt xe là chỗ ấy đang làm khuyến mãi tức tặng quà để giới thiệu mặt hàng hay khuyến khích tiêu thụ. Và người ta càng hi vọng sẽ còn bung ra thêm nữa với viễn tượng nước ngoài đầu tư vào Việt Nam sau hiệp ước thương mại Mỹ-Việt và chuyến đi của ông Clinton.

Theo dấu chân ông Cờ Linh Tôn

Chúng tôi đến Việt nam khoảng một tuần sau chuyến đi của ông Clinton. Ở Sài Gòn cũng như Hà Nội, nhiều người mau mắn hỏi chúng tôi: “ *Bên ấy cháu/chị/anh có theo dõi chuyến đi của ông Cờ Linh Tôn không ? Ở đây thiên hạ đổ xô ra xem, chật đường, kẹt xe quá trời...* ”, “ *Này, cái ông Kình-tông ấy mà, ông ta đi đâu là dân họ biết được, kéo ra đây đường vui đáo để* ” Và một bà cô rú đi ăn sáng đề nghị : “ *Mình đi ăn phở tổng*

thống nhé ? ”. Tôi hiểu ngay là quán phở đã hân hạnh được đón tiếp gia đình Clinton cùng đoàn tùy tùng. Quán này ở ngay xế chợ Bến Thành, tên là Phở 2000. Cô tôi bảo : “ *Mới đầu cô tưởng là 2000 đồng, rẻ thế thì chẳng ra gì, một bát muốn ngon phải cả 10 nghìn. Hoá ra là năm 2000* ”. Bấy giờ thì ai cũng gọi là Phở Tổng Thống và giá đã tăng lên 14 nghìn. Đi ăn cho biết và để khỏi thua Clinton nhưng nhiều người chê phở ở đây. Tôi thấy cũng ngon và dễ chịu nhất là chỗ ngồi thoáng mát, bàn ghế và bát đĩa đều rất sạch sẽ, bảo đảm an toàn cho bao tử Việt Kiều. Chả thế mới đón được tổng thống Mỹ vào.

Ở Hà Nội thì chúng tôi vào đúng tiệm bán vải và may quần áo bày hai tấm ảnh con gái và mẹ vợ tổng thống đi shopping đến mua hàng ở đây. Nhờ có cô bạn sống ở Hà Nội đã có nhiệm vụ đưa các phu nhân đi mua sắm, tôi còn được xem thêm vài tấm hình chụp cô ta với Hillary và chụp một cô thợ may nhỏ thó đang cố giang tay để đo vòng hông rất đồ sộ của bà Rodham, cả hai cùng cười ngật nghèo. Đo người để may áo nhưng cũng đo cả chiều dài chiều rộng của cái khoảng cách giữa hai nước khách và chủ nhà.

Good Morning Viet Nam !

Giống như tấm hình vô tình nói rõ hơn cả một bài phân tích kinh tế chính trị dài dòng, nhiều hình ảnh tôi bắt gặp đó đây đánh mạnh vào tâm tư tôi. Len lỏi giữa hàng người và xe cộ, một người đàn ông gầy nhỏ gò lưng đạp xe lên dốc, gió thổi phồng chiếc áo khoác bằng ni-lông in hàng chữ to “ Tiến lên, Việt Nam ! ”. Tất cả sự nhần nại bên bỉ, sự quyết tâm và những hi vọng lẫn nhọc nhằn của xã hội, con người Việt Nam dường như đọng trên tấm lưng ấy. Ở góc đường, trong khi chờ khách, hai ông đạp xích lô ngủ khoèo trên xe, đầu dựa vào tấm nệm ghi hai chữ “ Sans souci ”. Rất nhiều xích lô ở Hà Nội mang tên “ Sans souci ” có lẽ là cùng một chủ và đặt tên như thế có lẽ là sau hội nghị francophonie... Sans souci, vô tư. Làm tôi liên tưởng đến một chuyện tiếu lâm nghe ở Sài Gòn. Một ông mua giày hỏi cô bán hàng giày có tốt không, đi được bao lâu. Cô trả lời “ Vô tư ! ”. Có thể hiểu hai cách. Giày rất tốt, cứ việc dùng không phải nghĩ ngợi. Hoặc hơi đầu mà thắc mắc, nó tốt xấu thì chừng nào hông là biết ngay. Vô tư. Như cô bán áo T-shirt ở phố Hàng Bông, treo đầy áo in đủ thứ hình ảnh, câu chữ, từ chùa Một cột đến “ Tintin au Viet Nam ”. Và treo sát cạnh nhau là một chiếc in hình bác Hồ mỉm cười và một chiếc vui vẻ rao “ Good Morning Viet Nam ! ”. Quá khứ và hiện tại cũng chung sống hoà bình.

Au revoir Saigon

Sau chín ngày ở Hà Nội, chúng tôi vào lại Sài Gòn ở vài hôm rồi về lại Thụy Sĩ. Hai va-li đầy nhóc sách vở, thức ăn, quà cáp, chúng tôi lo dư ký nên chuyển bớt sang xách tay, lặc lè. Nhưng ở phi trường cô nhân viên Lufthansa vui vẻ cho qua êm ru, các thủ tục hải quan, xét hộ chiếu cũng nhanh chóng đơn giản, dễ chịu. Ra, vào Việt nam càng ngày càng gần giống như đi lại ở các nước khác, nhưng có lẽ ngay cả khi đã hết cái hồi hộp của các thủ tục khó khăn ngày xưa, trong lòng người Việt đến và rời đất nước mình, cái xốn xang cũng sẽ vẫn còn. Máy bay đi đúng giờ, lúc 9 giờ đêm. Ngoài trời tối mịt không thấy gì nhưng khi máy bay rời mặt đất, ông xã tôi vẫn ghé nhìn qua cửa sổ và cười: “ Au revoir, Saigon ! ”.

Tháng 12.2000

Đỗ Tuyết Khanh

TRẦN ĐỘ

THƯ CHẤT VẤN

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2000

Kính gửi : - Kỳ họp thứ 8, Quốc Hội Khóa 10
- Chủ Tịch Quốc Hội : Nông Đức Mạnh
- Thủ Tướng Chính Phủ : Phan Văn Khải
- Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng : Phạm Văn Trà
Đồng kính gửi - Đài truyền hình trung ương
- Đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam

Tôi với tư cách một đại biểu Quốc hội hai khóa 7 và 8, một Trung tướng, Chính uỷ trong Quân đội trọn 30 năm, nay đã nghỉ việc và có bệnh. Nhân kỳ họp này của Quốc hội, xin gửi đến các vị một lời chất vấn quan trọng như sau. Nó quan trọng vì nó ảnh hưởng đến vận mệnh bộ máy Nhà nước của ta.

1.- Mấy chục năm ở Quân đội, trong chiến tranh, từ Chính uỷ Trung đoàn rồi Sư đoàn, Quân khu và Phó Chính uỷ toàn Miền Nam, tôi biết rất rõ rằng trong Quân đội có những cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho Quân đội, và cơ quan tìm hiểu tình hình địch; từ quân số, vũ khí, chiến lược, chiến thuật đến kế hoạch tác chiến. Đó là CỤC BẢO VỆ thuộc TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ, chăm lo việc bảo mật phòng gian của Quân đội, và CỤC QUÂN BẢO (số hiệu là Cục 2) của BỘ TỔNG THAM MƯU làm việc nắm tình hình địch để phục vụ sự chỉ huy tác chiến của quân ta. Đó là thường lệ của Quân đội các nước xã hội chủ nghĩa, của các nước khác. Những cơ quan này đã làm tốt nhiệm vụ trong chiến tranh.

2.- Thế nhưng hiện nay, **tại sao** các cơ quan trên lại được nâng cao vai trò và chức năng như sau :

- Cục 2 trở thành TỔNG CỤC 2, có các CỤC và lại có CỤC BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ. CỤC BẢO VỆ trở thành CỤC BẢO VỆ AN NINH, thêm nhiệm vụ an ninh và trở thành một cơ quan pháp luật **cố** cả nhiệm vụ điều tra, thẩm vấn như một cơ quan an ninh. TỔNG CỤC 2 lại có quyền phái người đi theo dõi, dọa dẫm và truy hỏi bất cứ ai và nói là để bảo vệ nội bộ ! **Ai quyết định** tổ chức Tổng cục và trao cho Tổng cục 2 nhiệm vụ bảo vệ nội bộ và quyền bảo vệ nội bộ ?

- Như vậy là trong bộ máy Nhà nước (cả Đảng, Quốc hội, Chính phủ) có quá nhiều cơ quan bảo vệ nội bộ. Sơ lược ra thì : 1/ có Bộ Công an (có Cục an ninh), 2/ có Tổng cục 2, Bộ Quốc phòng mà quyền hành không kém, 3/ có Cục Bảo vệ an ninh của Tổng cục Chính trị thêm vào và 4/ có cơ quan Bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương Đảng cũng làm việc theo dõi điều tra v.v...

3.- Tình hình đó nói lên cái gì ? **Có phải** tình hình nội bộ của ta (nội bộ Đảng và Chính phủ) phức tạp, rối loạn đến mức phải nhiều cơ quan, nhiều lực lượng để bảo vệ đến thế không ?

- Những cơ quan này đều có quyền lực lớn, đều là nỗi khiếp sợ của nhân dân và đều có hiện tượng lộng quyền.

- Nếu không phải thế, nghĩa là nội bộ ta vẫn trong sạch tốt đẹp, thì những cơ quan bảo vệ như vậy ai chủ trương lập ra và ai sử

dụng, có phải là có sự chia rẽ bè phái, các bè phái tranh nhau lập những cơ quan hợp pháp để mưu cầu lực lượng cho mình hay không ?

- Tôi muốn hỏi : **tại sao** lại có những việc không bình thường như thế ???

- Tôi có được biết tin rằng (Xin đừng hỏi tôi là tại sao và từ đâu tôi có những tin đó) :

A. Sau khi cụ Lê Giản 88 tuổi có 5 bức thư góp ý về đường lối với Đại hội 9 thì có 1 thiếu tướng Công an (đã về hưu) đến nhà truy hỏi cụ Lê Giản ai viết cho cụ những bức thư đó ? (một sự xúc phạm không thể tưởng tượng được) : “ Công an về hưu cũng có quyền truy hỏi người về hưu khác !? ”. Trong cuộc gặp, anh tướng Công an còn vô lấy một bức thư của người ta gửi cụ Lê Giản, cụ Lê Giản phải giằng lại và mắng cho viên tướng kia, và dọa sẽ khởi tố tội xâm phạm bí mật thư tín.

B. Trong một cuộc phổ biến công tác tư tưởng cho báo cáo viên, người phổ biến (là Phó ban tư tưởng văn hóa, một kẻ hậu sinh tên là Đào Quy Quát) dám nói là : “ Có một số cán bộ lão thành xấu lợi dụng việc Bộ Chính trị trung cầu ý kiến đóng góp... đã có những hoạt động tấn công vào đường lối... ”. Thế rồi sau đó, người nói đều sách mé gọi các cán bộ lão thành là : “ Bọn chúng... bọn chúng... v.v... ”. Ai làm cho đất nước này mất hết đạo lý. Thông thường những người có công và có đức mới được gọi là “ lão thành ”. Các bậc lão thành có thể sai lầm, lầm lẫn. Nhưng sai lầm thì không thể là xấu. Đó là lẽ phải thông thường ; các cơ quan Nhà nước có chịu tuân theo lẽ phải thông thường đó không, hay là cứ tùy tiện một cách quá đáng, tôi xin hỏi ? Cuối cùng anh Phó ban này lại tuyên bố : “ Vì khó đấu tranh công khai, dân chủ, để thảo luận những vấn đề này, cho nên cơ quan lãnh đạo đã chỉ thị cho các cơ quan đàn áp **tìm cố để bắt giữ** và xét xử những phân tử cấp tiến ”. Cơ quan lãnh đạo ở đây là ai ? Đảng hay Chính phủ ?

Nếu những tin này là có thực thì như vậy là những ai làm theo lời kêu gọi của Đảng đều mắc tội : Tội lợi dụng, “ lợi dụng góp ý... ”, “ lợi dụng di chúc Hồ Chí Minh ”...

Như vậy là cơ quan lãnh đạo đều sợ công khai, sợ dân chủ và sợ mọi người hưởng ứng Đảng và Bác Hồ. **Tại Sao ?**

- Và muốn bắt giữ ai thì cứ **tìm cố** mà **bắt giữ** và **xét xử**, không cần luật pháp.

- Ai là **người cấp tiến** đều đáng bắt giữ. Thì ra cơ quan lãnh đạo và Nhà nước này đều đối lập và sợ người cấp tiến, tiến bộ và đều là thoái hoá, lạc hậu . **Tại sao** lại có một cán bộ Nhà nước, cán bộ cơ quan Đảng lại nhục mạ Đảng và Nhà nước như vậy. Tôi yêu cầu Viện Kiểm sát Tối cao làm việc.

Tôi xin hỏi :

Tại sao có các tình hình như vậy, tình hình như vậy nói lên ý nghĩa như thế nào ? Các cơ quan lãnh đạo và quản lý đất nước có còn là cơ quan vì dân không ? hay với việc làm và lời nói của 2 cơ quan chuyên chính (tư tưởng và công an) đã có ý chứng tỏ rằng chính quyền này chỉ để đàn áp dân chủ và xoá bỏ mọi thứ công khai và chỉ còn âm mưu bí mật và đàn áp.

Xin Quốc hội cho công bố lời chất vấn của tôi và các cơ quan có trách nhiệm trả lời trước vô tuyến truyền hình cho cả nước cùng nghe.

Chào kính trọng.

Trần Độ

Thư Hà Nội

Về chuyến đi của ông Clinton, tôi đã ghé đọc tin và bình luận của Diễn Đàn trên internet, thấy như thế cũng đủ rồi. Các anh chị yêu cầu cho biết thêm “ không khí ”, vậy chỉ xin nói vài điểm.

Đầu tiên phải nói tới cái “ may ”. May cho cả ông Clinton lẫn ông Nhà nước. Một giờ trước khi chiếc máy bay Air Force One của ông Clinton hạ cánh xuống Nội Bài, vào phút cuối của trận bóng đá Việt Nam-Indonesia (giải Tiger Cup), đội Indonesia đã làm một bàn chốt, tỉ số 2-2 “ bỗng chuyển sang ” 3-2. Các bạn tưởng tượng xem : nếu Việt Nam thắng trận ấy, sẽ có hàng vạn, hàng chục vạn người đổ ra ngoài đường (lại thêm hàng nghìn xe máy sẽ diễu hành, chạy đua tăng tốc) ăn mừng chiến thắng, thì công an có thêm vài nghìn anh Min đơ Min troa nữa cũng bó tay, không thể nào giữ gìn trật tự được đâu. Và thiên hạ sẽ chẳng còn ai để tâm tới ông tổng thống “ vịt què ” chỉ còn mấy tuần nữa là hết nhiệm kỳ. Thôi cũng là “ may ”.

Cái “ may ” không che được cái “ hổ ”. Đó là cái “ hổ ” của ông Nhà nước, hay chính xác hơn, của ông “ Đảng ”. Một chỉ thị “ mật ” (một thứ văn kiện mật về Hà Nội các bạn cứ ra phố Tràng Tiền là mua được thôi), mang chữ ký của đồng chí Phạm Thế Duyệt nhắc lại “ bản chất chống cộng của Mỹ ”, căn dặn cán bộ và nhân dân không được tỏ ra “ quá vốn vã ”. Thật là “ què một cục ”. Chỉ xin đơn cử hai ví dụ :

Ở trường Đại học Quốc gia Hà Nội, cán bộ và sinh viên phải họp lên họp xuống nghe chỉ thị, mấy trăm sinh viên vào ngồi giảng đường nghe diễn văn truyền hình của ông Clinton đều là những “ đại biểu sinh viên ” đã được đảng và đoàn chỉ định trước và ra lệnh chỉ được vỗ tay một cách xã giao. Bài phát biểu của ông giám đốc Nguyễn Văn Đạo cũng được “ cấp trên ” duyệt lên duyệt xuống, lên gân nắn cốt. Tội nghiệp cho nhà khoa học cũng phải đỏ mặt mà đọc thứ văn bia mốc meo chỉ càng làm nổi bật sự khôn khéo và trình độ văn hoá trong bài phát biểu của ông khách.

Ví dụ thứ nhì : tối thứ bảy 18 và ngày chủ nhật 19-11, ông Clinton ở Thành phố Hồ Chí Minh, đài truyền hình trung ương không đưa một hình ảnh nào, báo đài của Nhà nước suốt ngày “ tán phát ” nội dung những phát biểu con cà con kê của tổng bí thư Lê Khả Phiêu trong buổi tiếp Clinton chiều 18. Báo hại dân chúng phải vắn nghe đài “ ngoại ”. Mấy năm nay, người ta lo làm ăn, kiếm sống, khi rảnh rỗi thì xem tivi giải trí, chẳng mấy ai nghe đài phát thanh ngoại quốc. Nhờ chủ trương “ què một cục ” của Nhà nước, các đài BBC, RFI, VOA... trong mấy ngày ấy đã tìm lại được một số thính giả.

Ông Nhà nước đã “ què ” như thế, thì dân ta có dịp “ chọc què ” bằng thái độ niềm nở đối với tổng thống Mỹ, với bà

thượng nghị sĩ mới của bang New York, với “ cháu gái ” Chelsea cũng như đối với “ cụ bà ” Rodham (mẹ của bà Hillary), nhất là họ đều là những khách hàng sộp, mua sắm lu bù ở phố Hàng Gai, Hàng Bông, Nguyễn Thái Học (gần Văn Miếu) ở Sài Gòn, cũng như ở khu Bến Thành Sài Gòn. Ý muốn “ chọc què ” cộng thêm sự tò mò, chen lấn cảm tình dành cho những người “ chịu chơi ”. Bởi vì các hàng cơm bụi và quán phở ở đây có mấy khi được tiếp các vương tôn, công tử, hoàng hậu, thứ phi và công nương “ bản địa ” như thế này đâu ? Các vị ấy, hay nói như diễn văn chính thức, các “ ngài ” ấy, chỉ quen lui tới các cửa hàng “ ngoại ”, phạm vi “ bản địa ” mà các vị ấy hạ cố thường là những chùa chiền miếu mạo nổi tiếng linh thiêng (không kể chùa X. ở Hà Nội dành riêng cho “ Trung ương ” tới lễ bái) hay những “ thầy ” và “ cô ” giỏi đoán thời vận (sắp tới đại hội đảng rồi, tương lai tiền đồ nằm trong lá số tử vi và sự phù hộ của thánh thần).

Đó, sự đón tiếp dành cho phái đoàn Mỹ có thể nói gọn như thế. Không có gì là “ nồng nhiệt ”, lại càng không “ nuối tiếc quá khứ ” gì như một vài nhà bình luận ở nước ngoài đã diễn dịch. Nhân tiện, cũng nói thêm hai chi tiết nhỏ, không quan trọng, nhưng cũng cho thấy cái “ hổ ”, cái “ què ” là “ không của riêng ai ”. Một là, trái nghịch với các bài phát biểu được chuẩn bị kĩ càng (với sự cố vấn của mấy chuyên gia Mỹ am hiểu văn hoá Việt Nam), trong phái đoàn Mỹ có những vị (kể cả mấy vị gốc Việt) đã “ khám phá ”, không ngờ Việt Nam “ tiến ” như vậy. Họ tưởng ở Việt Nam chỉ có mấy cái máy PC loại XT hay cổ lỗ hơn, và nhất là họ tưởng rằng ở Việt Nam người ta vẫn bị “ bể đồng hồ ” như một số người ở Cali mà đồng hồ sinh học vẫn ngừng ở 11g30 ngày 30.4.1975. Hai là, mấy ông Mỹ trong “ Secret Service ” có nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho “ boss ”, cứ tưởng Hà Nội là Dallas, nên đòi mang cả trực thăng quân thảo trên trời để “ hộ tống ”. Giá mấy ông bớt bận tâm lo bỏ trống răng thì đã theo dõi được hành tung của “ người hùng Lý Tố ”, và chặn được trò hề của người hùng.

Nhân đây, tôi cũng xin cảm ơn ông Lý Tố, không phải vì ông đã rác truyền đơn kêu gọi đồng bào “ nổi dậy chống bạo quyền cộng sản ”, mà vì vô hình trung, ông đã khoá được miệng của một nhà khoa giáo vốn quen lớn tiếng bảo vệ đường lối của đảng trên mặt trận văn hoá văn nghệ. Số là trời cho ông Lý Tố một người anh cùng mẹ khác cha, ông này là một nhà lý luận văn học trung kiên, luôn luôn thổi còi tố cáo những biểu hiện sai lệch trên “ mặt trận văn hoá ”. Vì mãi chiến đấu cho nên ông quên khai trong lý lịch là mình có người em anh hùng không kém. Đến khi Lý Tố cướp máy bay, ném truyền đơn lần trước, người ta mới phát hiện ra sự đáng trí ấy, và từ đó, ông cũng tránh xuất hiện trên văn đàn để thổi còi. Anh chị em trí thức ở thành phố biết ơn ông Lý Tố đã vô tình góp phần vào việc giảm ô nhiễm âm thanh. Giá mà ông biết ngừng vỗ tuồng cải lương ở đó thì hay biết bao.

Thôi, xin tạm ngừng ở đây. Các anh chị hãy tha thứ cho giọng bông đùa của lá thư này. Thư sau sẽ kể chuyện cung đình chuẩn bị đại hội đảng. Nhưng chưa chắc sẽ nghiêm trang hơn. Trong khi chờ đợi, xin chúc cho mọi người và cho đất nước yêu quý này một thế kỷ tốt lành hơn.

N. S. P.



ĐỌC MÂY MỘT NGÀY

(Hợp âm trong vùng sân khấu)
của MAI NINH

Thường Quán

Đôi khi tôi tự hỏi không biết bản thân văn chương có phải đã khởi đi từ một nỗi trống vắng thất lạc? Nỗi thất lạc của con người mang mang niềm gì một chuyến đi xa không thể quay trở lại. Viết như thế là một cố gắng triệu hồi một nơi chốn đã mất? Phải thế không? Từ Homer, từ Milton *Paradise Lost*, từ Lý Bạch *đề đầu tư cố hương*. Từ Dante - lạc vào đường tối thẳm: “*Hành trình nửa chặng nhân sinh, tôi lạc bước / chính lộ không còn, tỉnh giấc, tìm thấy mình / một mình trong rừng tối thẳm*” (Inferno). Những Thomas Wolfe, Ungaretti, Ekelof, Bui Giáng, Lorca, S.Yizhar... lang bạt ruổi rong, đi với một chốn khởi đầu đâm đâm đã mất. Đầu là chốn khởi đầu vừa cháy lên

*Chốn khởi đầu, đầu tiên, đầu tiên
Chốn khởi đầu không chứng cứ
Là màu vàng cam toàn thể vàng cam
Vàng cam vàng cam rực rỡ*

S. Yizhar, ‘Mikdamot’
(re-arranged by Amos Oz,
The Story Begins, Vintage)

Đâu là thơ thiếu, nhìn từ một chặng đời một thành phố khác:

Thơ thiếu của người:

bây giờ một truyện tích cổ của những bốn phun nước

Lorca, ‘Your childhood in Menton’
(Poems in New York, 1929)

Đâu là nơi người từng một lần có mặt

“*Cánh cửa ra hiên vẫn mở suốt đêm, hôm qua trời vô cùng
nóng bức
và mãi về đêm, mưa xuống*”.

Mây Một Ngày. Cánh cửa ra hiên tự bao giờ mà vẫn suốt đêm. Một suốt đêm rất là bất định. Hôm qua hay một ngày cũng là bất định. Cánh cửa, một len vào. Một người lọt vào bên trong. Lọt vào một khí hậu, một cảnh thổ, một không gian. Nhưng chiếc cửa mở đã rất là bất ngờ, ngoài chỗ biết, vì lúc ấy ta đang còn bị dụ hoặc trong vang âm mấy tiếng chuông mở đầu vào truyện. “*Ba hồi chuông ngân dài đánh thức tôi vào năm giờ sáng. Mây vẫn ngủ say, nằm nghiêng người, đầu gối lên cánh tay tôi không biết tự lúc nào. Đỡ nhẹ đầu Mây đặt xuống nệm, tôi tìm chiếc áo rơi trên sàn mặc vào, rồi bước khỏi giường.*”

Ba hồi chuông. Năm giờ sáng. Nằm nghiêng. Gối lên cánh tay. Không biết tự lúc nào. Đỡ nhẹ đầu Mây tôi tìm chiếc áo rơi. Những mảnh thơ rời, lạ, gối lên nhau. Câu văn trôi nổi quần quẩn màu gì giữa mắt chưa hoàn toàn mở, và một giấc mộng còn động, chưa tan. Ta rớt ngay vào một căn phòng mở

ngỏ, nhìn xuống một khuôn viên chùa, trêu nghịch, phá-hòa điệu “*chiếc ban công ngang nhiên vô lễ nhìn xuống các tượng Phật trầm tư*”. Ta rơi vào cái gì đang được báo trước sắp sửa mất biến. Tiếng rao hàng, tiếng honda sắp ùa tới. Màu non bộ lấp sau “*thỉnh thoảng mới hé ra vài ánh sứ*” đã vốn mong manh. Và trong không gian còn xanh tối ấy, nhịp thở một con người “*hơi thở Mây đều đều sau tấm màn the phơ phất*”. Rồi ta chưa phá được vùng ánh sáng chưa thực sáng lên kia thì đã lại rơi vào hương hoa, hương thời gian, hình ảnh không biết làm nên từ ký ức hay từ một giấc mơ một không gian hôm qua.

Mùi hoa sứ nhẹ dâng lên cùng cảm giác mệt mỏi, tôi định trở vào với Mây, bồng cánh cửa nhỏ phía trái gần gốc cây bàng kèn kẹt. Một ni cô vắt chiếc khăn trắng trên vai, tay xách cái chậu đi đến vòi nước cạnh hòn non bộ. Tôi nhìn sững vào màu áo vải nâu nổi bật cân cổ trắng, mắt tự nhiên hoa lên, tôi ngoảnh vào phòng, hơi thở nghẹn. Mây đã nằm ngửa lại, một cánh tay thả lỏng bên thành giường, ngực nàng thênh thang tóc ra khỏi tấm ra xanh đậm Mây, Mây ơi, ra coi cô Ba, cô Ba đã ngủ dậy đang giặt đồ trong sân. Tôi gọi Mây rồi rít, hình như có tiếng xe gắn máy của người đàn ông vừa ra khỏi nhà cô Ba bằng ngõ sau, khuất hẳn tầm nhìn từ chiếc ban công này. Cây gòn sừng sững trước ngõ nhà cô tới kỳ nở hoa, những đám bông trắng bay lùng bùng theo gió, lọt vào tận căn phòng tôi, bám trên bệ cửa. Nụ bông to, trắng tròn điểm hột gòn như ngực Mây với núm vú đang phơi bày bung mở. Mây không dậy ra xem, Mây ú ớ dúi mặt vào gối, tay quờ quạng tìm kiếm. Mây không ra nhìn cô Ba và quần áo trong cái chậu nhôm đầy bọt xà phòng, mái tóc cô vừa gội ướt rượt đen nhánh. Mây vẫn thích ngó cô Ba những lúc ấy, Mây cười nháy mắt, hai lúm đồng tiền xoáy hẳn vào, vành môi trễ xuống. Sao chỉ một ngày mà cổ xài nhiều quần lót thế hở mày? Ừ phải trên giấy phơi, tôi và Mây cùng đếm ba bốn sáu bảy chiếc quần nhỏ đủ màu ren rua đong đưa. Cô Ba đứng dậy rũ rũ mở áo quần vừa vắt. Ni cô rửa mặt xong lê tiếng guốc, cánh cửa nhỏ lại kèn kẹt khép. Cô Ba đã vào nhà và sắp sửa trang điểm...

Một đoạn văn linh động kỳ hoặc nén đặc, dung đưa. Những tổ chất đầu ngày còn rất mỏng. Sự dung đưa của chữ mang âm tiết trước khi ngữ nghĩa thực tới. Và vì ngữ nghĩa chưa chế ngự nên tất cả còn được nổi trôi, giữa sự thiêng và chất gợi tình, ngứa sấp đan bện, giao thoa. Tiếng gọi rồi rít Mây, Mây ơi (trẻ trung tình cờ vang vọng Triều Vân Triều Vân của Tô Đông Pha) còn đang dụ dụ ở chỗ “*ngực nàng thênh thang tóc ra khỏi tấm ra xanh đậm*” thì ta bị kéo tới trước một thân gòn, tới kỳ... “*nụ bông to, trắng tròn điểm hột gòn như ngực ...*”. Cây và thân, hai ẩn dụ mềm mại mà cụ thể, cảm quan có thể bắt được ngay, rất trọn vẹn. Nhân sinh thu lại trong một ở thân người. Thiên nhiên tự lại ở một trong cây. Cây baobab nằm giữa đất khô Phi Châu ẩn dụ nơi sinh ra con người ban đầu tối tăm nguyên sơ nguyên thủy. Cây gòn của *Mây Một Ngày* bung nở dựng lại cả một Sài Gòn thơ thiếu, một quẻ hương thiếu nữ mười bảy, của rất riêng tư mà rất rộng mở. (Ẩn dụ của thơ ca vốn thế, nó khởi đi từ một thế giới riêng, rồi được chấp nhận, bởi số đông, để không nói, vẫn là ẩn dụ mà ý nghĩa thì mập mênh hiển lộ). Trong không gian chùng chập đầu ngày ấy những thơ mộng nháy mắt tình nghịch theo dõi những sinh hoạt như có đó, như đã rất xưa, đã mất. Hơi thở của Mây nhân vật là hơi thở người nghe bây giờ đang nín lấy để kiểm tìm giữa những biên giới cái gì huyền dụ

giữa ẩn áo tình và tính, thiêng và đục, khép và mở. Tất cả ấy trong một sân vườn chùa, có mặt như một ẩn dụ khác về một ốc đảo xa xôi, sẽ mất, khi mai ngày trưa lên

*Tình yêu, tình yêu chuyển đi xa của một thân lưu
Qua vùng ngực trắng mênh mông không tới được*

Lorca, 'Your childhood in Menton'

Lâu lâu lắm tôi mới đọc được một đoạn văn thơ mộng, lạ, hàm chứa lung linh những thế giới cảnh thổ như vậy. Lại là một mở truyện, là khâu gay go nhất trong nghệ thuật truyện ngắn. Thơ mộng vì xúc tích những biểu tượng, ẩn dụ, hình ảnh mang tính thơ (một ni cô vắt chiếc khăn trắng trên vai gọi Xuân của Hàn; tím ra xanh đậm, gọi buổi chiều mùa xuân xuất viện của Boris Pasternak). Thơ mộng trong âm thanh và hương sắc của ngôn ngữ: cứ xao động liên tục trong kiến trúc những câu văn gối lên nhau chạy đuổi, từ một căn phòng mở ra một vương sân (một vùng không gian, những đêm thời gian), trên cao một khoảng vừa đủ để nhìn xuống. Tính thơ mộng còn tới từ những hàm ẩn của sự mất, phù du, bóng, thời gian mất bóng. Nó báo trước sự đổ vỡ.

Tiếng chuông năm giờ sáng như tiếng chuông chùa Diệu Đế (hay Linh Mục nhỉ?) một Nhã Ca đêm đợi sáng ra đi khỏi một thành phố thời những năm 60. Tiếng chuông nghe lại trong một buổi sáng Vân trở về, hậu chiến. Sự trùng hợp thôi. Nhưng Mây và những đau thương mất trí thì 'ram rám' hiện thực như đôi tay đan lát những sợi nứa của Mây mà con mắt trí điên loạn đôi khi tràn tới cứ là như từ một *Dãi Khăn Sô* khi Mây vẫn còn thanh xuân đòi gọi như những ca khúc trữ tình hàng quán trong trưa nồng ngọt muối nắng chiến tranh. Chiến tranh bây giờ cũng đã là xa. Nó đã thuộc vào quá khứ, thuộc vào lịch sử. Nhưng đau thương không phải chỉ trong chiến tranh. Hậu chiến mới là điểm ngưng ngùi. Của những người còn lại, sống sót. Những kẻ lang bạt ngoài quê hương hậu chiến ấy cũng là những kẻ sống sót. Từ ngưng ngùi ấy, tịch mịch đau đớn ấy, thơ ca, truyện ngắn, tiểu thuyết. Lịch sử thực ra còn rậm rộ vận hành. Nhưng nó bên ngoài thế giới hậu chiến của Mây. Nó không còn để ý tới nàng. Lịch sử có mặt ngoài phòng tắm:

*Vừa vịn vôi nước, Mây ra dấu chỉ về phía cửa xua tay, ý
đuổi tôi. Mây tắm một mình được chứ? Nàng gật gật và đẩy
mạnh tôi ra. Lòng chẳng yên, tôi bật truyền hình, đã tới giờ tin
tức. Bên kia thế giới của tôi đang bùng bùng sôi động,
Gorbachev tuyên bố perestroika,...*

Lịch sử như thế bỏ rơi những con người thời hậu chiến của một đất nước. Bây giờ họ, những người sống sót sau chiến tranh, chỉ có những quang gánh quá khứ. Họ có những ký ức như bóng ma: một đứa con đã chết, mà vẫn hỏi: nó đã chết chưa? sao nó không có mặt trong thành phố này? Một người mẹ, một người đàn bà "cách đây hơn hai mươi năm điệu hạnh duyên dáng, bây giờ khuôn mặt lạc thân già nua". Những con người trong một sân khấu rồ dại, không còn bi hùng, không cả bi thương, lạnh hơn Brecht, "Mây đi tóc dài mở tung quần áo phát phối, đếm một hai ba. Hàng xóm hai bên đổ ra, mấy người đàn bà xúm lại ôm Mây, kéo áo quần cho nàng. Bọn đàn ông hai bên chơ mắt rồi nhìn nhau tìm tìm. Lũ trẻ vỗ tay reo hò". Một cảnh tuồng *absurd* trên một sân khấu *cruel*, của Artaud, Craig (chúng ta hãy để ý tới ngôn ngữ trần trụi của Mai Ninh nơi đây tương phản làm sao với đoạn khởi đầu).

Người điên là một người linh hồn bị thương tích (damaged soul). Còn những người sống tỉnh táo tìm tìm cười trước người điên là gì? Những linh hồn đã vong thân hay chỉ là sự dừng dung không linh hồn? Người ta làm gì? Như trong tranh tôn giáo... những người đàn bà mang tên Maria, Magdalina,... mặc lại áo cho Jêsu, trong khi đám binh lính đàn ông nhìn trơ vào loạn hướng.

*Một nỗi xúc động dâng lên nghẹn ngực, tôi luồn những
ngón tay vào mái tóc ngắn còn hơi ẩm, thơm mùi dầu tôi đã
gội cho Mây. Ngày xưa Mây để tóc dài giống cô Ba, tóc một
dòng chảy mượt sau lưng. Tôi hay nghịch cuốn quanh tay, búi
thành lọn. Mây ghét ai sờ tóc mình nhưng với tôi Mây làm nơ.
Tôi thâm thi. Tôi Mây quá Mây ơi. Nàng như nghe thấy, quay
sang, hai tay chèo qua cổ tôi từ từ thả xuống rờ rẫm bờ vai
rồi luồn vào sau làn áo. Mây bây giờ đắm mùi quen thuộc,
mùi của chính tôi.*

Người ta tới với nhau, những con người tìm lại. Tìm lại linh hồn đã rơi mất, như một cách nói cũ mà thực ra vẫn đúng. Một trở về với-chính-tôi, hay một giao hoà với cái *alter ego* vốn đeo đuổi như hình với bóng. Hay chỉ thuần là một cho đi, vì thương xót. Hay đi xa hơn nữa: một phục hồi lại thế giới linh-hồn tình yêu. Ôi con người! Mi là một thân sậy biết tư duy, hay một con vật chính trị, hay một hữu thể có ý thức đạo đức, hay một sinh vật tình lụy đa mang? Một sinh vật biết xót thương và san sẻ. Một sinh vật đôi khi biết nói: "tôi chọn tình yêu làm biển trời" (Mai Thảo), hay "I am he that aches with amorous love" "tôi là kẻ ấy quặn lên vì tình yêu" (Walt Whitman). Love, sympathy / thương cảm. Ấy là tình yêu của linh hồn trên những con lộ mở

*Con Đường Mở. quê hương lớn rộng của Linh Hồn là con
đường mở. Không phải thiên đàng, hay thiên thai. Không
'ở trên cao'. Không cả 'bên trong'. Linh hồn thì không
'ở trên cao' cũng chẳng ở 'bên trong'. Nó là một kẻ thấy
bộ xuôi một con đường mở.*

*Và linh hồn tôi đón nhận con đường mở. Linh hồn tôi gặp
gỡ những linh hồn đang đi băng qua, linh hồn ấy đi cùng
những linh hồn trên đường. Và cho một và cho tất cả, linh
hồn ấy có thương cảm. Thương cảm của tình yêu, thương
cảm của ghét bỏ, thương cảm của lân mẫn cận kề đơn sơ;
tất cả những hành vi thương cảm tinh tế của linh hồn vô
lượng, từ ghét bỏ xót xa nhất đến tình yêu nồng cháy nhất.*

The Open Road. The great home of the Soul is the open road. Not heaven, not paradise. Not 'above'. Not even 'within'. The soul is neither 'above' nor 'within'. It is a wayfarer down the open road.

And my soul takes the open road. She meets the souls that are passing, she goes along with the souls that are going her way And for one and all, she has sympathy. The sympathy of love, the sympathy of hate, the sympathy of simple proximity; all the subtle sympathizings of the incalculable soul, from the bitterest hate to passionate love.

D. H. Lawrence ('Whitman', Studies in Classic American Literature)

Xem tiếp trang 20

Toà lâu đài cổ đã bán cho Tokyo lâu rồi (và được thay thế bằng một phiên bản bằng nhựa nhân tạo)

Minh Tú Huber

Vừa qua em Minh Tú, một nữ học sinh 13 tuổi, cha người Đức, mẹ người Việt Nam, đã đoạt giải nhất cuộc thi viết về năm 2100 của Thành phố Heidelberg / CHLB Đức.

Heidelberg hiện hòa bên giong sông Neckar thơ mộng, với toà lâu đài xây từ thế kỷ 14 và chiếc cầu cổ kính, là một thành phố đẹp nổi tiếng của nước Đức, nơi mỗi năm hàng trăm ngàn du khách từ khắp nơi trên thế giới đổ về chiêm ngưỡng, đông nhất phải kể đến du khách Nhật Bản và Mỹ, lộ trình thăm nước Đức có thể không có Berlin cũng chẳng sao, nhưng nhất thiết phải có Heidelberg. Ai chưa đặt chân đến Heidelberg, coi như chưa...đến Đức. Còn đối với người Đức thì hầu như không ai là không biết đến tên thành phố này qua câu hát : “ ich habe mein Herz in Heidelberg verloren !” (tôi đã đánh mất quả tim mình ở Heidelberg !).

Nhân dịp cả thế giới loài người từ giữa thế kỷ 20 để bước vào thiên niên kỷ thứ 3, báo “ Rhein-Neckar-Zeitung “ (Nhật báo của vùng sông Rhein và sông Neckar) phối hợp với Ủy ban hành chính thành phố Heidelberg đã kêu gọi mọi người tham gia giải viết báo với đề tài “ Heidelberg vào năm 2100 ”. Minh Tú là 1 trong hơn 80 người gửi bài tham dự, chẳng qua cũng chỉ vì “ tham vui và có ngẫu hứng viết lách ” chứ “ chẳng hề nghĩ đến thắng giải ”. Bài của Minh Tú được hội đồng giám khảo gồm 4 nhân vật tên tuổi ở Heidelberg (Bà thị trưởng Heidelberg Beate Weber, Nhà chính trị học - giáo sư Klaus von Beyme, ông Frank Zimmermann của Cơ quan Agenda Heidelberg và ông Peter Wiest đại diện ban biên tập tờ báo) nhất trí chọn là bài hay nhất, bởi đã đáp ứng 3 tiêu chuẩn của ban giám khảo đề ra :

- * gọi lên được viễn tượng về tương lai loài người vào cuối thế kỷ 21, tuy nhiên cũng phải sát thực tế, không quá viễn vông, không tưởng,
- * bài viết phải có liên hệ tới thành phố Heidelberg cũng như sát cận lịch sử,
- * và cuối cùng là văn phong tươi sáng, đẹp.

Ở thời điểm năm 2000, khi “ Cù bà ” Minh Tú mới tròn 13 tuổi và là 1 nữ sinh duyên dáng lớp 8 trường trung học Thánh Raphael ở Heidelberg. Một thiếu nữ bình thường như tất cả những thiếu nữ khác cùng thời. Và một trong những thú vui hàng ngày của Minh Tú là thú đọc sách.

(người dịch : Lê-Kim & Trần Cung)

Nhờ vào y học hiện đại và kỹ thuật gen mà tôi, Minh Tú Huber, một trăm mười ba tuổi, vẫn vui hưởng một sức khỏe cực tốt. Nhưng có ai biết rằng thế mà đã có biết bao đổi thay

“ thương hải biến vi tang điền ” từ cái thời niên thiếu của tôi đến nay ! Ngày đó vẫn còn loại cơ sở giáo dục được gọi là “ trường trung học phổ thông ”. Thế rồi 30 năm trước đây một cuộc “ cải tổ rộng lớn về trường sở ” đã thay đổi hệ thống giáo dục ở Châu Âu. Thay đổi như thế nào thì tôi không còn nhớ rõ nữa, chỉ biết là từ đó “ trường trung học phổ thông ” được gọi là “ Câu lạc bộ Tranh luận ”. Nếu như nhà thơ J.W. von Goethe có sống lại chắc hẳn ông cũng sẽ lúng túng với tiếng Đức hiện nay. Sau nhiều cuộc cải cách về ngữ pháp, các mạo từ “**der, die, das**” được thay thế bằng mạo từ “**de**”. **De** chắc là từ chữ **the** của tiếng Anh và chữ **der** của tiếng Đức hợp thành. Ngày nay, trên toàn Liên Bang Châu Âu, trải dài từ Đại Tây Dương tới tận Ural, người ta dùng chung một ngôn ngữ hành chính chính thức được cấu thành bởi tiếng Anh pha tiếng Đức, trộn thêm một mớ tiếng Pháp và tiếng Nga, bởi vì người ta đã không thể thoả thuận với nhau chỉ sử dụng một tiếng nói của một quốc gia làm ngôn ngữ chung duy nhất.

Từ năm 2059 đồng bạc Euro cũng không còn tồn tại, bởi vì nó cứ mất giá dài dài nên người ta đã thay nó bằng đồng World vững vàng. Đồng World, như tên gọi của nó, được sử dụng trên toàn thế giới.

Như đã nói, tôi hiện được 113 tuổi, tuy nhiên nếu so với dân chúng hiện nay thì đó là điều không có gì là hiếm hoi cả. Nhưng vấn đề là ai trả tiền hưu cho những người ở tuổi này ? Vì trong các hãng xưởng và ngay cả trong nhà, hầu như chỉ còn “ người máy rô-bô ” làm việc, cho nên những ai sử dụng “ rô-bô ” phải đóng vào quỹ hưu bổng tiền “ phí sử dụng ” rất cao.

Thế còn ở Heidelberg đã có những biến chuyển gì xảy ra ? Trước đây 55 năm, vì thiếu hụt ngân quỹ, thành phố đã phải bán toà lâu đài cổ cho một Công-ty “ Công nghiệp cao ” ở Nhật Bản. Toà Lâu Đài cùng với “ Cổ Thạch Kiều ” hiện được trưng bày trong một viện bảo tàng vĩ đại ở gần Tokyo, rộng mênh mông, được xây dựng dành riêng cho lâu đài và chiếc cầu, có điều hoà không khí hẳn hoi. Và ở lưng chừng triền núi, từ dưới khu phố cổ của thành phố Heidelberg nhìn lên, người ta đã thay thế toà lâu đài lịch sử bằng một phiên bản giống y trang, làm bằng nhựa nhân tạo, chịu được mọi thời tiết, cũng chỉ vì để tiết kiệm chi phí bảo trì và sửa chữa.

Con đường hầm được xây bên bờ sông Neckar 90 năm trước, chỉ sau ít năm đã phải bị đóng cửa vì có nguy cơ sụp lở do thường xuyên bị ngập lụt bởi mực nước sông Neckar dâng cao, hậu quả của sự thay đổi khí hậu trên trái đất. Ngay cả “ Khách sạn Ritter ” nổi tiếng cũng không còn nữa. Toà nhà vang-bóng-một-thời này đã phải nhường chỗ cho một Nhà hàng-đặc-sản-Huê-kỳ.

Riêng tờ nhật báo Rhein-Neckar-Zeitung mà tôi biết từ khi còn bé vẫn còn cơ đấy. Để xem hôm nay có tin gì lạ nào. Có thể nói rằng cũng chẳng có chuyện gì ghê gớm xảy ra ở thành phố Heidelberg cả : Ông thị trưởng Dieter Wolf-Haenger lại liên quan tới một vụ áp-phe có dính dấp tới tương mục đen ở Liechtenstein. Một chú mèo bị một chiếc xe chạy bằng năng lượng mặt trời và điều khiển bằng vi tính cho “ hội nhập thân xác, liền da liền thịt ” vào quốc lộ B3, bởi chú sơ ý chui vào lòng xe lúc xe đang bon-bon trên đường.

Sau đây là một bản tin bằng thứ ngôn ngữ hành chính chính thức của Liên Bang Châu Âu :

“ *De Fohks dramatisch Rueckgo : In de Weltdt go de Fohks seer strong toruekk. Inzwishen in fiele Land heigh Praemie werdt autsez for jehde newborne Kind. Op de Weltdt da gebt only 3 Millard Fohks. De deuth Bundteskantzler Wilhelm Bookmaker is seer beunruigt dafor. In Baerlin diskuss de Politikans seer ernst, what se sollen thun. Se hopen all to bekommen shnell en Ergepniss.* ”

(“ *Dân số giảm nghiêm trọng : Trên thế giới số dân giảm nghiêm trọng. Hiện đã có nhiều nước chi tiền thưởng rất cao cho mỗi đứa bé mới sinh. Hiện thế giới chỉ còn khoảng 3 tỉ người. Thủ tướng Đức Wilhelm Bookmaker hết sức quan ngại. Ở Berlin các chính trị gia đang thảo luận một cách rất nghiêm trọng xem cần phải hành động ra sao. Họ hy vọng cuộc thảo luận sớm có kết quả.* ”)

Tưởng cũng cần nói thêm là ô tô chạy năng lượng mặt trời và loại ô tô chỉ tiêu thụ 0,5 l xăng mỗi 100 km đã có từ lâu rồi. Giá mỗi lít xăng hiện nay là 10 World.

Thôi, hôm nay như thế là đủ rồi nhé. Bây giờ là 12 giờ. Đã đến giờ tôi phải dùng bữa cơm trưa bằng cách mút một ống kem khoai tây trông với phương pháp cải tạo ghen.

Chào tạm biệt !

Minh Tú, 113 tuổi, Heidelberg

Độc Mai Ninh...

(tiếp theo trang 18)

Có lẽ ngoài Whitman chỉ còn Simone Weil để nói chuyện linh hồn và tình yêu con người mệnh mông trời biển, tình yêu như một hiển lộ trung thực của Sympathy. Tôi cứ nghĩ như vậy, cho tới khi đọc **Họp Âm trong vùng sân khấu**.

Đọc và tìm ra, ở truyện đầu tiên này của cuốn sách, một biển trời khác. Một *whitmanesque love* trong truyện ngắn Việt Nam.

Trong **Mây Một Ngày**, một rơi vào cảnh thổ què hương hậu chiến hoảng lạc sẽ dễ dàng đưa người đọc tới một sự đồng hoá mình với người-kẻ, nhân vật mang tên Vân. Vân chứ không phải là Mây. Mây là phần kia, nửa kia, nửa mệnh mông. Mây là nửa ta chưa nhập được vào. Dù ta có thể kêu lên rí rít “Mây Mây ơi”, rồi để xót thương “Tội Mây quá Mây ơi”; hay không kêu gì hết, chỉ nghe thôi. Như nghe “*từ bụng Mây một thứ mùi nồng ngái không định được, mùi cỏ, mùi xà phòng rẻ tiền, mùi mây tre hay của đất bùn nắng gió ngoại ô.*” Sự đồng hoá (vốn đã tạm thời), sẽ dừng lại ở một thương cảm, hay không tới cả một thương cảm. Và ở cả hai dừng lại ấy, dù tôi có đã bắt được những hình ảnh tinh tế nồng ấm, đau đớn, bị khuấy động, bị đặt vấn đề (cả là như thế) thì tôi vẫn sẽ chưa thấy được một cái gì vô cùng quan yếu, một *missing the point*. Tôi vẫn chưa thấy -

Mây và Vân đều dang đi trên con lộ mở, với linh hồn của họ.

Thường Quán
Melbourne
21 Nov 2000

Diễn Đàn giới thiệu trong số này một áng văn của Cao Hành Kiện (Gao Xingjian), giải Nobel văn học năm 2000 (xem số 100). Đây là chương 3 của cuốn tiểu thuyết mới nhất : **Kinh thánh của một con người** (Yigeren de Shengjing, Nhà xuất bản Liên Kinh, Đài Bắc, 1999). Kiến Văn dịch từ bản Pháp ngữ (Le Livre d'un homme seul, L'Aube, 2000), có tham khảo nguyên tác Hán ngữ.

Hắn cần có một tổ ấm, cần một nơi ẩn náu, để trốn tránh người khác, một chốn riêng tư cho một mình hắn, không bị ai dòm ngó. Hắn cần có được một căn phòng cách âm, đóng cửa phòng lại có thể nói to mà không ai nghe thấy, muốn nói gì thì nói, một vũ trụ riêng trong đó hắn có thể nghĩ ra lời mà không cần hạ giọng. Hắn không thể náu mình trong cái kén như một con nhộng âm thầm nữa rồi, hắn cần được sống, được cảm nhận, khi làm tình với một người đàn bà, hắn muốn rên rỉ hay la to lên, cho đến khi kiệt lực. Phen này hắn phải đấu tranh để giành lấy một không gian sinh tồn, không thể nào chịu đựng được cái ngột ngạt của những năm qua, và cái ước muốn vừa khơi dậy này nhất định phải được thoả mãn.

Căn phòng nhỏ hắn ở hồi đó chỉ vừa vận chiếc giường một người, cái bàn và cái kệ sách. Mùa đông, để thêm cái lò và ống thông hơi, có thêm một người trong phòng là hết chỗ cục cựa. Bên kia tấm ván tường là hàng xóm, hắn nghe rõ môn một, bất luận hai vợ chồng công nhân tí tởn ban đêm hay đứa bé tè tè. Cái sân có vòi nước và ống thoát nước, hắn phải dùng chung với hai gia đình. Mỗi lần cô bé đến thăm hắn là bị hàng xóm theo dõi, hai người uống trà hay trò chuyện hắn cũng phải để ngó cửa. Vợ hắn lấy hắn hơn mười năm trước song hai người chưa bao giờ ăn ở với nhau, đã xin đảng uỷ Hội nhà văn mở cuộc điều tra về hắn, và đảng uỷ đã liên hệ với uỷ ban khu phố. Đảng xía vào mọi việc, tư tưởng, sáng tác của hắn cũng như đời tư.

Lần đầu tiên đến thăm hắn, cô bé mặc bộ quân phục rộng thùng thình có gắn huy hiệu đỏ. Mặt cũng đỏ, cô ta nói đọc tiểu thuyết của hắn rất cảm động. Hắn vốn ngại những cô bộ đội, nhưng thấy cô mặt non choẹt, bầu bầu, hắn hỏi cô bao nhiêu tuổi. Cô ta tự giới thiệu, nói đã học trường y tế quân đội và hiện đang thực tập một năm ở bệnh viện quân y. Năm ấy, cô mới mười bảy. Tuổi này là tuổi các cô hay yêu, hắn tự nhủ.

Lúc hắn ta hôn cô lần đầu tiên, sau khi đã cẩn thận khép cửa phòng lại, thì toà án vẫn chưa xong thủ tục li dị. Hắn nín thở vuốt ve cô, trong tai còn nghe thấy hàng xóm mở nước máy giặt quần áo hay rửa rau gì đó, rồi tiếng đổ nước bồn. Hắn nghe cả từng bước đi của họ.

Rõ ràng là hắn phải có cho được một nơi chốn riêng, cho dù chỉ là để có thể ôm một người đàn bà trong vòng tay. Chỉ cần một cái mái che mưa che gió, và bốn bức tường bao quanh, cách ly hắn với âm thanh bên ngoài. Chứ hắn không hề có ý định lấy vợ lần nữa. Cuộc hôn nhân kéo dài hơn mười năm do pháp luật bắt buộc như vậy quá đủ rồi. Hắn ngại phụ nữ lắm rồi, đặc biệt là các cô trẻ đẹp, tương lai đầy hứa hẹn, mà hắn có thể yêu mê yêu mệt. Đã mấy lần hắn bị phản bội và tổ giác. Hồi còn ở đại học, hắn yêu một cô bạn cùng lớp. Khuôn mặt thon thon, giọng nói dịu dàng, cô gái dễ thương và cầu tiến ấy đã nộp một bản báo cáo tư tưởng cho bí thư đảng



Cao Hành Kiện

Kinh thánh của một con người

uỷ, ghi lại những lời hẩn mĩa mai cuốn tiểu thuyết cách mạng *Lời ca tuổi trẻ* mà Đoàn thanh niên cộng sản bắt sinh viên phải đọc. Thật ra cô không hề có ý hại hẩn, nhưng con gái là thế, càng yêu lại càng muốn giải bày tâm sự với đảng, cũng như tin đồ muốn thổ lộ mọi chuyện với cha cố. Thế là tổ đảng nhận định hẩn có vấn đề tư tưởng. Chưa phải là trọng tội, hẩn vẫn được trường cấp bằng tốt nghiệp tuy không được kết nạp đoàn. Với cô vợ thì nghiêm trọng hơn, ả mà có chứng cứ trong tay, thí dụ một trang bản thảo viết chui của hẩn thôi, thì hồi đó cũng đủ để hẩn bị quy là phản tử phản cách mạng. Ôi, đẹp làm sao những năm tháng cách mạng ấy, các cô lên con cách mạng tới mức gieo rắc kinh hoàng !

Một cô gái mặc quân phục như cô bé, làm sao hẩn tin được. Cô ta đến xin hẩn giúp ý kiến về văn học. Hẩn nói hẩn không thể dạy cô được và khuyên cô theo học lớp bổ túc ở đại học. Có đủ thứ lớp bổ túc học tối, chỉ cần đóng một số tiền nhỏ, hai năm sau là được cấp bằng hẩn hoi. Cô hỏi hẩn nên đọc những cuốn nào. Hẩn khuyên cô không nên đọc các giáo trình, bây giờ phần lớn thư viện đã mở cửa trở lại rồi, cô tha hồ đọc những cuốn trước đây bị cấm. Cô lại nói còn muốn tập viết văn, hẩn khuyên cô đừng viết, chỉ tổ hại đến tiền đồ của cô, hẩn lao đao nhiều hẩn biết. Một cô gái bình thường và trong trắng như cô, mang quân phục, lại có nghề y trong tay, tiền đồ coi như đã vạch sẵn. Cô trả lời em không bình thường không trong trắng như anh tưởng đâu. Cô muốn tìm hiểu thêm nhiều chuyện, muốn hiểu đời, điều đó đâu có mâu thuẫn gì với bộ quân phục và nghề y.

Không phải hẩn không ưng cô, nhưng hẩn không muốn lời thôi, muốn làm tình thì chọn cô gái nào từng trải là yên chuyện, khỏi mất công dạy bảo việc đời. Vả lại, đời là cái gì, chỉ có trời biết.

Làm sao mà hẩn có thể giảng cho cô hiểu thế nào là cuộc đời, còn thế nào là văn học thì lại càng gay go hơn nữa, cũng như hẩn không tài nào giải thích được cho bí thư đảng đoàn Hội nhà văn, cơ quan chủ quản của hẩn, hiểu rằng cái mà hẩn gọi là văn học thì không cần ai lãnh đạo hay cho phép cả. Bởi vậy hẩn mới lao đao khốn đốn mãi.

Trước bộ quân phục của cô gái dễ thương và tươi mát chừng ấy, hẩn chẳng hề lung lay, mơ tưởng. Hẩn không thể tưởng tượng có ngày hẩn sẽ chạm vào người cô, hay có ngày hai người sẽ ngủ với nhau. Hôm cô ta đến trả mấy cuốn sách mượn trên kệ, mặt cô đỏ ửng, thở dốc bước vào nhà. Hẩn pha trà như phải thù tiếp tổng biên tập một tạp chí. Hẩn mời cô ngồi xuống chiếc ghế trước bàn giấy, bên cạnh cửa vào, còn hẩn ngồi trên cái ghế phía sau bàn. Trong phòng còn có một cái ghế bành thô mộc. Lúc ấy đã vào đông, trong phòng đã đặt

lò than. Để cô ngồi trên ghế bành thì cái ống thông khói sẽ che khuất khuôn mặt cô, khó nói chuyện. Thành thử họ ngồi hai bên cái bàn. Hai bàn tay cô gái mân mê mấy cuốn tiểu thuyết mang trả còn đặt trên mặt bàn, những cuốn truyện trước đây bị cấm vì thuộc loại phản động đồi trụy. Nghĩa là cô đã ném trái cấm, ít ra cô lúng túng vì biết nội dung sách là như thế nào.

Hẩn nhìn chăm chăm vào đôi bàn tay mịn màng và dịu dàng đang gân gẽ, đang mơn trớn mấy cuốn sách. Thấy hẩn nhìn, cô gái ngượng ngập rút tay, giấu xuống gậm bàn, mặt đỏ như gấc. Hẩn hỏi cô nghĩ sao về các nhân vật trong truyện, nhất là nhân vật nữ. Họ hành xử hoàn toàn không theo khuôn phép đạo lý của thời đại, lại càng không theo lời dạy của đảng. Hẩn nói có lẽ đời là thế, trong cuộc đời, không có gì là phải chăng, là chùng mực. Giá như một ngày kia, có tổ cáo hẩn, hoặc bị tổ chức đảng của cơ quan quân đội cật vấn về quan hệ với hẩn, thì nói như hẩn vừa nói cũng chẳng có gì đáng ngại. Hẩn đã có kinh nghiệm cảnh giác rồi. Đời là thế mà !

Cô còn thêm Mao chủ tịch cũng khối vợ ra đấy. Lúc đó hẩn mới dám ôm hôn. Cô gái nhắm mắt, mặt cho hẩn vuốt ve tằm thân nhạy cảm dường như đang có điện, lọt thỏm trong bộ quân phục thùng thình. Cô hỏi mượn mấy cuốn truyện cùng loại. Cô nói muốn đọc đủ thứ, cô thấy chẳng có gì đáng sợ cả. Hẩn nói một xã hội biến sách vở thành trái cấm mới là một xã hội đáng sợ. Trong cái gọi là Đại Cách mạng văn hoá mà người ta bảo là đã kết thúc, nhiều người đã bỏ mạng vì vậy đó. Cô nói cô biết chứ, cô đã thấy tận mắt người ta bị đánh cho đến chết, ruồi bâu trên xác chết đen máu của những người bị quy là phản cách mạng, chẳng ai dám nhận lãnh về chôn. Lúc đó cô còn nhỏ, giờ cô người lớn rồi, sao anh cứ như trẻ con.

Hẩn hỏi thế nào là người lớn. Cô bảo hẩn đừng quên là cô học y khoa, rồi cô cười, nhân nhân mặt. Rồi hẩn cầm tay cô, hôn đôi môi lúc đầu mím chặt rồi từ từ mềm mại. Về sau, cô hay quay lại nhà hẩn, trả sách và mượn sách, bao giờ cũng vào ngày chủ nhật, ở lại mỗi lần lâu hơn, có khi từ trưa đến chiều tối, nhưng phải bắt kịp chuyến xe buýt 8 giờ để về trại lính ở ngoại ô xa. Lúc ấy trời đã tối hẩn, trong sân không còn tiếng vôi nước, tiếng rửa rau, hàng xóm đã đóng cửa, hẩn cũng đóng cửa và ôm chặt lấy cô. Cô không bao giờ cởi bộ quân phục, mắt cô luôn luôn canh chừng chiếc đồng hồ báo thức. Đến giờ chuyến xe buýt chót, cô hấp tấp cài hàng khuy áo vét.

Càng ngày hẩn càng nóng ruột có được một nơi chốn để che chở cuộc sống riêng của mình. Khi hẩn chặt vật xin được giấy chứng chỉ li hôn, theo đúng quan niệm sinh hoạt chính thống của chính quyền, hẩn tuyên bố muốn lập gia đình và nói điều kiện tiên quyết cô vợ tương lai đặt ra là hẩn phải có nhà ở. Hẩn đã có 20 năm thâm niên (tính cả những năm cải tạo ở nông thôn hồi Cách mạng văn hoá), theo chính sách phân phối nhà ở, lẽ ra hẩn phải được cấp nhà từ lâu. Không biết bao nhiêu lần hẩn làm òm chuyện với cán bộ văn phòng, cuối cùng họ phải cấp cho hẩn một căn hộ nhỏ, trước khi hẩn bị lãnh đạo đảng ở cấp trên Hội nhà văn quy kết. Thế là hẩn dốc hết quỹ tiết kiệm, lại moi thêm được tiền ứng trước cho một cuốn sách chẳng biết rồi có được phép xuất bản hay không, thiết bị một chút tiện nghi cho căn hộ. Kết quả là rớt cuộc, hẩn đã có được một tổ ấm.

Cô gái vừa bước chân vào nhà mới, hần vừa khép cửa cài then thì cả hai đã phẫn khích tột độ. Mấy bức tường hồi đó chưa chát xong vừa, sàn nhà đầy vôi là vôi. Giường cũng chưa có, thế là trên một tấm ni-lông lấm vôi, hần đã cởi bộ quân phục quá khổ của cô, phò ra tấm thân con gái thon thả. Cô chỉ yêu cầu hần đừng tra vào, nội quy bệnh viện quân y là hàng năm mọi người phải khám sức khoẻ, gái chưa chồng phải khám cả màng trinh. Trước khi nhập ngũ họ đều phải qua sát hạch chính trị và khám xét toàn thân bởi vì, ngoài công tác hàng ngày ở quân y viện, thỉnh thoảng họ còn phải thi hành nhiệm vụ quân sự, thấp tùng để chăm lo sức khoẻ cho các thủ trưởng trong những chuyến công tác. Họ không được phép lập gia đình trước tuổi 26, lấy ai cũng phải được sự chuẩn y của cấp trên. Cũng không có quyền từ nhiệm trước khi lấy chồng bởi vì, theo lời giải thích được phổ biến, có thể có những bí mật nhà nước mà họ biết được trong thời gian công tác.

Hần đã làm đủ thứ với cô, có một điều là không tra vào. Hần đã giữ đúng lời hứa với cô. Ít lâu sau, cô phải đi công tác với một tư lệnh quân đội ở biên giới Trung-Việt, hần bật tin.

Gần một năm sau, cũng vào mùa đông, cô đột nhiên xuất hiện trở lại. Bữa ấy hần đến nhà bạn nhậu cho đến nửa đêm, vừa về tới nhà thì nghe thấy tiếng khe khẽ gõ cửa. Mặt đầm nước mắt, cô nói đứng đợi hần suốt sáu giờ ở ngoài kia, cóng lạnh mà không dám vào hành lang, sợ có người tọc mạch hỏi cô đợi ai. Cô phải đứng tạm trú dưới mái nhà kho, đợi mãi mới thấy nhà hần lên đèn. Hần vội vã đóng cửa, kéo màn. Hơi thở còn hỏn hển, thân hình lợt thỏm trong bộ quân phục, cô nói : “ *Anh, anh yêu em đi* ”.

Hần đã yêu cô trên tấm thảm. Họ lăn đi lộn lại, không, họ lấp biển đời sông, trần trụi như những con cá, đứng hơn, như những con dã thú vật lộn cắn cấu nhau. Cô khóc nức nở, hần nói cứ khóc đi em, ngoài kia không ai nghe thấy đâu. Và cô khóc thật to, rồi thét rồi gào. Hần nói hần là con lang con sói. Cô bảo không, anh là anh yêu của em. Hần nói hần muốn thành con sói, con dã thú tàn bạo và khát máu. Cô nói cô hiểu anh lắm, anh là anh của em, em không sợ, từ nay em là em của anh, em chỉ tiếc đã không hiến em cho anh từ trước... Em đừng nói vậy..., hần nói.

Rồi cô nói chỉ mong cha mẹ tìm mọi cách cho cô thoát khỏi quân đội. Còn hần trước đó ít lâu đã nhận được giấy mời xuất ngoại, mà bịn rịn chẳng muốn đi. Cô nói em sẽ đợi anh, em là người vợ bé bỏng của anh. Đến khi hần có hộ chiếu và thị thực thì chính cô hối thúc hần phải đi kéo lại có lệnh hoãn. Hần không ngờ họ sẽ mãi mãi xa nhau, hoặc giả hần không muốn, không dám nghĩ tới điều ấy, tránh nhìn thấu tâm can mình.

Hần không chịu cho cô ra sân bay, và lại cô cũng bảo cô không thể xin nghỉ phép. Có muốn chẳng nữa, thì đi chuyến xe buýt đầu tiên từ trại lính, đổi xe hai lần, cũng chẳng thể nào tới phi trường kịp giờ máy bay cất cánh.

Hần chẳng bao giờ có thể ngờ có ngày bỏ nước ra đi, mãi tới lúc máy bay nổ máy rồi cất cánh khỏi phi đạo của sân bay Bắc Kinh, hần mới ý thức có lẽ sẽ như vậy, hần mới nghĩ rằng “ có lẽ ” hần sẽ không bao giờ quay trở lại dải đất đang chạy dài bên kia khung cửa kính, dải đất hoàng thổ gọi là tổ quốc kia, nơi hần đã ra đời, lớn lên, đã đi cải tạo, đã trưởng thành,

đã khổ đau, mà không bao giờ nghĩ rằng hần sẽ từ biệt. Và chẳng, hần có tổ quốc đâu ? Cái vùng đất màu vàng mênh mông kia, nơi những dòng sông đóng băng chảy ngang kia, phải chẳng là tổ quốc của hần ? Câu hỏi ấy mãi về sau mới hiện lên trong đầu hần, và cũng dần dà hần mới tìm ra câu trả lời.

Hồi ấy, hần chỉ muốn để mọi sự trôi qua, chỉ muốn hít thở tự do hơn, muốn thoát ra khỏi cái màn tối đã bao trùm lên quê hương và bản thân hần. Phải mất gần một năm trời hần mới xin được hộ chiếu, một năm chạy từ cơ quan này sang cơ quan nọ. Nào hần có phải là một tên tội đồ, hần là công dân đất nước này cơ mà. Không có lí gì mà người ta phủ nhận quyền xuất ngoại của hần. Nhưng mỗi người có quy chế riêng, chế độ đãi ngộ riêng, người ta thiếu gì lí do để không cho anh đi.

Qua hải quan, người ta hỏi hần mang gì trong va li. Hần nói chẳng có gì là đồ quốc cấm, toàn vật dụng cá nhân. Hần phải mở khoá.

– Cái gì trong này vậy ?

– Nghiên mực. Mới nguyên mà.

Hần muốn nói cái nghiên mực này không phải là cổ vật cấm xuất khẩu, nhưng nếu họ muốn ngăn không cho hần đi thì thiếu gì cớ. Càng lúc hần càng thấy căng thẳng. Đột nhiên một ý nghĩ loé trong đầu hần : đây không phải là quê hương của hần.

Cùng lúc ấy, dường như có tiếng gọi :

– Anh...

Hần hít một hơi dài, cố gắng bình tĩnh trở lại.

Cuối cùng, họ để cho hần qua. Hần đóng chiếc va-li, đặt nó lên thảm lãn, khép túi xách tay rồi bước qua cổng dẫn vào hành lang lên tàu. Một lần nữa, hần lại nghe thấy tiếng gọi, hình như có ai kêu tên hần. Hần tiếp tục bước, làm như không nghe thấy, nhưng vẫn quay đầu lại. Người lính hải quan vừa khám xét hành lí của hần nhìn chăm chăm vào những người ngoại quốc đi sau hần, nhưng không khám ai mà để cho họ qua hết.

Lúc ấy, hần nghe tiếng gọi dài, giọng nữ réo tên hần, âm thanh như vọng lên từ xa, bay vượt lên trên tiếng ồn ào của đám đông đứng ở phòng đợi. Hần đưa mắt tìm nơi xuất phát tiếng gọi ở phía bên kia vách gỗ hàng rào hải quan, thấy thấp thoáng bóng người mặc áo măng-tô nhà binh, đầu đội cát-két, đứng dựa vào lan can chắn thạch trắng trên lầu, nhưng không nhìn ra mặt.

Cái đêm hai người chia tay, cô ép người vào hần, thâm thì : “ *Anh, anh đừng trở về làm gì* ”. Phải chăng cô linh cảm ? Hay cô đã nghĩ hộ hần ? Cô sáng suốt đoán trước ý hần ? Hần lặng thinh, chưa dám quyết định. Chính cô đã gieo ý trong đầu hần dù hần không dám nhìn thẳng vấn đề. Hần chưa sẵn sàng chế ngự tình cảm và dục vọng, hần không thể bỏ cô.

Hi vọng không phải cô đang nhô người khỏi lan can, hần quay đầu trở lại, tiến về cổng lên tàu. Ngọn đèn đỏ nhấp nháy trên bảng báo chuyến bay khởi hành. Hần lại nghe tiếng gọi xé tai, kéo dài “ *Anh...* ”. Chắc là cô. Hần không ngoái cổ lại, bước thẳng qua cổng.

Cao Hành Kiệt

Kiến Văn dịch

Đọc **Chuyện Gia Đình và Ngoài Đời** của **Bùi Trọng Liễu** (*)

Đặng Tiến

Nhà biên khảo Phan Ngọc, trong một tác phẩm mới xuất bản, phân biệt hai thời kỳ trong lịch sử văn học : trước kia, các tác phẩm là quà tặng, gần đây mới có tác phẩm hàng hoá. Sự chuyển biến đi từ giai đoạn tặng những người cùng hệ thống, sang tặng những người thị dân, rồi từ giai đoạn nửa quà tặng, nửa hàng hoá, sang giai đoạn hàng hoá ¹.

Sách Bùi Trọng Liễu *Chuyện Gia Đình và Ngoài Đời* vừa mới được in ấn năm 2000, bản lẻ giữa hai thiên niên kỷ, thuộc loại “ quà tặng cho những người cùng hệ thống ” nói trên, đại khái như tác phẩm Chu Văn An cách đây... 700 năm. Tên sách báo trước nội dung, nhưng vẫn lửng lơ như một nhập đề luận văn : chuyện gia đình và ngoài đời, nhưng chuyện gì ?

Xin thưa : chuyện đời tác giả. Nhưng dụng tâm người viết không phải dàn trải cuộc đời cá nhân, mà muốn phản ánh một thời đại, nửa thế kỷ, qua hoàn cảnh cá biệt của một người : Một người không tiêu biểu.

Công việc Bùi Trọng Liễu nhắc lại trước tác *Les Essais* (Tiểu truyện) của Montaigne (1533-1595) tỉ mỉ kể chuyện mình, “ lấy thân làm đề tài sáng tác ”, vì, (theo Montaigne), “ mỗi con người mang trọn vẹn thân phận làm người ” dù rằng ông có là một bậc quý tộc không tiêu biểu. Trong một thời gian dài “ sự ngưng cuồng trong ý đồ tự họa ” (le sot projet de se peindre) đã bị công kích, mãi về sau tác phẩm mới được quý trọng, khơi nguồn cho dòng tự truyện, từ J. J. Rousseau đến André Gide. Thậm chí còn là sách gối đầu giường cho một số người, trong đó dường như có Phạm văn Đồng.

Anh Bùi Trọng Liễu khác xa Montaigne và hoàn toàn không có tham vọng văn học của Montaigne. Nhưng *Chuyện Gia Đình và Ngoài Đời* rồi cũng sẽ đứng đầu sóng ngọn gió như *Tiểu Truyện* của Montaigne : sẽ không ít người chê trách anh khoe khoang, mang bệnh cá nhân, nói quá nhiều về mình, nhất là khi “ mình ” đây là một cá nhân được cuộc đời ưu đãi : con quan, học giỏi, đỗ đạt cao, giao du với những nhân vật quyền cao chức trọng.

Bên ngoài những thị phi, người đọc có thể suy nghĩ cách khác : chữ “ thân phận làm người ” thường ngụ ý người nghèo, sức yếu thế cô. Nhưng trên nguyên tắc, không phải chỉ có Chí Phèo, Bón Thối, Chì Dậu mới mang thân phận làm người ; và dù sao, họ cũng không tự mình có tiếng nói để nói lên thân phận ấy. Phát ngôn cho họ, vẫn là người khác, được ưu đãi, là những nhà văn. Họ có tiêu biểu hay không, và tiêu biểu đến đâu, là do các tác giả có tài hay không, chứ không phải vì họ là vô sản.

Chuyện Gia Đình và Ngoài Đời của Bùi Trọng Liễu vạch

(*) : Có bán tại nhà sách Việt, 142 Bd Vincent Auriol, Paris 13. Bạn đọc ở xa có thể gửi mua qua báo Diễn Đàn, giá 80 FF kể cả cước phí

lại dòng họ hai bên nội ngoại. Bên ngoại lần lên đến Nguyễn Như Đổ (1424-1526) tiến sĩ khoa đầu nhà Lê, đến đời ông ngoại làm án sát Hải Dương, một danh gia khoa bảng. Bên nội, gốc Ninh Bình làm nông, khá giả, đến đời thân sinh theo tân học, làm quan đến tuần phủ Phúc Yên cho đến 1945. Ông cụ có liên hệ với phong trào Việt Minh, tham gia kháng chiến, rồi về thành, gửi Bùi Trọng Liễu sang Pháp học (1950), sau đó cùng cụ bà sang Pháp và mất tại Pháp.

Kể chuyện dòng họ, không khỏi bị phê phán là khoe. Nhưng theo tôi, tác giả nhắm vào những mục tiêu khác : một là ghi lại những phong tục, tập quán xa xưa, tốt có xấu có. Hai là để chúng tỏ con người luôn luôn gắn bó với nguồn gốc, dù có phải mẫn kiếp cầu thực tha phương ; không phải thương nhớ chung chung trong nỗi u hoài lãng mạn, mà có thật sự tra cứu tường tận. Điểm thứ ba, quan trọng nhất : là vô hình trung, anh phủ nhận quan niệm lý lịch : quan lại và tư sản không nhất thiết phải là phản cách mạng, và sản xuất những con người phản động : trôi giạt giữa cuồng lưu của lịch sử, gia đình anh vẫn giữ tiết sạch giá trong, bản thân luân lạc anh vẫn cố gắng đóng góp vào sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước.

Anh Bùi Trọng Liễu có học hàm và chức vị cao, nhưng chỉ muốn chúng tỏ, trước hết là con người bình thường, thậm chí tầm thường, con người có quê cha đất tổ, có làng có nước, quý cha mẹ, yêu vợ con, trọng bè bạn.

Có người trách Bùi Trọng Liễu ưa kê khai chức tước, riêng tôi cho rằng ông Nghè Bùi, giáo sư Đại Học Paris, vẫn còn nuôi tiếc một chân giáo học trường làng, nơi Nhuận ốc, Yên Mỏ gì đó. Đọc Bùi Trọng Liễu thỉnh thoảng vẫn gặp đôi nét ưu hoài của những ước mơ không trọn vẹn.

Sau chuyện học hành, khó khăn vì chiến cuộc, bấp bênh vì bệnh lao, sau chuyện lập thân, là những sự kiện ngoài đời, chủ yếu là những hoạt động trong Hội Người Việt Nam tại Pháp kéo theo những chuyến về thăm đất nước với những phái đoàn hợp tác, bữa cơm với thủ tướng Phạm văn Đồng với thực đơn : “ một đĩa giò, một đĩa rau muống, một đĩa dưa, một bát canh cá, một đĩa bánh cuốn ” (tr. 203), lần khác thì “ chỉ nhớ có đĩa ốc rán và có củ khoai lang luộc to bằng cái bát ” (tr. 221), chủ khách chia đôi. Có lần phái đoàn vào phủ Chủ tịch, khi ra về xe hết xăng “ Để xe trong phủ không tiện, chúng tôi phải lách ếch đẩy xe ra khỏi phủ, rồi để xe ngoài đường, đi bộ về ” (tr. 222). Trên đường về, có ô tô dừng lại “ ân cần chào hỏi ” (tr. 224) là xe Đại Tướng Võ Nguyên Giáp ... Bạn bè muốn tặng anh Liễu một kỷ niệm, anh hỏi xin một cái quạt mo, “ tưởng rằng dễ, té ra quá khó, sau mấy ngày tìm kiếm mới kiếm ra được một cái ” (tr. 208).

Bùi Trọng Liễu nghiêm nghị, có phần khắc khổ, nhưng vẫn giàu tinh thần hài hước. Những luận cứ rất nghiêm minh của anh vẫn có chất uy-mua (humour) . Nhưng đặc biệt là chất mô phạm : anh ưa giải thích và chú thích cặn kẽ, trích dẫn sách vở đông tây kim cổ, và cũng có thừa dịp phê phán người xưa : anh chê nhân cách Quan Công được người đời thờ phụng (tr. 177) ngạc nhiên khi người phương Tây ít biết đến Hàn Tín (tr. 178). Sách anh Liễu là một cuộc nhàn du trí tuệ, với điều kiện là trí tuệ phải “ thanh thần ”.

Anh Bùi Trọng Liễu kể lại một vài kỷ niệm sinh hoạt với giới Việt Kiều trong Liên Hiệp Trí Thức, sau này là thành phần Hội người Việt Nam tại Pháp, những nét khác hoạ nhẹ nhàng,

dí dỏm và súc tích, với đoạn ghi chú ân cần về Huỳnh Trung Đông. Và nhất là anh tóm lược quan niệm của anh về vai trò trí thức Việt Kiều

“ Nó bao gồm thông tin, góp ý và phê bình, mà tạm gọi gọn lại là vai trò tranh luận ý kiến (débat d'idées), có vậy thì mới góp phần làm cho xã hội tiến triển được. Nó khác với vai trò hành động của nhà chính trị, bao gồm việc lựa chọn những giải pháp phù hợp để đưa vào thực hiện. Người trí thức có bốn phận của mình, nhà chính trị có vai trò của mình. Không nên lẫn lộn. Sự hưng thịnh của một xã hội, tất có sự góp phần của nhiều ý kiến ” (tr. 291).

Nhân tiện, anh cũng in lại một số bài báo ngắn trong mục Suy Nghĩ Gắn Xa đăng trên báo Đoàn Kết như bài Gông Minh, 1982, đã gây tranh luận. Có người chê trách rằng anh nói xéo. Phong Quang thời ấy trả lời : bài Gông Minh không nói xéo, và ở thời đại này nên nói thẳng : “ Trong thời kỳ phong kiến, thực dân, các lực lượng nhân dân trong đó có các sĩ phu, và nhà văn, đã nhiều lần phải sử dụng lối nói xiên, đưa nó lên hàng nghệ thuật : chuyện tiếu lâm là một thí dụ ” (Đoàn Kết, số 386, năm 1986, BTL dẫn trang 244). Nhắc lại chuyện cũ , tôi chỉ muốn ghi lại một tâm cảnh đã xa xưa, và ghi nhận thái độ phê phán của Bùi Trọng Liễu : “ Xét người cũng như xét việc, nên đánh giá từng giai đoạn, không nên đem giai đoạn sau gán cho giai đoạn trước, hay ngược lại ” (tr. 70).

Trong mọi trường hợp, tôi nghĩ nên tìm những điều kiện giảm khinh. Nên dùng lịch sử để giải oan cho con người. Nhất là lịch sử, thường thường là sở hữu của người chiến thắng.

*

Anh Bùi Trọng Liễu hành nghề toán học, với tâm hồn một nhà nho. Cái này không loại trừ cái kia. Không phải vì anh biết chữ Hán, mà vì cách nhìn đời, cách ứng phó. Ví dụ như lòng yêu chuộng văn chương. Trong anh, có một trí thức hiền đạt và một nhà nho đang dờ. Anh ham chuộng chữ nghĩa, nhất là về lịch sử và văn thơ, không phải với hoài bão làm một thứ bách khoa toàn thư, nhưng với niềm u hoài một kiếp người không toàn vẹn. Nhưng đã là người, làm sao trọn vẹn, nói chi đến toàn vẹn ? Tôi chạnh nhớ một câu thơ Phùng Quán, tả một quả cà : Lòng chưa nguôi tím người xanh. Làm người, còn khó hơn làm quả cà.

Nói chuyện quả cà của nhà thơ, lại nhớ chuyện quả chanh của nhà nho. Giai thoại kể rằng cụ Huỳnh Thúc Kháng, một lần tiếp khách, bỏ quả chanh ngay chính giữa, theo chiều dọc. Khách mách : “ Cụ bố lẹch sang một bên, chanh sẽ nhiều nước hơn ”. Cụ Huỳnh đáp : “ Tôi là nhà nho, ngang ngay số thẳng, không lẹch lạc gì cả ”. Đây là chuyện từ quả cà ra quả chanh Vớ va vớ vẩn.

Đọc Chuyện Gia Đình và Ngoài Đời là tìm hiểu một con người trong đời người. Muốn đánh giá cao con người tác giả, kể sử dụng lý luận biện chứng sẽ nói : Bùi Trọng Liễu là tổng hợp nhiều mâu thuẫn : giai cấp, học vị, lòng hy sinh, tinh thần dân tộc, tư tưởng chống kỳ thị, óc cá nhân, tinh thần đoàn thể, vv.. vv, để tổng hoà với trào lưu lịch sử.

Nhưng tôi sẽ không biện luận như thế, anh Liễu phì cười : con người không phải là biện chứng. Con người là tự do : anh làm điều này vì không thể làm điều kia, nói thế này vì không thể nói thế khác : Anh là anh, thế thôi.

1970, một chuyến thăm Quê

Bùi Trọng Liễu

DD : Chúng tôi xin trích đăng dưới đây một đoạn trong chương 6 của *Chuyện gia đình và ngoài đời*, tựa là : *Mấy chuyến thăm quê*. Trong đoạn này tác giả kể lại lần đầu tiên về nước sau 20 năm. Vì khuôn khổ tờ báo, xin mạn phép lược bớt một số đoạn, và cũng không đăng được các ghi chú rất độc đáo trong văn phong của tác giả, vừa uyên bác, thâm trầm lại vừa dí dỏm.

Mùa xuân 1969, ông Trần Trí được cử sang nhận chức Tham tán văn hoá đầu tiên của Cơ quan Tổng Đại diện Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (lúc đó chưa nâng lên hàng Sứ quán), ông mang theo một bức thư của ông Tạ Quang Bửu, bộ trưởng bộ Đại học, gọi ý mời tôi về thăm và làm việc trong nước 4 tuần, thí điểm cho việc Việt kiều về nước làm việc ngắn hạn. Lúc đó còn đang chiến tranh, tuy Hội nghị Paris đã bắt đầu từ một thời gian, nhưng thủ tục rất tế nhị, mãi cuối hè năm 1969, mới thu xếp xong. Nhưng chuyến đi bị hoãn vì Hồ Chủ tịch mất. Sau vì công việc của tôi ở trường đại học, rồi vì tôi được mời đi dạy ở Đại học Universidad Centrale de Venezuela ở Caracas mấy tháng vì đã chót hẹn, nên mãi hè 1970, tôi mới thu xếp đi Hà Nội được.

(...)

Tôi đi đã 20 năm mới trở về, nên rất bỡ ngỡ. Nhất là lại

Đã lâu, anh Bùi Trọng Liễu , không về thăm đất nước : “ vì sức khoẻ và cũng vì không có gì đặc biệt để về ” (tr. 299). Kết luận như thế, tưởng cũng là đầy đủ về mặt tư tưởng. Nhưng về tâm tình, còn có chút gì hụt hẫng : về quê, thì cần gì lý do đặc biệt ?

Bùi Trọng Liễu gượng thêm một câu : “ Có điều khó là quan hệ với quê hương cũ không còn như trước vì xã hội đã thay đổi, tâm tư, nguyện vọng, phong thái của con người cũng đã thay đổi ” (tr. 300).

Đã là quê hương, sao lại còn “ quê hương cũ “ ?

Lại nhớ tâm sự Thúy Kiều :

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dấu lia ngõ ý, còn vương tơ lòng ...*

Thúy Kiều lưu lạc chỉ mười lăm năm. Bên kia nửa vòng trăng, còn có sông Tiền Đường giải oan : Kiều chưa hẳn là bất hạnh.

Thương là thương những kiếp người, những mùa trăng theo những mùa trăng, không có một Tiền Đường nào ngóng đợi cả.

Đặng Tiễn

Orléans, Noel 2000

1) Phan Ngọc, Thử Xét Văn hoá-Văn học bằng Ngôn Ngữ học, nxb Thanh Niên, Hà Nội, 2000, trang 408

đang lúc chiến tranh, mức sống trong nước quá thấp so với bên ngoài, đôi lúc thấy ngượng ngùng, không biết cư xử thế nào cho phù hợp, vì có cảm tưởng là mình được chiều đãi quá so với mức sống bình thường trong nước. Thuở ấy, khách sạn còn rất hiếm, tôi được đưa về khách sạn Thống Nhất (Métropole cũ). Phòng ọp ẹp rất tồi, phòng tắm và cầu tiêu cũ kĩ. Tôi được dặn là không nên đi đâu một mình, sự an ninh của bản thân không được bảo đảm, cũng không cần tiêu tiền, đi đâu anh Pha Lan (một cán bộ, trước là trung úy trong quân đội, phụ trách giải quyết mọi vấn đề “ hậu cần ” trong suốt thời gian 4 tuần tôi ở trong nước) sẽ thanh toán thay. Đi đâu thì có xe hơi riêng, và có người lái xe, luôn luôn trực trước cửa khách sạn. Tôi ăn cơm một mình, và được dọn quá nhiều món ăn, cũng là một cách chiều khách, trong khi cả nước đang thiếu thốn.

Buổi đầu gặp gỡ lại gia đình và người trong họ cũng làm tăng thêm sự ngỡ ngàng : về thể chất, mọi người tiêu tụy quá sự dự đoán, nhưng mọi người đều vui vẻ, ân cần, thân ái. Tôi đem quà tặng mọi người, chủ yếu là các đồ vật cần thiết cho cuộc sống, như quần áo, vải vóc, bột ngọt, đồng hồ, máy chữ, vv., cũng là những thứ mà chúng tôi thường xuyên gửi về tiếp tế đã từ mấy năm chiến tranh, và nhận thấy rằng sự ngăn cách với thế giới bên ngoài làm cho người miền Bắc thuở ấy xa lạ với những thành tựu về kỹ thuật đã được đưa vào cuộc sống hàng ngày ở những nước đã phát triển. Cơm gia đình thì tuy thanh đạm, nhưng tôi cũng hiểu rằng đây cũng là sự cố gắng rất lớn của người nhà chạy gạo, thịt, để tiếp tôi. Về khách sạn, mở cửa tủ, có con gián nhảy vào tay, hoảng. Tối ngủ màn không quen, khó ngủ; đêm bị chuột ăn mất nửa quả ổi để trên bàn, kiến bâu đầy. Sáng không quen dậy sớm, 5g phố đã ồn ào ; xè xè tiếng chổi quét đường...

Thuở ấy, ngay cả trong những buổi thuyết trình ở Đại học Tổng hợp, những cái khó khăn vật chất luôn luôn thấy trước mắt, thí dụ như cái bảng đen có lẽ mấy năm chưa sơn lại, phấn viết không nhìn rõ, không có giẻ lau bảng, phải lau bằng báo cũ ... Nhưng sự ân cần mà mọi người dành cho tôi thì thật đáng ghi nhớ.

Tối hôm mới về, ông Nguyễn Văn Hương (phụ trách đối ngoại của Ủy Ban Khoa học Nhà nước) đến đón đưa lên nhà riêng ông Tạ Quang Bửu, (lúc đó đang là bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp), ở phố Hoàng Diệu. Nghe nói trước ông là bộ trưởng rồi thứ trưởng Quốc phòng, nên vẫn ở chung với mấy ông tướng (sau này tôi mới biết là ông ở chung nhà với ông tướng Vương Thừa Vũ). Nhà có người canh ngoài cổng, mặc thường phục, hỏi chứng minh thư. Ông Hương bảo : “ Quên chứng minh thư ở nhà, cậu cứ vào bảo là tôi đưa anh Liễu lên thăm, đã có hẹn ”. Thời chiến tranh, tôi chưa quen nên cũng hơi ớn với cách hỏi và cách trả lời. Cậu kia chìa lòng bàn tay ra soi, té ra đã ghi tên sẵn trong lòng bàn tay, thấy đúng, cho vào. Ông Bửu tiếp tôi niềm nở, bà cũng ra hỏi thăm ; tuy là lần đầu gặp gỡ, nhưng rất thân ái, trao đổi rất thân mật và thẳng thắn. Quan hệ thân ái mà ông dành cho tôi, tôi đã ghi lại trong bài tưởng niệm ông (trong phụ lục ở chương 4).

Tôi cũng còn nhớ ông Lê Khắc, phó chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học Nhà nước lúc đó, mời cơm ở Khách sạn Hoà Bình, xong rồi đưa tận về khách sạn, còn đưa lên phòng, căn dặn chớ có uống nước ở vòi nước, vì ông e rằng tôi quen thói ở Paris.

Thuở ấy, tuy tôi đã quen biết trước một số người, và đã

mấy năm quen với sự tiếp xúc với các đoàn ở Hội nghị Paris, nhưng tôi vẫn chưa quen cách xưng hô trong nước. Tôi còn nhớ buổi tôi thuyết trình ở phòng lớn Ủy Ban Khoa Học Nhà Nước, 39 Trần Hưng Đạo, về đề tài : “ Tình hình đại học ở Pháp ”. Đồng người nghe. Được cho biết là có một số quan chức cao cấp, cỡ bộ trưởng thứ trưởng Chính phủ và trưởng ban phó ban gì gì đó của Đảng ; đang hồi hộp nên tôi không nhớ. Đi qua, tôi thoáng nghe thấy ở hàng ghế đầu vài cụ bình phẩm : giáo sư đại học Paris sao mà còn trẻ quá. Chắc các cụ chưa quen với tình hình mới bên ngoài. Tôi nghĩ bụng : càng tốt, sẽ là một dịp để bảo vệ ý kiến cần trao trách nhiệm cho các nhà khoa học trẻ. Nhận ra vài người quen : cụ Hồ Đắc Di, ông Nguyễn Khắc Viện, ông Nguyễn Cảnh Toàn, vv... đã gặp ở Paris. Giáo sư Lê Văn Thiêm giới thiệu tôi với cử toạ. (Ông Lê Văn Thiêm, nhà Toán học, trước cũng du học ở Pháp, cựu học sinh Ecole Normale Supérieure rue d’Ulm, agrégé, rồi tiến sỹ Nhà nước ngành Toán, lúc ấy đang là phó hiệu trưởng Đại học Tổng hợp ; ông kể là 1947 về nước qua đường Thái Lan, đi bộ sáu tháng từ trong Nam mới lên đến chiến khu Việt Bắc). Tôi hỏi nhỏ anh Ngô Đạt Tứ (là người phụ trách tổ chức buổi nói chuyện) : “ Xưng hô thế nào cho tiện ” chả lẽ cứ cộc lốc “ Thưa các bác, các anh, các chị ”. Anh bảo : “ Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ”. Tôi thấy không ổn : tôi có là đảng viên đâu. Thôi, gọi là “ các vị ” thay cho “ các đồng chí ” là tốt nhất. Thuyết trình trôi chảy. Có 3 câu hỏi thôi. Lúc ra, một bà chị đầu tôi khen : 5 điểm trên 5, có lẽ vì mấy câu chào mừng xưng hô lúc đầu.

Hai tuần sau khi tôi về, thì một hôm (29/7/1970) được báo là được tổ chức đi Thanh Hoá để “ tham quan ”. Đi bằng xe loại Command-car, với 2 người phụ trách, anh Liên, anh Pha Lan, và bác Nội lái xe. Đang thời chiến tranh, tuy tôi đã nghe kể và đọc qua báo chí về sự tàn phá của bom đạn, nhưng bấy giờ mới thấy tận mắt. Qua Phủ Lý, bom ném quá nhiều, chỉ còn đứng một cái nhà gạch, nếu không được giới thiệu thì không biết đây là một thị xã cũ (mà tôi có biết thuở còn nhỏ), tưởng là một bãi đồng gạch. Qua Ninh Bình không ghé thị xã, thấy núi Cánh Diều và Non Nước. Qua thị xã Thanh Hoá, chỉ thấy toàn nhà lá. Thấy cầu Hàm Rồng ; cảm tưởng là lạ. Trưa, đến chỗ nghỉ, cách thị xã chừng 20km . Nhà lá, nhìn xa có vẻ nên thơ. Nhưng nhà tắm và vệ sinh thì... Ngay chiều hôm đó, đi Sầm Sơn. Đây là lần đầu tôi vào miền Trung, nhưng thuở nhỏ tôi đã được đọc tiểu thuyết tả cảnh Sầm Sơn, trong trí tưởng tượng cứ mơ rằng đẹp lắm. Nay đứng trước cảnh nhà cửa hoang tàn ; bãi cát đẹp, nhưng là cát đen, đầy dãi tràng, chứ không phải là cát mịn. Đầu bãi, giống nhiều phi lao. Lên thăm đền Độc Cước trên đồi. Mấy anh định mở kiệu cho xem tượng “ thân một chân ”, bị mấy ông già đang cúng tế kỳ kèo sùng sộ, vì “ ngài ” rất thiêng, phù hộ tránh được bom Mỹ, pháo Mỹ; đừng hỗn, sợ “ ngài ” hành. Tưởng mấy năm cách mạng làm hết tin nhảm, té ra không phải vậy. Hôm sau được dẫn đi thăm một đơn vị pháo Hàm Rồng ; đang xem thì báo động ; may không thấy máy bay. Rồi đi thăm một xưởng cơ khí trong hang. Rồi đi thăm một nông trường kiểu mẫu, thấy còn quá nghèo.

Chương trình tới đó là do được tổ chức sẵn. Các anh hỏi muốn đi đâu nữa ; trước thịnh tình đó, tôi trả lời là giá được đi thăm Thành nhà Hồ thì thích và có ích cho tôi hơn, (vì từ thuở nhỏ tôi có cảm tình với các cải cách của nhà Hồ, với những

nhân vật Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Trừng, Hồ Hán Thương, vv.), nhưng các anh bảo không có thì giờ. Tôi cũng thông cảm là thời chiến, mình không nên đòi hỏi, mặc dù là đã được hỏi ý. Tối hôm đó, anh T., chánh văn phòng Ủy Ban tỉnh Thanh Hoá đi một lát, mời ăn cơm tại chỗ. Hôm ấy, tôi khẩn khoản yêu cầu để mấy người đi cùng, cùng ăn chung (bởi vì thường ngày, đều ăn riêng, vì “ tiêu chuẩn ” dành cho tôi quá cao, người khác không thể ăn cùng). Thế là cùng ăn vui vẻ. Cuối bữa, tôi thấy có người bưng ra một cái đĩa, trên có để một vật, dưới ánh đèn nửa sáng nửa tối, tôi có cảm tưởng đó là một cái khăn. Tôi đang tự hỏi : không biết có phải là cái khăn lau tay, như người ta thường bưng ra để lau tay ở các hiệu ăn sang không, mà nếu là khăn lau tay thì sao lại chỉ có một cái. Đang suy nghĩ tìm câu giải đáp, thì anh T. hỏi một câu khá lạ : “ Anh về thăm đất nước thế này, chị có biết hay không ? ”. Thoạt tiên, tôi nghĩ chắc ở tỉnh, mấy vị đi kháng chiến lâu năm, còn nghĩ rằng vợ Pháp có thể “ có vấn đề ”, nên mới có câu hỏi bằng quơ lạ vậy ; nhưng liền sau đó tôi mới hiểu tại sao. Sau khi nghe tôi trả lời là không những vợ tôi biết , mà vợ tôi luôn luôn một lòng một dạ với Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thì anh T. nói là thay mặt Ủy Ban, anh gửi tặng Colette vợ tôi một chiếc khăn quàng dệt của tỉnh nhà. Đó là chiếc khăn dệt trên cái đĩa. Tôi cầm cái khăn lên xem, thì thấy đây là một chiếc khăn lụa tơ tằm màu trắng ngà. Tôi tỏ lời cảm ơn thịnh tình của tỉnh, dù trong hoàn cảnh khó khăn của chiến tranh, đã tiếp đãi tôi như vậy.

Hôm sau lên đường trở về, qua thị xã Ninh Bình, không nhận ra gì cả. Ghé thị xã Nam Định, lại Ban khoa học kỹ thuật của tỉnh, rồi thăm nhà máy dệt. Chiều về đến Hà Nội.

Rồi lại trở lại với công việc. Rồi một bữa, tôi được báo là “ anh Tô ” mời cơm. Thuở ấy, tôi không biết “ anh Tô ” là ai, nên ngỡ ngàng, rồi mới được giải thích rằng “ anh Tô ” là bí danh của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Thế là hôm 6/8/1970, ông Lê Khắc đến đón, trên đường ghé qua đón cụ Th., một Việt kiều ở Pháp, cũng được mời. Cụ Th. là công nhân cũ, lúc ấy đang là hội viên Phụ lão Việt kiều ở Pháp, về thăm con gái ở Hà Nội. Cụ có quen Hồ Chủ tịch ngày xưa ở Pháp và quen Thủ tướng Phạm Văn Đồng hội Hội nghị Fontainebleau. Cụ Th. ngay thật, gần như “ lỗ mãng ”, vừa lên xe đã hỏi anh Khắc: “ Anh là thư ký đưa tôi lên Thủ tướng hả ? ”. Tôi vội giải thích : “ Đây là ông Thứ trưởng, phó Chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học Nhà nước, đón bác và tôi lên gặp Thủ tướng ”. Xe đưa lên nhà khách ở Quảng Bá, bên Hồ Tây, tôi thấy bộ đội canh phòng cũng ít, kín đáo. Thủ tướng Đồng tiếp thân mật, gọi cụ Th. bằng “ cụ ”, gọi tôi bằng “ đồng chí ”, chắc vì không biết xưng hô cách nào cho tiện. Sau mấy câu chào hỏi xã giao, thì được mời vào bàn ăn cơm. Chỉ có 4 người. Bữa cơm rất thanh đạm, tôi còn ghi trong cuốn sổ tay : 1 đĩa giò, 1 đĩa rau muống, 1 đĩa dưa, 1 bát canh cá, 1 đĩa bánh cuốn. Ông Đồng bảo ông Khắc : “ Anh sớm cơm ”. Cụ Th. móm, không ăn được, chỉ nói huyền thuyên chuyện cũ : nào là thời hội nghị Fontainebleau, hôm mời phái đoàn đến ăn cơm nhà cụ, đoàn đi xe bọc thép cũ của Laval (Laval là Thủ tướng Pháp dưới quyền Thống chế Pétain, thời Đức quốc xã đang chiếm đóng nước Pháp trong thế chiến thứ hai rồi sau khi nước Pháp giải phóng thì bị xử bắn), nào là không đủ ghế, phải ngồi xuống sàn nhà vv ... Cụ nói huyền thuyên, tôi chẳng có thì giờ để nói về vấn đề trí thức. Chắc Thủ tướng nhận thấy nên bảo tôi :

“ Nếu có vấn đề gì thì đồng chí cứ viết thư thẳng cho tôi ”. Thế lại hoá hay, (cũng vì vậy mà sau này, nhiều lần tôi viết thư trực tiếp để bày tỏ ý kiến và kiến nghị của tôi về những vấn đề trí thức, vv.). Nghe ông Khắc báo cáo sắp tổ chức để tôi đi Hạ Long, cụ Th. cũng muốn đi, Thủ tướng bảo ông Khắc : “ Anh tổ chức để cụ cùng đi ”. Rồi Thủ tướng rủ ra đi dạo vài phút ở ngoài vườn, rồi chào từ giã, trong lời từ giã của Thủ tướng nói với tôi, có cái ý phát biểu là vua Hùng đã dựng nước, thế hệ những người cùng lứa tuổi với ông thì cố gắng giành lại nền độc lập tự chủ cho nước nhà, còn việc giữ gìn và xây dựng đất nước là thuộc các thế hệ trẻ hơn và sau này.

(...)

Ra đến Hạ Long thì đã 5 giờ chiều, thuở ấy chỉ có một khách sạn, nhưng phòng cũng tạm đủ tiện nghi tối thiểu, nhưng tôi đi xa lâu, không quen với kiểu phòng thông thoáng. Bác Th. thích đi tắm biển. Nhưng tôi chỉ đi dạo trên bãi cát chốc lát rồi trở về, vì chuyến này tôi không đi du lịch, đầu tôi còn đang nặng nề nhiều mối suy nghĩ về thời cuộc. Khách sạn xây trên nền cao, tôi ra sân, vịn lan can nhìn ra, ngắm biển. Tôi liền tưởng đến chuyện xưa ở nơi đây : nào “ hang đầu gỗ ” ở nơi nào ? Ngoài khơi kia, năm 1946, nơi nào Hồ chủ tịch gặp đô đốc d'Argenlieu trên chiến hạm của Pháp để cố bảo vệ một cách hoà bình nền độc lập còn non trẻ mới được phục hồi ? Bao giờ chiến tranh sẽ chấm dứt ?...

Cũng tại nơi khách sạn này, tôi gặp lại ông Hà Huy Giáp thứ trưởng Văn hoá, mà tôi đã biết ở Paris, ông Nguyễn Lam (phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch), ông bà Phạm Văn Bạch (ông Bạch là chánh án Tòa án Tối cao), các ông bà và con đang ra nghỉ ở đó.

Sáng hôm sau, được đưa đi xem Hòn Gai, rồi đi ca-nô thăm vịnh. Trời u ám lấm thấm mưa, tôi không thấy hứng, có lẽ vì thế mà không thấy cái đẹp mà mọi người thường tả.

Hôm sau, trên đường từ Hạ Long về, qua bến phà sông Bạch Đằng, tôi đang nghĩ tới những kỷ niệm chiến công lịch sử thuở xưa, nào Ngô Quyền phá quân Nam Hán, nào Trần Hưng Đạo bình Nguyên, nào đôi câu đối trong một giai thoại văn học : “ Đồng trụ chí kim đài dĩ lục, Đằng giang tự cổ huyết do hồng ”, ... tôi chợt nghe tiếng ồn ào. Ngoảnh lại xem, té ra được chứng kiến một cuộc đấu khẩu dữ dội giữa một tay bán vé xe ca rất ngổ ngáo du côn và một số người. Mất vui. Đến Hải Phòng, thấy phố xá tiêu điều, một số nhà bị bom đổ. Cụ Th. rủ vào hàng uống cà phê đá bằm, chưa hết đã có mấy cháu nhỏ rách rưới xông vào xin đá còn trong cốc, mừng rỡ đổ vào bọc. Trông thật tội nghiệp. Tôi có ngờ đâu những cảnh này còn tồn tại. Qua một công viên, thấy mấy cô gái đang riu rít chụp ảnh, có cái máy ảnh rất sang. Hình ảnh thật tương phản.

Ngoài chương trình được tổ chức, chuyến về thăm trong nước này có 2 cuộc gặp gỡ riêng, làm tôi ghi nhớ vì thuở ấy đang chiến tranh, tuy là khách nhưng muốn gặp ai thì cũng phải được “ bố trí ” trước. Hẹn gặp “ ngoài chương trình ”, lại phần nào có tính cách riêng tư, cũng là chuyện hiếm.

1. Trước hết là buổi tôi lại thăm bác Phan Kế Toại, lúc đó đang làm Phó Thủ tướng. Có lẽ là vào buổi trưa ngày 3/8/70, do tôi hẹn. Nhắc lại quan hệ : Ông Phan Kế Toại lấy cô Nhân Lý tôi (ông ngoại tôi có em gái, còn gọi là cụ Thương Cơ, vì có lúc làm Thương tá Thanh Hoá ; cô Nhân Lý là con gái cụ Thương Cơ). Cô tôi là mẹ họa sĩ Phan Kế An. Cô tôi mất năm

1934, tôi không được biết. Sau ông Toại cưới bà vợ khác là bà Mão. Bà Mão là chị ruột ông Nguyễn Văn Huyền. Năm 1943, lúc ông Toại đang làm Tổng đốc Bắc Ninh thì bố tôi được bổ làm Chánh án (lúc bấy giờ không còn gọi là án sát nữa) Bắc Ninh vài tháng ; sau đó bố tôi thăng Tuần phủ Thái Nguyên rồi Tuần phủ Phúc Yên, thì ông Toại chuyển về làm Tổng đốc Thái Bình. Sau khi đảo chính Nhật, bỏ nền bảo hộ Pháp, thành lập chính phủ Trần Trọng Kim, ông Toại được bổ làm Khâm sai Bắc Bộ. Lúc đó, ông Hồ Đắc Diễm đang làm Tổng đốc Hà Đông, Hà Đông thời đó được coi là tỉnh quan trọng nhất Bắc Kỳ, Tổng đốc Hà Đông được coi là chỗ cao nhất trong hàng quan Nam triều ở ngoài Bắc, hơn cả Tổng đốc Thái Bình, cho nên ông Hồ Đắc Diễm muốn xin thôi không ở Hà Đông nữa mà xin chuyển về làm ở Toà Thượng thẩm. Ông Toại muốn tìm người tin cậy được để thay thế ông Diễm, cho nên bàn định bổ nhiệm bố tôi về làm Tổng đốc Hà Đông, nhưng bố tôi từ chối, vì lúc đó thấy là sắp Cách mạng, mà ở Phúc Yên thì yên tĩnh, mà lại đang có quan hệ bí mật tương đối tốt với Việt Minh ở tỉnh. (Sự việc xảy ra sau đó cho thấy phần nào bố tôi có lý, không bị hoạ lây : khi Mặt trận Việt Minh giành chính quyền ở Hà Đông, có xảy ra vụ quân Dượng lệnh cho lính Bảo an bắn vào người biểu tình, chết khoảng bốn năm chục người, ...). Bố tôi thường khen ông Toại là có bản lĩnh, lại là người thức thời, khi bố tôi còn ở Bắc Ninh, hai người bàn chuyện tương lai, ông Toại đã nhiều lần nói về khả năng Cách mạng thành công sau này và khuyên bố mẹ tôi rằng có cửa chìm của nổi nên chia sẻ bớt (theo nghĩa huỷ bỏ văn tự nợ cho dân nghèo, phát chẩn, vv.).

Trở lại chuyện lại thăm bác Toại, lúc đó đang là Phó Thủ tướng Chính phủ, tuy bác đã già yếu lắm và không còn thực sự làm việc nữa. Lúc đó còn đang chiến tranh, sự canh phòng rất cẩn mật, đi lại giao dịch rất khó khăn. Vào nhà riêng của bác, vì tôi là khách mời của trong nước, các người bảo vệ có nhã ý để tôi vào trong nhà một mình. Vào trong, cụ bà Mão đang đứng ngoài sân, (tuy tôi có nhắn hẹn trước) bác tưởng tôi là cán bộ nào nên hỏi “ Ông vào đây có việc gì ? ”. Khi tôi xưng danh và tự giới thiệu, bác mừng rỡ cầm tay dắt vào nhà rồi rít gọi bác giai. Khi ấy, bố tôi đã mất. Hai bác ân cần hỏi thăm tin mẹ tôi và gia đình. Bác Toại bảo tôi : bác là cán bộ chính trị nên không được về hưu, tuy đã yếu lắm. Thời chiến tranh, thật là khó khăn, nghèo nàn ghê gớm. Bác trai giót nước mời tôi, tay run đổ nước xuống bàn, bác lấy tay gạt nước, chứ không có khăn lau. Tôi trầm ngâm nghĩ lại những lời nhận định của bố tôi về bác, về cụ Hồ Đắc Diễm, về cụ Vi Văn Định : nào Khâm sai đại thân, nào Tổng đốc, nào Thái tử thiếu bảo An Phúc nam thuở trước, rồi đi Kháng chiến, với những lời “ ông cha mình hưởng đã nhiều, bây giờ mình cũng nên chia sẻ ” trong cuộc giải phóng dân tộc. Tôi đem chuyện xưa nhắc lại, bác rất cảm động. Tôi cũng ngập ngừng nhắc lại giai đoạn 1945, bác bảo : thời cuộc bấy giờ nó phải như vậy... Bác muốn giữ tôi lại nói chuyện lâu hơn, nhưng tôi bặt cạo từ ra về ...

2. Và vào một buổi vào những ngày cuối của thời gian ở Hà Nội, tôi nhận được thiệp của ông Nguyễn Văn Huyền, Bộ trưởng Giáo dục mời lên Bộ (lúc đó tách rời với Bộ Đại học). Nhắc lại quan hệ thuở trước : ông Nguyễn Văn Huyền, xưa du học ở Pháp, đỗ Tiến sĩ Nhà nước về Văn chương (Docteur d'Etat ès Lettres), về nước năm 1935, làm việc ở Trường Viễn

đông bác cổ, tác giả của nhiều công trình nghiên cứu về dân tộc học. Ông là đại khoa thật, nên thuở xưa gọi là ông “ nghề ” Huyền. Ông là con rể cụ Vi Văn Định, bà Huyền nữ danh là Vi Kim Ngọc ; ông lại là em bà Mão, vợ ông Phan Kế Toại, như đã kể trên ; thấy bố tôi kể là hồi xưa, cụ Vi bảo bố mẹ tôi làm mối, hồi các gia đình còn ở Thái Bình ; vì thế nên quan hệ thân. Trở lại chuyện hẹn gặp : Xe đưa tôi lên Bộ, tới giờ, nhưng bác Huyên vì mắc trong một cuộc triển lãm “ có ông Trường Chinh dự ”, nên về chậm, nhờ ông Lê Liêm tiếp tôi. (Trường Lê Liêm lúc đó đã thôi công việc ở quân đội, ra làm bí thư Đảng đoàn kiêm Thứ trưởng giáo dục). Khi bác Huyên về tới Bộ, thì đã muộn giờ ; mọi người cũng giữ ý, nên rút cả đi, để bác nói chuyện riêng với tôi. Bác ngỏ ý muốn tổ chức một buổi ăn trong gia đình để các cụ mấy bên cùng gặp tôi, nhắc lại quan hệ thuở xưa với bố mẹ tôi. Tôi tỏ lời cảm ơn, tiếc rằng tôi sắp trở về Pháp, thành ra lỡ dịp ...

Gần đến ngày trở về Pháp, tôi ngỏ ý muốn có một bữa ăn tiếp cả đại gia đình, để từ giã. Thuở ấy, không thể tự tổ chức được, vì gạo và thức ăn rất hiếm ; tôi đành nhờ anh Pha Lan tổ chức hộ ; anh đặt hộ một bữa cơm ở Khách sạn Dân chủ ; về số người dự, tôi nhờ các anh chị thu xếp, thế là gia đình cũng hạn chế; người tới dự thì các gia đình cử “ đại diện ” ; hôm dự cũng chia thành từng nhóm nhỏ để đến khách sạn, vì thời chiến tranh e rằng cả nước đang thiếu thốn, mình hội họp ăn uống e không tiện. Sau này, tôi cứ ân hận mãi là không chú ý, thành ra các cháu nhỏ không được dự hết, nhất là vào thời buổi mà có một bữa ăn tương đối thoải mái rất là hiếm.

Các anh phụ trách “ hậu cần ” chuyển về làm việc này của tôi, có nhã ý hỏi tôi muốn một vật gì làm kỷ niệm. Tôi nhận thấy là trong nước lúc đó đang thiếu thốn kiệt quệ, mà từ chối thì không được, nên tôi mới đề nghị là cho tôi một cái quạt mo. Tưởng rằng dễ, té ra quá khó, sau mấy ngày tìm kiếm, các anh mới kiếm ra được một cái ! (...)

Sáng 15/8/70, 4g30 sáng sang sân bay Gia Lâm làm thủ tục, rồi 6g30 máy bay cất cánh. Ngồi cạnh một tham tán sứ quán Cu-Ba, nói tiếng Việt rất sôi ; anh ta kể là mới học tiếng Việt từ 6 tháng nay ! Đến escale Calcutta mới nhận ra là ông Hà Thanh Lâm, đại sứ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam cũng cùng đi chuyến máy bay. Rồi lại gặp cả ông Trần Hữu Dực, bộ trưởng phủ Thủ tướng, đi Đức, cũng trong máy bay. Vào địa phận Liên Xô, escale Tashkent, có tay hải quan say rượu, đếm đi đếm lại mãi số đô-la của mình ; anh Hà Thanh Lâm bảo : lần sau kệ nó, đừng khai, nó làm mất thì giờ. Món ăn dở kinh khủng, cá tanh, đậu luộc, ăn không được. 24g, đến Mạc Tư Khoa. Người sứ quán ra đón. Ông Trần Hữu Dực rủ về khách sạn, nhưng không có chỗ cho tôi, người gác không cho lên. Các anh đưa về nhà khách sứ quán, kê thêm giường. Đã 3g sáng, mệt quá. Buổi chiều có người sứ quán đưa ra sân bay, đợi một lúc mới lên máy bay. Chuyến bay đi Mỹ, sẽ ghé đỗ Paris. Máy bay rất vắng. Cũng máy bay Aeroflot, nhưng bay về phía Tây thì máy bay tối tân, phục vụ lịch sự, khác hẳn máy bay bay về phía Đông. Tôi có cảm tưởng là đã trở lại với môi trường mình quen thuộc.

Nhưng còn lo phải thay mặt Việt Nam đi dự Hội nghị quốc tế Toán học ở Nice như trong nước yêu cầu...

Bùi Trọng Liễu

Ngôn ngữ

Nguyễn Ngọc Tư

Cái sân trước không có ai, lá bạch đàn khô se sẽ đậu trên băng đá. Nhà trên cũng không có ai, cây chổi lông gà nằm chéo trên cái bàn chữ U, nửa ngoài đã sạch bong, nửa trong bụi còn đóng một lớp dày. Con Phèn chắc cũng đi cua gái, không thấy nhảy xô ra, tí tởn. Có tiếng nước chảy tồ tồ ở đằng sau, chắc má tôi ở trong ấy.

Tôi ngồi bệt xuống gạch cửa nhìn má tôi. Lâu quá không nhìn má, sao vai má gầy đi vậy không biết. Lưng còng xuống. Vai và lưng khẽ rung. Sao nhìn giống như khóc. Thiệt tình là rất giống như khóc và thiệt tình là má khóc. Ai làm gì ? Chuyện gì ? Sao má khóc ?

– Viên, má không ngờ, chuyện thằng Bảo với con...

Cuối cùng thì má cũng biết chuyện này.

Má biểu tôi kể tường tận chuyện gì xảy ra giữa hai đứa. Má vừa lau nước mắt vừa nghiêm mặt :

– Đầu con kể rành má nghe coi.

Có những chuyện không thể rành rọt ừ thì một cộng một được đâu má à. Tôi lại gằn, cọ mớ tóc bụi bặm vào bên vai má, ngó những giọt nước rỉ rả từ cái vòi nước đầy rêu xuống mớ cái xanh. Nên bắt đầu từ đâu hở má ?

Hồi đó mỗi khi có dịp, tôi cũng ôm vai má như vậy an ủi, “Lo chi má, Bảo vẫn còn ở đó, mai một con rãnh con lấy chồng mà”. Má tôi hỏi chừng nào rãnh. Con đâu biết má ơi. Tôi đâu biết. Ngày của phóng viên trẻ là một ngày vô định. Má tôi cảm thấy hạnh phúc vô ngần khi buổi sớm còn thấy tôi vùi đầu vào đóng gói chân rỗi bù như tổ nhện và nói được một câu : “ Viên ở nhà, má đi chợ ” rồi thì đau khổ phát chai đi khi đón tôi ở cửa, nhìn vũng đêm đen đặc sau lưng đứa con gái. Khổ như nhìn nôi chè khoai môn má cố công nấu hâm đi hâm lại cả tuần đứa con không về được để ăn. Ba tìm cách san phẳng quả núi trong lòng má, “ kẹ nó, nó đi theo cái nghề của ba Hậu nó ngày xưa, chắc ảnh cũng hài lòng ”. Ba Hậu là ba trước tôi, ông đã hy sinh ở chiến trường khi tôi chưa phối thai.

Vốn là một phóng viên chiến trường, khi chết, trên tay ông vẫn còn cầm cái máy ảnh. Tôi yêu ông vì thường nằm mơ thấy ông với nụ cười hồn hậu như trong bức ảnh thờ. Ông không nói gì hết, không đi gì hết, chỉ cười, muôn thuở chỉ cười.

Ông tổng biên tập già nua hay ngắm tôi, than “ Chú thêm cái nhiệt tình xông xáo của cháu, mà sợ, sợ một ngày tim cháu cũng lạnh ngắt, thờ ơ nhìn đời chạy maratông qua cũng như chú ”. Nhưng chú vẫn còn thương, còn ghét đấy thôi. Ừ, nhưng không dám nói ra. Còn tôi thì dám, người ta gọi tôi là phóng viên số phận. Từ nghiệt ngã, đau đớn cho đến thăng hoa nhất, tôi quan tâm đến từng ngõ ngách của đời người.

Nguyên, bạn đồng nghiệp của tôi nhận xét: “ Rồi có một ngày Viên sẽ viết về số phận mình ”. Chắc không đâu, cho tới ngày tôi hai mươi bốn tuổi, tôi chưa làm được việc gì coi được được một chút, một chuyện mang hơi hướng vĩ đại như nhật của rơi trả lại người bị mất chẳng hạn. Đời tôi được cấu thành từ nhiều việc vụn vặt và bình thường.

Ngay cả trong tình yêu, tôi cũng hết sức bình thường. Tôi yêu mà không mộng mị mơ tưởng. Tôi chỉ có một nỗi tự hào rằng mình có hai người ba, họ đều thương yêu tôi, dù đã có người nằm xuống.

Cái hồi tôi với Bảo yêu nhau (cho tới bây giờ vẫn chưa xa lắm), tôi hay lại đàng nhà Bảo chơi. Nhà Bảo nằm trong dãy đường bán thuốc đông và mỹ phẩm, trước nhà có bà dì ép bìa kiếng cho học sinh bằng bàn ủi. Bà dì vui tính thấy tôi lại trêu: “ Lúc này cô đi đâu ít thấy, thấy tướng thằng Bảo nhớ cô quá trời ”. Tôi cười. Tôi giậm giày trèo lên những bậc thang. Phòng Bảo, cái ban công nhà Bảo, với tôi có cái gì đó vương vấn thiêng liêng. Nơi này ngày xưa ba Hậu tôi từng hoạt động khi còn được gài ở trong thành. Mẹ Bảo là người Việt gốc Hoa, ngày ấy đóng vai vợ của ba Hậu tôi. Khi chúng tôi lớn lên, hai nhà khuyên chúng tôi yêu nhau, tôi nhận thấy mẹ Bảo với ba Hậu tôi ngày xưa hẳn có tình. Họ mong chúng tôi trả món nợ ân tình đó. Và chúng tôi hồn nhiên đến với nhau, vậy thôi.

Tôi hơi hột, Bảo chu đáo. Tôi bay nhảy như chim trời, Bảo là kiến trúc sư vẽ chằng chịt những khu quy hoạch thành phố mới. Ở bên Bảo, chúng tôi thường hôn nhau không quá mười giây, lúc đó tôi nghe tiếng xe chạy xuôi ngược ngoài đường dưới cái ban công lừng nhùng những đường dây điện thoại. Tôi nghĩ, đáng lý ra mình cũng phải chạy như vậy, phải guồng chân với dòng đời như thế này. Vậy là tôi lại quấy túi đi. Cuộc đời mỗi giây là một sự tươi mới, một tin tức nóng.

Thật tình thì hồi đó hai đứa yêu nhau, thi thoảng tôi nghĩ ra một chuyện gì đó làm tăng thêm gia vị tình yêu. Tôi gọi điện kêu Bảo hớt tóc đi, để tóc dài giống du côn quá. Bảo hỏi : “ Cái lần mà hai đứa mình gặp nhau là bữa ăn bánh xèo phải không ? ” Không đợi tôi nhớ lại và trả lời, anh nói luôn, “ Anh hớt tóc đúng tuần rồi, tuần rồi em ở đâu ? ”. Một lần, tôi làm được một việc vĩ đại là nhớ được ngày sinh nhật của anh. Thế là đang làm phóng sự ở Sông Đốc, hết đò, tôi quá giang tàu dầu về thành phố. Chiếc tàu ậm ì chạy về đã đến nửa khuya. Đến nhà Bảo thì từ đàng xa thấy Bảo ôm hôn một người ngay ở cái chỗ ban ngày bà dì ép kiếng ngồi. Lạ lùng là người con gái ấy không phải là tôi. Từ lâu tôi không biết là Bảo thích một người con gái tóc dài, da trắng trẻo chứ không bụi bặm, mạnh mẽ như tôi, thích một người con gái dám đứng ở hè đường hôn nhau chứ tôi thì tôi mắc cỡ cái khoản này kinh lắm. Tôi lặng lẽ về, cái ông xe ôm khi nãy trở tôi đã đi mất tiêu. Tôi phải về bằng chính đôi chân mình. Lúc đó mấy ông dân phòng đeo băng đỏ đi tuần thấy tôi mấy ông dò xét : “ Chừng này còn lang thang ở đây, băng nhóm “Phố đêm” hả ? ” Tự dưng tôi thừa với mấy ông đó là muốn về trụ sở dân phòng uống nước trà. Tự dưng thêm trà quá, mà phải là trà pha thật đậm. Tôi muốn thức thử coi đêm này dài bao nhiêu...

Cái chuyện mà má tôi muốn biết chỉ có bao nhiêu đó thôi. Tôi kể cũng nhẹ nhàng bao nhiêu đó thôi. Bà thì thấy rằng tôi

đường như mắt mắt nhiều quá, má nghĩ mắt Bảo rồi, sáu tí người trên hành tinh này đối với tôi không là cái đĩnh gì cả. Bà mong tôi có một biểu hiện gì đó, chỉ cần nhếch nhẹ một chút đau khổ thôi, má tôi sẽ ôm tôi vào lòng mà an ủi. Tôi cũng thấy buồn kinh khủng lắm, sao Bảo làm vậy mà tôi không đau đớn, vật vã gì hết. Sao tôi không ghét Bảo mà thấy thương anh hơn. Ngay cả làm một việc tương đương vĩ đại là tát cho anh một cái cho in năm ngón tay tôi lên mà cũng làm không được. Thiệt, tệt hết sức.

Tôi lại ăn trứng cút luộc trừ cơm mỗi lần đi tàu tới một địa phương xa, lại ngoi ngóp lội bùn ra tận bãi bồi xóm Mũi coi người dân sạt sò huyết, lại đóng vai bồi bàn, bán vé số, nghiện xì ke... để thực hiện phóng sự mình. Má kinh lắm, tưởng tôi vì thất tình mà vui đầu vào công việc. Tôi nghĩ ra một cách an ủi má: “ Con có người yêu khác rồi mà à ”, má tôi hỏi ai, tôi chỉ Nguyên. Nguyên với tôi cùng nghề, cùng chuyên trách trang xã hội. Lần nào đi công tác chung, ăn cơm chiều ở một chỗ heo hút nào đó, câu đầu tiên nói với nhau, tối nay mình ngủ ở đâu. Có lần chúng tôi rủ nhau ngủ chợ, ngủ thớt thịt cho ấn tượng chơi.

Thành phố về đêm như một cái lẩu thập cẩm để ớt quá tay. Hỗn độn, nóng bức. Nguyên nói với tôi, “ ở đây có thể xảy ra mọi thứ, kể cả giết người ”. Tôi dựng tóc gáy nhưng không chịu về. Nguyên bảo: “ Bên Sông ngủ đi, Nguyên canh cho ” nghe chân thành như một hòn đất. Nguyên yêu tôi. Tôi trả lời yêu Bảo rồi. Mà tôi có phải là đứa con gái tốt đâu. “ Chưa biết tốt hay không là đã thương rồi ”. Nguyên thấy thương thì thôi đi. Tôi bảo: “ Nói theo ngôn ngữ nghề mình, hai đứa mình giống như đứng hai bên bờ sông, nhìn thấy nhau, nghe nhau nói nhưng không đến được với nhau đâu ”. Nguyên cãi bướng : “ Nguyên có đờ ”. Tôi cáu sườn: “ Viên bán bể xuống ”. Từ lúc đó Nguyên gọi tôi là Bên Sông. Mà tôi nghĩ quá, nghi Nguyên là hậu duệ của nàng công chúa xưa nên lù mù yêu tôi không tương lai như nàng My Châu yêu Trọng Thủy. Nguyên này toàn làm những chuyện cho tôi cảm động không thôi. Đi làm phóng sự về. Đêm. Mưa thâm trầm dai dẳng. Tôi lái chiếc xe máy màu đỏ kêu xùng xèng chờ Nguyên, Nguyên rướn người cao vánh, kéo cái cổ áo sơ-mi che mưa tạt cho tôi. Tôi chạy xe trong mưa bỗng bình cảm giác, cái cảm giác lạ lùng thấy mình không chống chọi, xù xì chiến đấu với ai. Tôi thấy mình giống như hòn đất mềm, hòn đất không suy tư hỗn nhiên vỡ ra, giữa mặt giữa trời. Một ngày nọ, Nguyên tặng tôi một cái nguyệt cầu. Nguyên cũng chẳng xấu như thằng Cuội, tôi đẹp không bằng một li của chị Hằng nên mới thoảng qua chẳng hiểu Nguyên tặng tôi vậy có ý gì mà tôi cũng không hỏi có ý gì.

Công việc vẫn nhiều như trước. Mới đây tôi lao vào vụ việc tai nạn lao động ở một công trường xây dựng. Nhiều người bị những mảng gạch từ trên cao đổ xuống. Có một chị tôi quen. Chị ấy đã từng đứng đường bán thân nuôi miệng. Chị bỏ nghề đi làm hồ vừa mới một tháng nay. Ngón chân sơn đỏ như máu của chị chưa kịp tróc chưa phai thì chị đã chết. Tôi bước chân vào cái hẻm, nơi tôi đã từng cùng chị về những lúc tàn đêm, “ Đi, đi cho biết nhà tao, cho biết hai đứa con tao, coi tao sống làm sao mà phải làm nghề góc đầu không nổi này ”. Bảo cũng đến đó, đến để chia tiền cho thân nhân chị gọi là “ đền

bù ”. Tôi biết nhiều chuyện hơn Bảo tưởng, hỏi Bảo tại sao hồ trộn không đủ chất lượng, toàn là cát làm sao đủ kết dính để đến nổi tường đổ ? Số xi măng lẽ ra được ngào hồ đã đi đâu ? Bảo không trả lời. Bảo im lặng. Tôi nghĩ với cương vị giám sát công trình anh phải biết và đã biết. Hồi lâu, Bảo lên tiếng : “ Dù sao, anh đền cho chị ta mười triệu là xứng đáng rồi, chỉ đâu có bảo hiểm gì... ”. Tôi tát Bảo thật mạnh. Da Bảo trắng quá nên in rành rành năm ngón tay tôi. Bảo bỏ đi. Tôi ôm hai đứa trẻ con chị, hai đứa trẻ mũi dãi tèm lem, tôi kéo vạt áo lau cho chúng. Tôi bật khóc và khóc vì yêu, Bảo đi vào con đường tội lỗi ấy khi nào, tôi vô tâm quá nên không biết.

Má tá hỏa khi hay tin Bảo bị thanh tra và Nguyên mà tôi nói đã không còn ở đây nữa. Nguyên đã định cư vĩnh viễn ở nước ngoài sau khi tặng tôi quả nguyệt cầu. Nguyệt cầu của chia xa, của thằng Cuội, chị Hằng chưa bao giờ được trông thấy nhau, được nhìn về một hướng.

Tôi về ngôi ngay chỗ gạch cửa nhỏ tóc bạc cho má tôi. Tôi không kể cho má nghe chuyện mình với Bảo vì sợ mình để rớt nước mắt trên đỉnh đầu đã bắt đầu trống huơ vì quá nhiều tóc bạc bị nhỏ của má. Má dạy tôi, tóc suôn suôn là tóc thường, đừng có nhỏ, má tóc bạc nhiều như vậy, nhỏ là trọc luôn đó. Mấy cọng xoăn mới là tóc ngựa. Rồi má kể hồi sáng này đi Hai có lên, tôi hỏi đi Hai đi đâu. Má nói bữa nay ngày mười sáu, ngày tốt đi Hai đi trồng răng lại, mấy cái răng cũ chờ ăn kẹo cưới của con cháu gái chờ tới rụng hết trơn rồi. Má bắt thần hỏi :

– Thằng Bảo làm lạc rồi, không ra gì rồi, sao con không giữ thằng kia lại hờ con ?

Ui chao, má hỏi tôi ngay cái lúc tôi không bình thường nhất. Tự dung tôi thêm được yêu thương ai đó để chia sẻ điều dặt nhau đi trên con đường đời ngổn ngang mà vì một nỗi đam mê nào đó tôi đã đánh mất rất nhiều.

Nguyễn Ngọc Tư

Ngổn Ngang là một trên 6 truyện ngắn trong tập Ngổn đên không tắt, nxb Trẻ, tập truyện ngắn được giải nhất trong cuộc vận động Sáng tác văn học tuổi 20 lần II (1.1999-4.2000) của Hội nhà văn TP HCM. Nguyễn Ngọc Tư, cây bút của Cà Mau, là một nhà văn nữ còn rất trẻ. Diễn Đàn mong còn có dịp giới thiệu với bạn đọc những sáng tác khác của cô.

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Tie truyện kiếm hiệp
đến
chương
Kim Dung
Văn Ngọc

Ai có thể ngờ rằng toàn bộ kho truyện chương của Kim Dung hiện nay đã được đưa lên mạng? Sự kiện này có lẽ còn hấp dẫn hơn cả cái “ dự án ” của nhà xuất bản Văn Học (Hà Nội) định cho in lại “ hàng loạt ” tác phẩm của ông! Bây giờ, chỉ cần mở trạm <http://come.tolkimdung> ra, là bạn có thể tham khảo được tất cả các tác phẩm kinh điển của nhà văn này!

Sự kiện tác phẩm của Kim Dung được đưa lên mạng là dấu hiệu gì, có ý nghĩa cao siêu gì, thì tôi chưa biết. Chỉ biết rằng, đối với những người thích đọc chương, thì đây là cơ hội ngàn năm! Ở cái thời đại văn minh công nghệ thông tin này, được những thứ quà tặng trời cho đó, tội gì mà không nhận! (Nói vậy, chứ cũng không phải là cho không đâu). Tuy nhiên, mỗi lần bấm nút, tôi vẫn không khỏi cảm ơn các vị bằng hữu nào đó đã bỏ công ra đánh máy lại, hoặc scanner lại những trang sách cũ nát kia để đưa lên mạng!

Lần này đọc lại những truyện chương của Kim Dung, tôi không chỉ trở lại với cái đam mê của thời niên thiếu. Điều này, thật ra cũng không có gì đáng hổ thẹn, nó nằm trong qui luật bình thường của sự tìm hiểu. Tôi không chỉ đọc lại vì nhu cầu tiêu khiển, những tác phẩm mà đối với tôi, từ bao giờ vẫn có một giá trị văn học nhất định, một sức hấp dẫn cao và một khả năng khơi gợi trí tưởng tượng tuyệt vời, mà còn vì qua đó tôi học hỏi được nhiều điều bổ ích. Một trong những điều bổ ích mà tôi khám phá ra, cách đây không bao lâu, là truyện chương của Kim Dung đây những từ ngữ Hán Việt, có thể khai thác được để làm giàu thêm tiếng Việt! Ngoài ra, trong các bản dịch đưa lên mạng, có nhiều bản dịch của những dịch giả mới, văn chương lưu loát, ngôn từ tinh tế, cập nhật (thật ra, tôi cũng không thạo chữ Hán, nên không biết các bản dịch này có trung thực hay không đối với nguyên tác?). Dấu sao thì đây cũng là những bản dịch có giá trị văn chương cao, khác xa với một số bản dịch bôi bác, cấu thả, mà người ta thường vừa phải đọc vừa phải sửa lỗi trước kia. Tôi đặc biệt chú ý đến các bản dịch của Nguyễn Duy Chính. Hai tác phẩm mà ông dịch ra: *Bạch Mã Khiếu Tây Phong* và *Uyên Ương Dao*, là những truyện ngắn, không có chương hồi, có lẽ đã được sáng tác vào thời kỳ đầu, nên chưa có những đặc điểm của phong cách Kim Dung.

Nói đến chương, người ta không thể không nghĩ đến truyện kiếm hiệp, đến số phận của những pho truyện mà một thời nhiều người đã say mê, mà, tội nghiệp, không bao giờ ai biết đến tên tác giả, chỉ biết là do Thanh Đình dịch (và bao giờ cũng chỉ có một tên ông này thôi), với những cái tựa không khỏi làm cho người ta mơ màng: *Huyền Không Động*, *Bồng*

Lai Hiệp Khách, *Giao Trì Hiệp Nữ*, *Hoàng Giang Nữ Hiệp*, *Long Hình Quái Khách*, *Nhất Chi Mai Đại Hiệp Sĩ*, v.v... những pho truyện mà lúc đó, cách đây đã trên nửa thế kỷ, chúng tôi phải ra tận chợ Đồng Xuân thuê, ở “ hiệu sách ” Trường Xuân (thực ra đây chỉ là một cái quầy sách) nằm ở ngay cửa chợ! Ở nhà tôi, cũng có cả một tủ sách kiếm hiệp đóng gáy hần hoi, ở bên trong, các trang sách còn mới tinh. Nhưng tủ sách có khoá, và trẻ con không được phép dòm ngó tới! Dấu sao thì ở vào cái tuổi của chúng tôi lúc ấy, sự thòm thèm được xem mặt mũi những cuốn sách trong chiếc hòm có khoá kia, có lẽ cũng chỉ dừng lại ở cái cảm giác thích thú khi được phép sờ mó vào chúng, những cuốn sách đóng gáy vải đen sạch sẽ, bên trong đầy những hình vẽ người cầm đao, cầm kiếm, phi thân lên mái nhà, hoặc bay bổng giữa không trung!

Lại có một thời - chắc lúc đó tuổi trưởng thành của tôi cũng đã qua từ lâu rồi - tôi mê man đọc truyện Tàu. Đó là những pho truyện tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa nổi tiếng: Tam Quốc, Thủy Hử, Tây du ký, Hồng Lâu Mộng, v.v... và rồi ngay cả những pho truyện kể dân gian không có tác giả, mà các cụ ta hay thích đọc, như: Chinh Đông, Chinh Tây, Tái Sinh Duyên, Chung Vô Diệm, v.v... Ở mỗi thể loại truyện này, và ở mỗi tuổi khác nhau như thế, tôi đều thấy có những cái hay, cái hứng thú riêng, thích hợp với mình lúc đó.

Vào những năm 60, khi truyện chương của Kim Dung xuất hiện, thì các loại truyện kiếm hiệp cổ điển, truyện Tàu, nói chung, đều bị “ hạ bệ ” không thương tiếc. Người ta tìm thấy ở các tác phẩm của Kim Dung nhiều cái mới lạ, nhiều cái hay. Song cũng ít ai phân tích ra được đó là những cái gì.

Đỗ Long Vân, một nhà lý luận tài năng và hiếm hoi, nghiên cứu về chương, một cao thủ trong trường phái cấu trúc luận, vào năm 1967, đã có những nhận xét như sau:

“ Thường thì ai cũng công nhận rằng truyện Kim Dung “ hay ” hơn những truyện võ hiệp cổ điển. Và để minh chứng cho thiên kiến ấy, người ta đã viện ra nhiều lý do: nào là tâm lý phức tạp, tình tiết éo le, truyện kể hồi hộp, nào là thiện và ác không còn mình định một cách ngây ngô như xưa nữa mà, trái lại, người ta không biết ai phải, ai trái, ai giỏi võ hơn ai và ai sẽ thắng... Những lý do ấy tuy nhiên, xét cho cùng, không diễn tả gì hơn là tâm sự của người đọc. Không phải thời nào người ta cũng tìm trong những truyện kể cái hồi hộp, sự phức tạp tâm lý và những xung đột khả nghi không biết ai phải và ai trái. Ấy là những đặc tính giờ làm người ta đam mê. Sự đam mê ấy nói lên rằng lòng người ta đã thay đổi. Nó không có nghĩa là người ta đã tìm ra những tiêu chuẩn khách quan của một cái hay muôn thuở. Truyện Kim Dung không hay hơn những truyện võ hiệp xưa. Chúng khác hẳn. Tại chúng đáp lại những nhu cầu tâm lý khác. Và công của Kim Dung không phải là đã cải thiện nghệ thuật viết truyện võ hiệp. Ông đã sáng tác ra một kiểu truyện võ hiệp mới.” (Đỗ Long Vân, *Vô Kỳ giữa chúng ta*, hay *Hiện tượng Kim Dung*, tr. 8-9, Tủ sách Nghiên cứu và Phê bình văn học - Trình Bày, Sài Gòn, 1967).

Những nhận xét của Đỗ Long Vân, trong bối cảnh những năm 60 ở Sài Gòn, vào giữa lúc phong trào đọc chương và luận bàn về chương ở đây đang mạnh, quả là khá táo bạo và không thiếu phần sâu sắc. Đó là những ý kiến, một mặt trùng hợp với một quan niệm triết lý ở phương Tây được nhiều người chấp nhận (Kant, Hegel, v.v...), cho rằng trong văn chương, nghệ thuật, cái hay, cái đẹp đều do sự thẩm định chủ quan của người

thường thức, nó tùy thuộc vào nhu cầu tâm lý và khả năng cảm thụ của họ. Thực ra, nó còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa : những tín hiệu, định kiến, những ước lệ đạo đức, quyền lợi của các thế lực cầm quyền, ở vào một thời điểm nhất định, trong một bối cảnh xã hội nhất định.

Mặt khác, chúng lại trùng hợp với một quan niệm, không hẳn mâu thuẫn với quan niệm trên, cho rằng *có những tiêu chuẩn khách quan* cho sự sáng tạo, cũng như cho sự thẩm định cái hay, cái đẹp, trong văn học, nghệ thuật.

Do đó, mặc dầu một mặt Đỗ Long Vân nói : “ *Truyện Kim Dung không hay hơn những truyện võ hiệp xưa. Chúng khác hẳn. Tại chúng đáp lại những nhu cầu tâm lý khác.* ”, song, mặt khác, ông lại vạch ra những yếu tố “ khách quan ” đã khiến cho truyện chương của Kim Dung “ hay ” hơn, và hấp dẫn hơn truyện kiếm hiệp.

Đó trước hết là yếu tố võ học.

Trong truyện của Kim Dung, võ học đóng một vai trò quan trọng hàng đầu, vì nó vừa là hành động, vừa là động cơ của hành động. Tất cả những điều bí ẩn nhất đều nằm trong nó. Nguyên nhân của những biến cố trong võ lâm thường cũng chỉ do, hoặc một cuốn bí quyết võ học, một cuốn kiếm phổ, hoặc một thanh bảo đao, bảo kiếm, mà mọi người đều muốn tranh giành lấy bằng được cho mình, hoặc cho môn phái mình, để chiếm địa vị độc tôn. Chỉ cần nhìn những cái tựa của phần lớn các tác phẩm của Kim Dung cũng đủ thấy điều đó : *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* (tức *Cô Gái Đồ Long*), *Liên Thành Quyết* (tức *Tổ Tâm Kiếm*), *Lục Mạch Thần Kiếm*, *Bích Huyết Kiếm*, *Thư Kiếm Ân Cừ Lục* (tức *Hồng Hoa Kiếm*), *Uyên Ưng Đao*, v.v... Trong Kim Dung, võ lâm và võ học đã trở thành một hệ thống phức tạp, có một cấu trúc lô gích, chặt chẽ, tự nó có một sức lôi cuốn và một sức thuyết phục mạnh mẽ. Đến nỗi chỉ cần nói lên cái tên của một môn võ công thượng thặng là người ta cũng đủ tin và đủ khiếp sợ rồi : *Chu cấp thân công*, *Hàm mô công*, *Kim cương chỉ*, *Nhất dương chỉ*, *Cần khôn đại nã di tâm pháp*, *Giáng long thập bát chưởng*, *Tối tâm chưởng*, *Lạc anh chưởng*, *Thất thương quyền*, v.v... Cách diễn giải võ học trong Kim Dung tạo ra một ma lực, làm cho người ta tin một cách thích thú vào những môn võ công, vào những sự kiện hoang đường, khó có thể tưởng tượng nổi - những điều mà người ta chưa từng thấy trong kiếm hiệp cổ điển. Chỉ một chương đánh ra “ cách không ” vào một thân cây ở tít tận đằng xa, cây vẫn đứng nguyên, trông ngoài thì không thấy có gì khác lạ, nhưng đến gần xem, đụng tay vào thì cây đổ, và người ta mới thấy ở bên trong, các thớ gỗ đều bị sức ép của chưởng phong, chưởng lực làm dập nát hết !

Nói tóm lại, trong chương của Kim Dung, võ học tự nó đã là một yếu tố hấp dẫn rồi.

Trên cơ sở một nền võ học đã tiến triển đến mức cao thâm không thể lường được ấy, Kim Dung đã xây dựng nên những kết cấu truyện với nhiều trục, nhiều tuyến khác nhau. Các động cơ hành động, các nhân vật, các số phận, các diễn biến, đan chéo, chồng chất lên nhau, trong thời gian và không gian, tạo nên cái bề dày của câu chuyện. Và đây cũng là cái yếu tố hấp dẫn thứ hai, một trong những đặc điểm quan trọng của truyện chương Kim Dung, và cũng là một trong những yếu tố của tiểu thuyết hiện đại, nói chung, trong nhiều nền văn học.

Yếu tố thứ ba có sức thu hút người đọc trong truyện chương của Kim Dung, là nghi vấn, là sự bất trắc, bất ngờ.

Trong một trường đấu tranh quyết liệt, không phải giữa chính phái và tà môn nữa, mà là giữa những phe phái, hoặc những cá nhân, có ý đồ chiếm đoạt bí quyết để giành ngôi

minh chủ, thêm vào đó lại còn có những kẻ làm tay sai cho triều đình trà trộn vào hàng ngũ giới võ lâm nữa, thì sự phân biệt giữa gian và ngay lại càng thêm phức tạp. Nghi vấn được đặt ra ngay trong những người cùng môn phái, ngay giữa cả cha con, anh em, vợ chồng, nói tóm lại, trong mọi tình huống. Người ta không chắc chắn được về bất cứ một hiện tượng gì, một điều khẳng định nào. Tất cả đều không thẳng tuột, rõ ràng trắng đen ngay từ đầu, như trong truyện kiếm hiệp cổ điển.

Thêm vào đó, mọi sự kiện, mọi tai biến, đều xảy ra một cách bất ngờ, không sao định trước, đoán trước được.

Ai có thể ngờ rằng cặp vợ chồng Hàn Tố Tố, Trương Thuý Sơn, hai nhân vật quan trọng, tưởng như tràn đầy hạnh phúc, tràn đầy tương lai, vậy mà vừa mới có được một mụn con, vừa ở hải đảo về, đã bị hy sinh ngay, để giữ danh dự cho môn phái, trong truyện *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* ? Ai có thể ngờ rằng Triệu Minh, cô công chúa người Mông cổ, cuối cùng lại vẫn lấy được Trương Vô Kỵ ? Cũng như, ai có thể ngờ được bản chất xấu xa của Chu Chỉ Nhược, hoặc cuộc đời ngày trước của Kim Hoa Bà Bà, và thân phận của Tiểu Siêu ? Nói chung, không ai có thể đoán trước được những bước đường đầy phiêu lưu, mạo hiểm, nhưng cũng đầy kỳ thú của những Vi Tiểu Bảo (trong *Lộc Đỉnh Ký*), Quách Tĩnh, Hoàng Dung (trong *Anh Hùng Xạ Điêu*), Trương Vô Kỵ (trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*), hay Đoàn Dự (trong *Lục Mạch Thần Kiếm*), và nói rộng ra, của mỗi nhân vật chính hay phụ trong truyện của Kim Dung.

Cả ba yếu tố hấp dẫn nêu trên của truyện Kim Dung đều đã được Đỗ Long Vân phân tích rành mạch, trong tác phẩm *Vô Kỵ Giữa Chúng Ta*, mà tôi đã dẫn ở trên.

Còn yếu tố thứ tư, lẽ ra cũng rất quan trọng, nhưng đối với độc giả không thông thạo chữ Hán, thì lại là thứ yếu, vì không tiếp thu được nó qua các bản dịch, đó là văn phong của Kim Dung. Các nhà Hán học đều công nhận văn Quan thoại của ông trong sáng, đơn giản, lời cuốn, và giàu tính dân tộc. Ngay từ những năm 80, tác phẩm của ông đã được đưa vào chương trình dạy văn ở các bậc trung học và đại học ở Trung Quốc, Đài Loan, và Hồng Kông.

Một trong những bí quyết của truyện võ hiệp Trung Hoa, đặc biệt là truyện chương của Kim Dung, chính là nằm ở trong cái ngôn ngữ Hán, vừa cô đọng, vừa đa nghĩa, vừa giàu hình ảnh, lại vừa linh hoạt, cho phép biến hoá, tạo ra những từ mới một cách dễ dàng. Không có cái ngôn ngữ đó, thì không biết làm sao có thể nặn ra được những cái tên võ công, chiêu thức, bí quyết, nhân vật, hấp dẫn kia ? Cũng may mà trong tiếng Việt, những cái tên đó cũng chỉ là những từ Hán Việt !

Trở lại yếu tố bất ngờ, đột xuất, đột biến, trong truyện chương của Kim Dung.

Tôi cho rằng yếu tố này, vốn có tính cách phiêu lưu, lãng mạn, chính là yếu tố hấp dẫn nhất trong tiểu thuyết, nói chung, từ xưa tới nay. Yếu tố đó đã có mặt ngay từ trong các truyện kể dân gian của người Trung Hoa, như : *Chinh Đông*, *Chinh Tây*, v.v..., trong các thiên tiểu thuyết chương hồi thời Minh, Thanh, như : *Tây Du Ký*, *Thủy Hử*, *Hồng Lâu Mộng*, v.v...

Khái niệm *đột biến*, *bất ngờ*, thuộc phạm trù những khái niệm về sự *chuyển động*, về *nhịp điệu*, về sự *tương phản* giữa các trạng thái, các cung đoạn thời gian, không gian, các hành động, tính cách nhân vật, v.v... Sự bất ngờ, đột biến, đột xuất, không những là một qui luật trong võ học, mà còn là một qui luật của thẩm mỹ. Không có sự chuyển động, không có nhịp điệu, không có sự tương phản, với những nét chấm phá, không có những đột biến, bất ngờ, thì một áng văn, một bài thơ, một đường quyền, một bức họa, hay một bộ phim, sẽ không thể

nào sinh động, hấp dẫn được, thậm chí sẽ chán ngắt !

Chính yếu tố bất ngờ, đột biến này, đã là một yếu tố quyết định trong kết cấu truyện của Kim Dung. Nó làm cho truyện của ông, mặc dầu cũng là tiểu thuyết chương hồi, ở cái hình thức bên ngoài, nghĩa là ở đầu mỗi hồi đều có hai câu thơ tóm tắt nội dung, giống như tiểu thuyết chương hồi Minh, Thanh, hoặc truyện kể dân gian (thoại bản), hoặc ngay cả truyện kiếm hiệp cổ điển, song mạch truyện lại không tuôn chảy một cách đơn điệu, theo một trục thẳng, mà luôn luôn có những khúc quanh, khúc ngoặt bất ngờ. Về một mặt nào đó, cách dẫn truyện, cũng như cách ngắt đoạn của Kim Dung, giống như cách lắp dựng một cuốn phim (montage), không theo trình tự thời gian, mà chủ yếu theo một cách kể truyện, nhằm gây hứng thú và bất ngờ cho người xem.

Trong truyện kiếm hiệp cổ điển, kết cấu truyện luôn luôn dựa theo một kịch bản gần như cố định, và một trục thời gian thẳng tắp, từ lúc nhân vật chính, thường là một thanh thiếu niên, đi tìm thầy học đạo, rồi xuống núi, dẫn thân vào chốn giang hồ hành nghĩa, cứu đời, hoặc tầm cừu để báo thù cho cha mẹ, và bao giờ nhân vật chính cũng ở trong chính phái, và bao giờ chính phái cũng thắng, v.v... Loại kịch bản đơn tuyến này, về một mặt nào đó, có thể so sánh được với những truyện đã sử dụng tiểu thuyết trong văn học phương Tây, như *Le Comte de Monte-Cristo* của Alexandre Dumas (1844), chẳng hạn. Ngược lại, loại kịch bản đa trục, đa tuyến trong chương của Kim Dung cũng đã có trong một số truyện võ hiệp Nhật Bản, mà thí dụ tiêu biểu nhất là tác phẩm *Musashi* (1935) của Yoshikawa Eiji, bản dịch tiếng Pháp là *La Pierre et le Sabre*.

Kim Dung đã sáng tạo ra một loại truyện võ hiệp mới, khác hẳn với truyện kiếm hiệp cổ điển. Điều đó đúng. Nhưng trong văn học, nghệ thuật, có hiện tượng sáng tạo nào mà lại không là một sự kế thừa, không có một nguồn gốc, xuất xứ ?

Vậy thì nguồn gốc, xuất xứ truyện *chương* của Kim Dung là từ đâu mà ra ? Giải đáp câu hỏi này, lẽ ra phải chính nhà văn làm mới phải ! Nhưng người đọc cũng có quyền chất vấn !

Dấu sao, một hiện tượng văn học, hay nghệ thuật, dù cho mới lạ, xuất hiện bất ngờ đến đâu, cũng chỉ có thể có nguồn gốc xuất xứ từ ngay trong cái xã hội và cái nền văn hoá đã sản sinh ra nó, với tất cả những ảnh hưởng mà nó tiếp nhận được từ những nền văn hoá khác nhờ ở sự giao lưu. Nền văn hoá Trung Hoa có một bề dày lịch sử hàng mấy ngàn năm, lại có một nền văn học phong phú, giàu những truyện thần thoại, truyền thuyết, giàu những truyền thống kể chuyện : truyện kể dân gian (thoại bản) thời Tống, Nguyên, tiểu thuyết chương hồi thời Minh, Thanh, tiểu thuyết võ hiệp cổ điển, v.v... Mỗi thể loại văn học đó đều đã được sáng tạo trên nền móng của những thể loại văn học tồn tại từ trước, dưới một hình thức khác, và đôi khi, một nội dung khác. Chẳng hạn như bộ *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* của La Quán Trung (cuối Nguyên, đầu Minh), viết theo khuynh hướng Hán chính thống, với tư tưởng chủ đạo là đặt vấn đề : thế nào là ông vua tốt, đã dựa vào nhiều nguồn tài liệu, trong đó có nào là thoại bản, kịch, nào là truyện đã sử, nào là sử biên niên, như cuốn *Tam Quốc Chí* của nhà sử học Trần Thọ, viết theo khuynh hướng Ngụy chính thống, với tư tưởng chủ đạo là thuyết “nhân quả báo ứng”, v.v...

Truyện *Thủy Hử* của Thi Nại Am, dựa vào một số sự kiện có thật trong lịch sử Trung Quốc, song đồng thời cũng đã dựa lên một số truyện kể dân gian do các nghệ nhân kể. Nghe nói, chỉ riêng đoạn *Võ Tòng đả hổ* đã chiếm 60 ngày, tức 60 lần kể, tương đương với 60 hồi ! Trong chính sử, và trong các thoại bản, chỉ có 36 vị anh hùng Lương Sơn Bạc, nhưng trong tiểu

thuyết lại được nhân lên tới 108 vị !

Truyện *Tây Du Ký* của La Quán Trung (và Ngô Thừa Ân), một mặt cũng dựa vào các sự việc có thật đã xảy ra ở đời Đường, với cuộc đi thỉnh kinh của nhà sư Huyền Trang, nhưng mặt khác cũng dựa lên những thoại bản giàu trí tưởng tượng của dân gian, trong đó Tôn Ngộ Không đóng một vai trò quyết định, khác với trong tiểu thuyết.

Nói chung, tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh đã kế thừa nhiều yếu tố của thần thoại, truyền thuyết, lịch sử, và truyền thống truyện kể dân gian của thời Tống, Nguyên.

Cũng như, truyện võ hiệp cổ điển đã kế thừa cả truyền thống truyện kể dân gian, lẫn truyền thống tiểu thuyết chương hồi, và đã từng trải qua một giai đoạn chuyển tiếp, với những truyện như *Càn Long Du Giang Nam*, v.v...

Truyện chương của Kim Dung cũng không thoát ra ngoài qui luật ấy. Tôi đọc lại những truyện kể dân gian như *Chinh Đông*, *Chinh Tây*, *Chung Vô Diệm*, hay tiểu thuyết chương hồi, như *Tây Du Ký*, nhiều khi không khỏi nghĩ đến chương !

Nếu những tác phẩm như *Thư Kiếm Ân Cừu Lục* (1955), *Tuyết Sơn Phi Hồ*, *Bạch Mã Khiếu Tây Phong*, *Uyển ương Dao*, quả thực là của Kim Dung, thì người ta có thể nhận ra được một cách dễ dàng, ở trong đó, những bước đầu tìm kiếm của ông.

Cái công lao to tát nhất của Kim Dung, chính là đã sáng tạo ra được một cái nền móng mới để tạo dựng nên một loại tiểu thuyết võ hiệp mới. Cái nền móng đó trước hết là một hệ thống võ học có cơ sở lô gích, dù cho cái lô gích đó chỉ là ở trong ngôn ngữ, song nó vẫn có khả năng hấp dẫn, thuyết phục, và chinh phục trí tưởng tượng của người đọc.

Kim Dung đã đem lại cho truyện võ hiệp một nội dung mới, một sắc thái mới, do đã tạo ra được những động cơ hành động đa dạng hơn, những nhân vật võ lâm với tâm lý phức tạp hơn, đồng thời, ông đã đem lại một sự náo nhiệt hơn cho cái không gian vốn hơi quá yên tĩnh của chốn giang hồ trong truyện kiếm hiệp ngày trước.

Đỗ Long Vân cho rằng *Thiên Long Bát Bộ* là “ bộ truyện võ hiệp hay nhất từ xưa tới nay ”. Nhiều người khác lại cho rằng, đứng về mặt cốt truyện và dẫn truyện, *Lộc Đình Kỳ* (1969) là bộ truyện độc đáo và lý thú nhất, trừ vài chương ở đoạn cuối, hơi thừa. Ngoài ra, *Ý Thiên Đồ Long Ký* và *Thần Điều Hiệp Lữ* (tức *Thần Điều Đại Hiệp*) cũng đều là những bộ truyện có kết cấu vững vàng, nội dung ly kỳ, sinh động...

Văn Ngọc

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đổ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 35 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Thế lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)